

**HỘI NGHỊ CÁN BỘ TOÀN QUỐC
VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG**

**MỘT SỐ VĂN BẢN
VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG
VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
TỪ ĐẦU NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII
CỦA ĐẢNG ĐẾN NAY**

Hà Nội, tháng 12/2021

DANH MỤC TÀI LIỆU
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG

STT	Số ký hiệu	Ngày VB	Trích yếu	Ghi chú
1.	01-CT/TW	09/03/2021	Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	
2.	01-KL/TW	18/5/2021	Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	
3.	22-QĐ/TW	28/07/2021	Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	
4.	24-QĐ/TW	30/07/2021	Quy định của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Điều lệ Đảng	
5.	14-KL/TW	22/09/2021	Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung	
6.	01-HD/TW	28/09/2021	Hướng dẫn của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng	
7.	21-KL/TW	25/10/2021	Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"	
8.	37-QĐ/TW	25/10/2021	Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm	
9.	41-QĐ/TW	03/11/2021	Quy định của Bộ Chính trị về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ	
10.	03-KH/TW	24/11/2021	Kế hoạch của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"	
11.			Hướng dẫn của Ban Bí thư thực hiện Quy định 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng	Sẽ gửi các đồng chí sau
12.	02-HD/UBKTTW	29/11/2021	Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm	

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện
Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Đại hội đã thông qua Nghị quyết và các văn kiện Đại hội (sau đây gọi chung là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng). Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn, kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045; có giá trị định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội. Để Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cấp, các ngành tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là công việc thường xuyên, phải được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, khoa học trong suốt cả nhiệm kỳ. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2021, là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng để mỗi cán bộ, đảng viên đều nắm vững và thực hiện đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết của Đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sự đồng thuận cao trong nhân dân; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết

Đại hội XIII của Đảng là nhằm góp phần tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; uốn nắn những nhận thức lệch lạc; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chủ trì và chịu trách nhiệm về chất lượng nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, xây dựng chương trình hành động của cấp uỷ.

3. Nội dung nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bao gồm: Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về các văn kiện Đại hội XIII của Đảng; Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng khoá XII.

4. Công tác tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng phải được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, chất lượng; kết hợp tự nghiên cứu với nghe phổ biến, quán triệt; nhấn mạnh, làm rõ những vấn đề mới, cốt lõi; nêu cao trách nhiệm của báo cáo viên, người đứng đầu cấp uỷ trong báo cáo truyền đạt Nghị quyết, cũng như cán bộ, đảng viên trong học tập Nghị quyết, đặc biệt là sự nêu gương của cán bộ chủ chốt các cấp.

- Ban Bí thư Trung ương Đảng chủ trì tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Các tổ chức đảng có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật kết nối đường truyền thì mở điểm cầu tới cơ sở. Báo cáo viên là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khoá XIII đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn kiện Đại hội XIII của Đảng hoặc được phân công theo lĩnh vực. Thời gian hoàn thành trong tháng 3/2021.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản; lãnh đạo các hội văn học, nghệ thuật, hội khoa học, kỹ thuật và các văn nghệ sĩ, trí thức; đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các học viện, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Thời gian hoàn thành các hội nghị vào cuối quý II/2021. Hội nghị dành cho báo cáo viên nòng cốt của các cấp uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện trong quý I.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho từng đối tượng cụ thể, từ tỉnh tới cơ sở, những cán bộ, đảng viên chưa được tham gia học tập tại Hội nghị do Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức. Đồng chí bí thư cấp uỷ, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp làm báo cáo viên. Thời gian hoàn thành các hội nghị trong quý II/2021.

5. Sau đợt nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội, các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội khẩn trương tiến hành xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị, thể hiện sự quyết tâm, sáng tạo và bảo đảm tính khả thi, thiết thực, hiệu quả. Kết quả thực hiện chương trình hành động là cơ sở quan trọng để kiểm điểm, đánh giá tập thể cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị hằng năm và cả nhiệm kỳ. Thời gian hoàn thành chương trình hành động trong quý II/2021.

6. Công tác tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần được tiến hành thường xuyên, toàn diện, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, phong phú, sinh động. Nội dung tuyên truyền tập trung về thành công của Đại hội, về những nội dung cốt lõi của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; nhận diện đầy đủ những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức trong những năm tới; chú trọng đấu tranh phản bác các quan điểm lệch lạc, sai trái, thù địch và định hướng dư luận xã hội theo đúng phương châm "lấy xây làm chính", "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực"; phản ánh kịp thời, đầy đủ, toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết tới các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta ở nước ngoài để góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

7. Việc tổ chức Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng phải kết hợp với thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị khác, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, an toàn.

8. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tham mưu Kế hoạch tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; đồng thời theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn về kinh phí phục vụ việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị
"Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,
phong cách Hồ Chí Minh"

Tại phiên họp ngày 07/5/2021, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khoá XII "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" (Chỉ thị 05) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

Năm năm qua, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị 05, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện, với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, có sức lan toả trong Đảng và toàn xã hội. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã từng bước đi vào nền nếp, trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thúc đẩy việc tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, nhất là vai trò tiên phong, gương mẫu của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; góp phần kiềm chế, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Những kết quả nêu trên là nhân tố quan trọng, góp phần vào sự thành công Đại hội XIII của Đảng, của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 05 còn bộc lộ một số hạn chế: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có nơi, có lúc chưa quyết liệt, chưa kịp thời, chưa sát thực tế; một số người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm, còn thụ động, trông chờ, ỷ lại, thiếu sáng tạo trong triển khai thực hiện Chỉ thị. Việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo Bác, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu chưa thường xuyên; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định

của Đảng, vi phạm pháp luật. Việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các khâu đột phá, các vấn đề cấp bách, bức xúc còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc còn bị động, kết quả chưa cao. Việc phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác chưa kịp thời, thiếu sức thuyết phục. Công tác đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ; tự phê bình và phê bình có nơi, có lúc còn hình thức; tình trạng thiếu tự giác nhận khuyết điểm, đổ lỗi, nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Công tác kiểm tra, giám sát của nhiều cấp uỷ đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt, phạm vi, đối tượng còn hẹp, hiệu quả cảnh báo, phòng ngừa vi phạm chưa đạt yêu cầu.

Để việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thời gian tới đạt hiệu quả thiết thực, cần phải quán triệt, tập trung làm tốt ba nội dung: *Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên*. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân. Xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ hơn nữa giữa Đảng với dân, thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", "trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân", "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

2. Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn. Thực hiện đồng bộ giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. "Xây" là tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề ra. "Chống" là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; phê phán, xử lý nghiêm những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm,

quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không ngừng nghỉ, không bị tác động bởi bất cứ tổ chức, cá nhân có hành vi không lành mạnh nào. Nâng cao tính cảnh tỉnh, rắn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực, đồng thời khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, phải đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Việc tự giác nêu gương để khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Lãnh đạo chủ chốt các cấp phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong công tác cán bộ. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, mẫu mực về nhân cách, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không tham nhũng, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, không để người nhà, người thân lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ, cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác. Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hoá trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; xây dựng văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Khuyến khích sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề đang đặt ra; tăng cường

xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

6. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thực chất. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

7. Tổ chức thực hiện

- Cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả Chỉ thị 05 và Kết luận này.

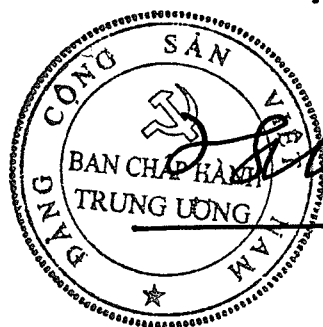
- Các ban đảng Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm tiếp tục hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Chỉ thị 05 theo tinh thần, nội dung Kết luận này.

- Giao cho Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì tham mưu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện chuyên đề toàn khoá; hằng năm, căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ cụ thể, xây dựng hướng dẫn nội dung sinh hoạt chuyên đề bảo đảm vừa bám sát nội dung mang tính chiến lược, lâu dài, cốt lõi, vừa mang tính thời sự; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 05 và Kết luận này.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thường

QUY ĐỊNH
về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đối với các tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm cả tổ chức đảng đã hết nhiệm kỳ hoạt động, đã giải thể hoặc thay đổi do chia tách, sáp nhập về mặt tổ chức; đảng viên đã chuyển công tác, nghỉ việc, nghỉ hưu.

Điều 2. Nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng

1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra.

2. Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

3. Công tác kiểm tra, giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực để phát huy, phải bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; phải chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn mới manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải cương quyết xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời để răn đe và giáo dục.

4. Tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền, phương pháp công tác theo quy định của Đảng; chủ động, kịp thời, công khai, dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác, nghiêm minh.

5. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, không có ngoại lệ.

6. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng được quy định tại Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải tuân thủ nhằm bảo đảm việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên được thống nhất, chặt chẽ, công minh, chính xác, kịp thời.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy. Các thành viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoạt động chuyên trách. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy (thuộc tỉnh ủy, thành ủy) và tương đương có thành viên kiêm nhiệm là trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức cấp ủy là cấp ủy viên, chánh thanh tra cùng cấp (nếu có).

2. Cơ quan ủy ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp ủy ban kiểm tra cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp giao; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của cấp ủy.

3. Kiểm tra của Đảng là việc các tổ chức đảng xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có).

Hình thức giám sát có giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề; giám sát chuyên đề khi cần thiết thì thực hiện thẩm tra, xác minh.

5. Chủ thể kiểm tra, giám sát gồm: Chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ); ban cán sự đảng, đảng đoàn (là chủ thể kiểm tra).

Chủ thể kiểm tra, giám sát khi thực hiện nhiệm vụ phải thẩm tra, xác minh, phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả đạt được, khuyết điểm, hạn chế, tồn tại, vi phạm (nếu có); nguyên nhân của khuyết điểm, tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có) và kết luận đối với tổ chức đảng, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, kể cả nhiệm vụ cấp trên giao.

6. Đối tượng kiểm tra, giám sát gồm: Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

Quyền và trách nhiệm của đối tượng kiểm tra, giám sát:

- Chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, các quyết định, kết luận, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát; báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu.

- Không để lộ nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết; không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát.

- Được sử dụng bằng chứng có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát để báo cáo, giải trình; bảo lưu ý kiến và đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát.

7. Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân.

8. Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý bằng một trong những hình thức kỷ luật được quy định tại Khoản 2, Điều 35 Điều lệ Đảng.

9. Khiếu nại kỷ luật đảng là việc tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật thực hiện quyền của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Đảng, đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đảng khi có căn cứ, cơ sở cho rằng quá trình kiểm tra, xem xét, quyết định kỷ luật đối với mình chưa đúng với quy định của Đảng, xâm phạm quyền và lợi ích của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật.

10. Khi có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên là khi có những thông tin, tài liệu, phản ánh, đối chiếu cho thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên không tuân theo, không làm hoặc làm trái với Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

11. Kiểm tra tài chính đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm (nếu có) của đối tượng kiểm tra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

12. Thời hiệu xử lý kỷ luật của Đảng là thời hạn mà khi hết thời hạn đó, đảng viên có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm đảng viên thực hiện hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

13. Thời hạn kiểm tra, giám sát là thời gian được tính từ ngày chủ thể kiểm tra, giám sát công bố quyết định kiểm tra, giám sát hoặc ngày nhận được báo cáo của đối tượng kiểm tra, giám sát đến ngày kết thúc cuộc kiểm tra, giám sát đó.

14. Mốc thời gian kiểm tra, giám sát: Được tính theo ngày làm việc, 1 năm tính đủ 12 tháng.

Chương II

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG

Điều 4. Cấp uỷ, tổ chức đảng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát.

1.1. Chủ thể: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

1.2. Nội dung.

a) Triển khai, quán triệt Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành pháp luật của Nhà nước.

c) Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo, đôn đốc cấp uỷ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

d) Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát, phản biện.

đ) Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ với ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc các cơ quan liên quan.

e) Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; giải quyết kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới; định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

g) Chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

h) Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

i) Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

2.1. Chủ thể kiểm tra: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

2.2. Đối tượng kiểm tra.

2.2.1. Tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2.2.2. Đảng viên thuộc phạm vi quản lý, trước hết là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ cấp mình quản lý, cán bộ giữ cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng.

2.3. Nội dung kiểm tra.

2.3.1. Đối với tổ chức đảng.

a) Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.

d) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

đ) Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

e) Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, nâng ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ.

g) Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.3.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2.4. Thẩm quyền và trách nhiệm.

2.4.1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình,

kế hoạch kiểm tra, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn kiểm tra.

2.4.2. Yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

2.4.3. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực tiếp kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật; quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.4.4. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra.

3. Thực hiện nhiệm vụ giám sát.

3.1. Chủ thể giám sát: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

3.2. Đối tượng giám sát: Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

3.3. Nội dung giám sát.

3.3.1. Đối với tổ chức đảng: Như nội dung kiểm tra của cấp uỷ tại Điểm 2.3.1, Mục 2.2, Khoản 2, Điều 4.

3.3.2. Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3.4. Thẩm quyền và trách nhiệm.

3.4.1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn giám sát.

3.4.2. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ phân công cấp uỷ viên, uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện việc giám sát.

3.4.3. Cấp uỷ viên khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản theo nội dung giám sát và chịu trách nhiệm về các nội dung, thông tin, tài liệu

giám sát; có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho ban thường vụ hoặc cho cấp uỷ.

3.4.4. Qua giám sát, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; cử cấp uỷ viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

3.4.5. Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra hoặc giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.4.6. Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì quyết định bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

4.1. Thi hành kỷ luật trong Đảng, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên và đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo thẩm quyền.

4.2. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên ở lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, quan trọng hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Điều 5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

1.1. Đối tượng kiểm tra.

- Chi uỷ, chi bộ, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ, trước hết là cấp dưới trực tiếp.

- Đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao.

1.2. Nội dung kiểm tra: Theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

1.3. Thẩm quyền và trách nhiệm.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên hoặc phối hợp

với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác kiểm tra.

- Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp uỷ hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách; tham gia các cuộc kiểm tra của cấp uỷ hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp uỷ giao.

- Giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; tham gia ý kiến và giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

- Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, được yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu.

- Qua kiểm tra, yêu cầu đối tượng kiểm tra kịp thời khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm; nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Thực hiện nhiệm vụ giám sát.

2.1. Đối tượng giám sát.

- Chi uỷ, chi bộ, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp dưới.

- Đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách, các đối tượng khác do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao.

2.2. Nội dung giám sát.

2.2.1. Đối với tổ chức đảng.

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đối tượng giám sát.

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

2.2.2. Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp uỷ viên liên quan đến lĩnh vực phụ trách của đối tượng giám sát.

2.3. Thẩm quyền và trách nhiệm.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác giám sát.

- Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát của cấp uỷ hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và cán bộ, chuyên viên được phân công theo dõi lĩnh vực, địa bàn khi thực hiện nhiệm vụ giám sát được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu đó.

- Qua giám sát, kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản sai trái thì báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, xử lý.

3. Chủ trì giải quyết tố cáo theo quy định của Bộ Chính trị hoặc cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp quản lý có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

4. Tham gia các đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp.

Điều 6. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn

1. Lãnh đạo công tác kiểm tra.

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng trong lĩnh vực được phân công, phụ trách; căn cứ quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc của tỉnh uỷ, thành uỷ về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc và tình hình thực tế để xác định nội dung, đối tượng và phương pháp lãnh đạo công tác kiểm tra.

- Ban hành văn bản chỉ đạo về công tác kiểm tra thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phân công các thành viên ban cán sự đảng, đảng đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra thuộc phạm vi phụ trách.

- Trực tiếp làm việc hoặc thông qua văn bản chỉ đạo của ban cán sự đảng, đảng đoàn đối với đối tượng lãnh đạo.

- Phối hợp với cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

2. Nội dung lãnh đạo.

- Triển khai quán triệt và chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Lãnh đạo các thành viên của ban cán sự đảng, đảng đoàn gương mẫu thực hiện công tác kiểm tra và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định khi được kiểm tra, giám sát.

- Lãnh đạo việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về công tác kiểm tra có liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền của ban cán sự đảng, đảng đoàn; lãnh đạo khắc phục hậu quả, sửa chữa khuyết điểm sau kiểm tra, giám sát.

- Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

3. Đối tượng lãnh đạo.

- Thành viên của ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Những tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền kiến nghị, đề xuất của ban cán sự đảng, đảng đoàn.

Điều 7. Chi bộ

1. Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, nhiệm vụ do chi bộ phân công và quy định về trách nhiệm nêu gương, về những điều đảng viên không được làm.

2. Giải quyết tố cáo và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên trong chi bộ về thực hiện nhiệm vụ chi bộ giao; về phẩm chất, đạo đức, lối sống; về thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ cấp trên giao).

Điều 8. Ủy ban kiểm tra các cấp

1. Nguyên tắc tổ chức và chế độ làm việc.

1.1. Nguyên tắc tổ chức.

a) Ủy ban kiểm tra được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu, bầu ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Việc bầu cử được thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

b) Nhiệm kỳ hoạt động của ủy ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp. Ủy ban kiểm tra khoá mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu và nhận bàn giao từ ủy ban kiểm tra khoá trước. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra được ký ban hành văn bản ngay sau khi được bầu.

c) Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

d) Ủy ban kiểm tra phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới; giúp cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra; tham mưu kiện toàn cơ quan ủy ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

đ) Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp dưới.

1.2. Chế độ làm việc.

Ủy ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên, cụ thể:

a) Ủy ban kiểm tra có thể ủy quyền cho tập thể thường trực ủy ban (nơi có từ 2 phó chủ nhiệm trở lên) quyết định một số vấn đề cụ thể (theo quy chế làm việc của ủy ban và quy định chế độ làm việc của cơ quan ủy ban kiểm tra). Thường trực ủy ban gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Đối với Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương, thường trực ủy ban kiểm tra gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và các ủy viên chuyên trách.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc; định kỳ báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ chương trình, kế hoạch, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, việc thực hiện quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra và các nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ giao; chịu sự kiểm tra, giám sát của cấp uỷ.

c) Làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra cấp trên trong việc:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

- Phương hướng, nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; việc tham mưu và xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề hằng năm.

- Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát mà uỷ ban kiểm tra cấp trên đang tiến hành.

- Tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Khi cần thiết, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

1.3. Quyền hạn

Uỷ ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát:

a) Trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổ chức đảng và đảng viên phải thực hiện nghiêm các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra. Uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

b) Khi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng gửi các văn bản, báo cáo cho cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp trên thì đồng gửi uỷ ban kiểm tra cấp trên.

1.4. Trường hợp uỷ ban kiểm tra có ý kiến khác với ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ thì uỷ ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, đồng thời báo cáo uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Trường hợp uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với ban thường vụ, cấp uỷ cấp dưới thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Trường hợp Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

1.5. Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn uỷ ban kiểm tra đảng uỷ các quân khu, bộ đội biên phòng phối hợp với uỷ ban kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ (chủ trì) tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với đảng uỷ quân sự, bộ đội biên phòng địa phương.

1.6. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, đảng viên trong Công an nhân dân các địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra các cấp.

2.1. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng từ 19 đến 21 uỷ viên chuyên trách; trong đó không quá một phần ba là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương. Thường trực Uỷ ban Kiểm tra Trung ương gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm; số lượng phó chủ nhiệm do Bộ Chính trị quyết định.

2.2. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương.

- Số lượng từ 9 đến 11 uỷ viên (do cấp uỷ quyết định), trong đó có 2 uỷ viên kiêm chức (trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức của cấp uỷ là cấp uỷ viên và chánh thanh tra tỉnh, thành phố), riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh số lượng từ 13 đến 15 uỷ viên; Thanh Hoá, Nghệ An số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên.

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên; riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá 5 phó chủ nhiệm, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Nghệ An không quá 4 phó chủ nhiệm.

2.3. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Khối Doanh nghiệp Trung ương.

- Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do Đảng uỷ Khối quyết định), trong đó có 3 đến 5 uỷ viên kiêm chức (cấp uỷ viên phụ trách công tác tổ chức, cấp uỷ viên phụ trách công tác khác, bí thư hoặc phó bí thư, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc Đảng uỷ Khối).

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và từ 4 đến 6 uỷ viên.

2.4. Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương.

- Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do Quân uỷ Trung ương quyết định), trong đó có 8 đến 10 uỷ viên chuyên trách và từ 3 đến 5 uỷ viên kiêm chức (bao gồm: Chủ nhiệm Uỷ ban là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Cục trưởng Cục Tổ chức; Cục trưởng Cục Cán bộ; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng); có 2 đến 3 uỷ viên là Uỷ viên Quân uỷ Trung ương.

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm (có 1 phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên.

2.5. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương.

- Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do Đảng uỷ Công an Trung ương quyết định), trong đó có từ 8 đến 10 uỷ viên chuyên trách và 3 đến 5 uỷ viên kiêm chức (bao gồm: Chủ nhiệm Uỷ ban là Phó Bí thư hoặc Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Chánh Thanh tra Bộ Công an); có từ 2 đến 3 uỷ viên là Uỷ viên Đảng uỷ Công an Trung ương.

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm (có 1 phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên.

2.6. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ.

- Số lượng từ 7 đến 9 uỷ viên (do cấp uỷ quyết định), trong đó có 2 uỷ viên kiêm chức (trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp uỷ viên và chánh thanh tra cùng cấp; nơi không có chánh thanh tra cùng cấp là đồng chí phó bí thư của cấp uỷ trực thuộc).

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên) và một số uỷ viên.

2.7. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cấp trên cơ sở.

- Số lượng từ 5 đến 7 uỷ viên (do cấp uỷ quyết định), trong đó có 2 uỷ viên kiêm chức (trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp uỷ viên và chánh thanh tra cùng cấp; nơi không có chánh thanh tra cùng cấp là đồng chí phó bí thư hoặc chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc).

- Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là chuyên trách) và một số uỷ viên chuyên trách.

2.8. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở.

- Số lượng từ 3 đến 5 ủy viên (do đảng ủy cơ sở quyết định), trong đó phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ làm chủ nhiệm. Nơi không có ban thường vụ cấp ủy thì đồng chí phó bí thư làm chủ nhiệm.

- Các ủy viên khác có thể là cấp ủy viên hoặc đảng viên phụ trách công tác đoàn thể, bí thư chi bộ, thanh tra nhân dân.

- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn; những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan và doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên thì bố trí 1 ủy viên chuyên trách làm phó chủ nhiệm.

2.9. Đảng ủy bộ phận và chi bộ không lập ủy ban kiểm tra; tập thể cấp ủy, chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và phân công 1 cấp ủy viên phụ trách. Có thể lựa chọn phân công một số đảng viên giúp đồng chí cấp ủy viên phụ trách làm công tác kiểm tra, giám sát.

2.10. Tổ chức bộ máy, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở thuộc Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn sau khi thống nhất với các đảng ủy nêu trên và Ban Tổ chức Trung ương.

2.11. Trường hợp có những yêu cầu khác với nội dung Điều 8 của Quy định này thì cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy phải báo cáo với cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp, khi được sự đồng ý (bằng văn bản) mới tổ chức thực hiện.

3. Về thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng.

3.1. Thực hiện nhiệm vụ giám sát.

3.1.1. Nội dung giám sát.

a) Đối với tổ chức đảng:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

b) Đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý):

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác.

- Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng.

- Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3.1.2. Đối tượng giám sát.

a) Đối với tổ chức đảng: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

b) Đối với đảng viên: Cấp uỷ viên cùng cấp (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ), cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý.

3.1.3. Thẩm quyền và trách nhiệm.

- Uỷ ban kiểm tra phân công thành viên uỷ ban dự các cuộc họp của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp, cử cán bộ kiểm tra dự các hội nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

- Thành viên uỷ ban kiểm tra, đoàn giám sát và cán bộ kiểm tra được yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp tài liệu, báo cáo về các nội dung giám sát; có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về việc giám sát trước uỷ ban kiểm tra.

- Qua giám sát phải kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên được giám sát phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

- Nếu phát hiện cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới ban hành các nghị quyết, quyết định, kết luận hoặc đảng viên ban hành các quyết định sai trái thì uỷ

ban kiểm tra yêu cầu xem xét lại, nếu không khắc phục, xử lý thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan.

- Qua giám sát nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.2. Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, thi hành kỷ luật.

3.2.1. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

3.2.1.1. Việc phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm thông qua.

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế và giám sát của nhân dân.

b) Báo cáo, kiến nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

c) Tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; việc bình xét, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng.

d) Tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của đảng viên và nhân dân.

đ) Phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng đã được kiểm chứng.

3.2.1.2. Nội dung kiểm tra.

a) Đối với tổ chức đảng:

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.

- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

b) Đối với đảng viên: Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3.2.1.3. Đối tượng kiểm tra.

a) Đối với tổ chức đảng:

- Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp dưới trực tiếp; cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ cùng cấp.

- Khi kiểm tra tổ chức đảng có thể kết hợp kiểm tra đảng viên.

b) Đối với đảng viên: Đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý khi có dấu hiệu vi phạm; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý.

3.2.1.4. Thẩm quyền quyết định kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra (nơi không có thường trực uỷ ban kiểm tra) hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên.

3.2.2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

a) Nội dung kiểm tra:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng cấp dưới theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của uỷ ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

b) Đối tượng kiểm tra: Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

3.2.3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

a) Nội dung kiểm tra:

- Việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên và việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Xem xét các vụ vi phạm đến mức phải xử lý nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức.

- Việc chấp hành các quyết định, chỉ thị, kết luận, thông báo của tổ chức đảng cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Đối tượng kiểm tra: Các tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3.2.4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật.

Căn cứ kết quả kiểm tra, đề nghị của tổ chức đảng và kết luận của cơ quan pháp luật nếu thấy đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì uỷ ban kiểm tra quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ xem xét, quyết định kỷ luật.

3.2.5. Giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng theo thẩm quyền đối với tổ chức đảng và đảng viên (chi tiết tại Chương IV, Chương V Quy định này).

3.2.6. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

a) Nội dung kiểm tra:

- Đối với cấp uỷ cấp dưới:

+ Việc ban hành các quy định, quyết định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cấp uỷ.

+ Việc thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới) chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật về tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện các quy định về chế độ kế toán, chứng từ; về thanh quyết toán, chi tiêu tài chính, quản lý tài sản của Đảng; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc.

- Đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp:

+ Việc tham mưu cho cấp uỷ ban hành các chính sách, quyết định, quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

+ Việc thực hiện sự chỉ đạo, quy định, quyết định của cấp uỷ cấp mình và cơ quan tài chính cấp uỷ cấp trên.

+ Việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cấp dưới.

- Đối với ngân sách do Nhà nước cấp: Uỷ ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp uỷ có thể phối hợp với cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức kiểm tra.

- Đối với kiểm tra thu, nộp đảng phí: Chủ yếu do đảng uỷ cơ sở và uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở tiến hành.

b) Đối tượng kiểm tra: Cấp uỷ cấp dưới và cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp. Khi cần thiết thì kiểm tra tài chính các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cùng cấp.

3.2.7. Thẩm quyền và trách nhiệm.

a) Yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung kiểm tra và phải giữ bí mật thông tin, tài liệu.

b) Yêu cầu đối tượng kiểm tra phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm (trừ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm) thì quyết định và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

c) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, uỷ ban kiểm tra được yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

d) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giám định chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

4. Tham mưu giúp cấp uỷ và thực hiện nhiệm vụ cấp uỷ giao.

4.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ thực hiện các nội dung tại Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 4; xem xét, xử lý kỷ luật và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng.

4.2. Tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp chủ trì. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ yêu cầu, kiến nghị tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thu hồi các văn bản trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị cấp uỷ,

ban thường vụ cấp uỷ xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

4.3. Cùng các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, quyết định của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ sau các cuộc kiểm tra, giám sát. Phối hợp với văn phòng cấp uỷ giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ lập và nộp lưu hồ sơ các cuộc kiểm tra, giám sát.

4.4. Hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp, ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chỉ đạo kiện toàn uỷ ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

4.5. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

4.6. Trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật.

- Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc, nếu phát hiện vi phạm liên quan đến đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý thì thủ trưởng cơ quan trên chuyển thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến uỷ ban kiểm tra cùng cấp để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của Đảng.

- Uỷ ban kiểm tra kiểm tra xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý có dấu hiệu vi phạm trong các vụ việc, vụ án do các cơ quan chức năng thụ lý.

Chương III

THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 9. Nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2. Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

3. Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các đảng bộ nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

4. Việc thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, ảnh hưởng, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Nếu hết thời hiệu thì không xem xét, xử lý kỷ luật.

5. Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại (trừ trường hợp có quy định khác). Tổ chức đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng, phải chỉ đạo hoặc đề nghị ngay với các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự cho đồng bộ, kịp thời.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì phải chủ động thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về Đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, đoàn thể.

6. Đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức; nếu có vi phạm khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

7. Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bị bệnh nặng thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đã qua đời tổ chức đảng xem xét, không xử lý kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

8. Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

9. Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

10. Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

11. Khi kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng.

12. Đảng viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Điều 10. Hình thức kỷ luật của Đảng

1. Đối với tổ chức đảng: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

2. Đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

3. Đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo.

Điều 11. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm

1. Thẩm quyền của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp.

1.1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

- Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý cán bộ.

- Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

- Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp uỷ viên đảng uỷ cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm

khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chỉ bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chỉ bộ đề nghị ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

1.3. Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý).

1.4. Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chỉ bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý). Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Trường hợp tất cả cấp uỷ viên của chỉ bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo thì báo cáo để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

- Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

1.5. Ban thường vụ tỉnh, thành, huyện, quận uỷ và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp); quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.6. Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ

đảng viên và vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao. Sau khi cấp uỷ biểu quyết đủ đa số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật.

1.7. Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, Bộ Chính trị quản lý; khiển trách, cảnh cáo Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Trường hợp cách chức, khai trừ thì Ban Bí thư, Bộ Chính trị báo cáo Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

1.8. Ban Chấp hành Trung ương là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng; quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư.

2. Thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra các cấp.

2.1. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp uỷ viên chi bộ, cấp uỷ viên đảng uỷ bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp).

2.2. Uỷ ban kiểm tra huyện uỷ, quận uỷ và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ, đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng uỷ cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng uỷ viên đảng uỷ cơ sở hay cán bộ do cấp uỷ huyện, quận và cấp tương đương cùng cấp quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp.

2.3. Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên huyện, quận và tương đương (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ), đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp. Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên cơ sở trở xuống nhưng không phải là cấp uỷ viên cấp huyện, quận và tương đương hoặc cán bộ do cấp uỷ tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quản lý.

2.4. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương (kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị,

Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Quyết định các hình thức kỷ luật đối với các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 12. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm

1. Thẩm quyền của tổ chức đảng.

- Các tổ chức đảng có quyền quyết định thi hành kỷ luật theo quy định; nếu không thuộc thẩm quyền thì đề nghị tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp cơ sở trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới theo quy định.

- Tổ chức đảng bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

- Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Thẩm quyền của ủy ban kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra các cấp xem xét, kết luận, đề xuất với cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới.

Điều 13. Trình tự xem xét, quyết định thi hành kỷ luật

1. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm, đảng viên vi phạm có thể trình bày ý kiến trực tiếp với tổ chức đảng có thẩm quyền tại hội nghị xem xét, quyết định kỷ luật. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm không trực tiếp trình bày ý kiến với đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

2. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên.

2.1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2.2. Cấp uỷ hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp uỷ tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý.

2.3. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ.

2.4. Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết.

2.5. Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

3. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật tổ chức đảng.

3.1. Tổ chức đảng vi phạm phải tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

3.2. Nếu tổ chức đảng sau khi chuyển giao, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý.

Điều 14. Kỷ luật cách chức đối với đảng viên

1. Đảng viên giữ nhiều chức vụ (kể cả chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ ở các nhiệm kỳ trước đó) vi phạm kỷ luật phải cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định.

2. Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ (trừ Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương) vi phạm đến mức phải cách chức cấp uỷ viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp uỷ viên ở một cấp uỷ cấp dưới thì do ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

3. Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật cách chức một chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ trước đó, thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một, một số hoặc tất cả các chức vụ khác.

4. Việc kỷ luật đối với uỷ viên uỷ ban kiểm tra là cấp uỷ viên tiến hành như đối với cấp uỷ viên. Nếu uỷ viên uỷ ban kiểm tra không phải là cấp uỷ viên thì việc kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp uỷ cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp uỷ cùng cấp quyết định.

5. Cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải kỷ luật cách chức, không để thôi giữ chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp uỷ.

Điều 15. Trình tự, thủ tục, cách thức bỏ phiếu thi hành kỷ luật

1. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

2. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cách tính số phiếu biểu quyết.

3.1. Kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật bằng hình thức đó.

3.2. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

3.3. Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

3.4. Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

3.5. Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số đảng viên chính thức hoặc thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng, không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp:

- Ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức (trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp); nếu đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tạm thời, đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng đó có mặt ở cuộc họp, tham gia biểu quyết thì vẫn tính.

- Ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ hoặc tổng số thành viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt).

Điều 16. Hiệu lực quyết định kỷ luật

1. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định (trừ quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền của chi bộ).

2. Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên vi phạm của chi bộ có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi bộ ban hành quyết định kỷ luật giao cho đảng viên bị kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Quyết định kỷ luật của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở), của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở được đóng dấu của đảng uỷ cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng uỷ cơ sở hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

3. Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải kịp thời công bố (trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố) chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng cấp dưới được uỷ quyền chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được uỷ quyền phải công bố quyết định cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật. Nếu quá hạn trên phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đề nghị của cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

5. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

6. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

7. Quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được giao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đối với đảng viên quyết định.

8. Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

9. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, bao gồm cả chức vụ do đại hội, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra bầu, do chỉ định hoặc bổ nhiệm, trong vòng một năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

10. Sau một năm kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ đối với đảng viên hoặc quyết định kỷ luật giải tán đối với tổ chức đảng), nếu tổ chức đảng, đảng viên không khiếu nại, không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

11. Trường hợp quyết định thay đổi hình thức kỷ luật thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật đầu tiên có hiệu lực.

Điều 17. Về thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật

1. Khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giữ, bắt, khám xét khẩn cấp, khởi tố bị can hoặc bản án có hiệu lực pháp luật đối với công dân là đảng viên thì chậm nhất là 3 ngày, thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó.

2. Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của toà án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán; không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

3. Đảng viên có vi phạm bị truy nã hoặc bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị), không phải theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên. Đảng viên, cấp uỷ viên bị toà án tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ và xem xét để quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy trình.

4. Đảng viên bị xử oan, sai đã được toà án quyết định huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

Điều 18. Về kỷ luật giải tán tổ chức đảng

1. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đảng đó có hành động chống đối quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

2. Những tổ chức đảng vi phạm một trong các nội dung sau đây thì giải tán.

a) Có hành động chống đối quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng với các hành vi cụ thể như: Tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức quần chúng mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

b) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi như: Bỏ ba kỳ liên tiếp không sinh hoạt; cố ý không chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, các nguyên tắc, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng lãnh đạo đối với địa phương, đơn vị.

3. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

4. Đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét xử lý kỷ luật những thành viên của tổ chức đảng đó và chỉ định cấp uỷ, cấp uỷ bầu ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

Chương IV

GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Điều 19. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp. Tổ chức đảng có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách. Chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu bị tố cáo vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền giải quyết tố cáo được thực hiện như đang đương chức.

Điều 20. Nguyên tắc giải quyết tố cáo

1. Khi nhận được tố cáo, cơ quan nhận đơn phải phân loại, giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết

của cơ quan mình thì chuyển đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các đơn tố cáo.

2. Thời hạn giải quyết tố cáo: Chậm nhất 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, tố cáo trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến).

Trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải thông báo cho người tố cáo, người bị tố cáo, tổ chức có liên quan biết. Sau khi giải quyết xong, phải thông báo cho người tố cáo biết kết quả giải quyết tố cáo bằng hình thức thích hợp.

3. Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, uỷ ban kiểm tra báo cáo cấp uỷ cùng cấp chỉ đạo phối hợp giải quyết.

4. Trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo thì tổ chức đảng giải quyết tố cáo không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó, trừ trường hợp có căn cứ xác định người tố cáo bị đe dọa, ép buộc, mua chuộc.

5. Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Trong thời gian đang giải quyết, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo.

6. Những người lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu phải được xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

7. Không giải quyết đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận hoặc đã có thông báo không xem xét, giải quyết; đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không có thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên nhưng trong nội dung của đơn không

chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

Nếu đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo.

8. Tổ chức đảng và đảng viên nhận được tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo.

9. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm những trường hợp sau: Truy tìm, trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo biết, để lộ tên người tố cáo, nội dung tố cáo cho người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo mang tính bịa đặt, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

Điều 21. Nội dung tố cáo phải giải quyết

1. Đối với tổ chức đảng: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đoàn kết nội bộ.

2. Đối với đảng viên: Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

3. Những nội dung tố cáo mà uỷ ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp uỷ hoặc phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Chương V

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG

Điều 22. Thẩm quyền, trách nhiệm

1. Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên.

2. Ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ là cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu của tổ chức đảng đối với quyết định kỷ luật của uỷ ban kiểm tra cùng cấp.

3. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức; Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định.

4. Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ban Chấp hành Trung ương là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng, sau khi xem xét, kết luận phải biểu quyết bằng phiếu kín việc quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Việc tính số phiếu biểu quyết để quyết định hình thức kỷ luật thực hiện như quy định tại Khoản 3.1, Điều 15 của Quy định này.

Điều 23. Nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết khiếu nại. Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ.

2. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, các tổ chức đảng cấp dưới phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

3. Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên khiếu nại phối hợp với uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ để giải quyết khiếu nại; giáo dục và tạo điều kiện để người khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ; chấp hành nghiêm yêu cầu,

kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ cấp trên.

Điều 24. Phạm vi, đối tượng giải quyết khiếu nại

1. Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định.

2. Đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ; vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân người đó biết.

3. Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: Quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Điều 25. Thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá kỷ luật

Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ hoặc đảng uỷ từ cấp cơ sở trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định.

Điều 26. Thời gian khiếu nại, thời gian giải quyết khiếu nại và thời gian chuyển đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết

1. Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có quyền khiếu nại lên các tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền giải quyết (nêu tại Điều 22 của Quy định này). Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo đầu bưu điện chuyển đến.

2. Khi nhận được khiếu nại kỷ luật đảng, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; hướng dẫn người khiếu nại thực hiện đúng quy định của Đảng. Chậm nhất 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng, đảng viên khiếu nại biết. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải có văn bản thông báo cho người khiếu nại biết.

3. Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chậm nhất 5 ngày phải chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết.

4. Trong trường hợp bất khả kháng, người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời gian quy định thì thời gian bất khả kháng đó không được tính vào thời gian khiếu nại.

Điều 27. Trình tự, thủ tục, phương pháp tiến hành

1. Sau khi xem xét, kết luận, tổ chức đảng phải biểu quyết bằng phiếu kín quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể không đủ số phiếu theo quy định thì báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (kể cả Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) thì uỷ ban kiểm tra phối hợp với văn phòng cấp uỷ và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp hoặc các tổ chức đảng có liên quan giúp ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (ở Trung ương là Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) lập đoàn giải quyết khiếu nại. Đoàn giải quyết khiếu nại có trách nhiệm giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ việc khiếu nại trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Uỷ ban kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Ban thường vụ cấp uỷ sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo cấp uỷ cùng cấp.

4. Đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có quyền chuẩn y hoặc thay đổi, xoá bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị uỷ ban kiểm tra đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở hoặc đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

Chương VI

ĐÌNH CHỈ SINH HOẠT ĐẢNG

Điều 28. Trường hợp bị đình chỉ sinh hoạt đảng

1. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

2. Đảng viên, cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; cấp uỷ viên bị khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ nhưng vẫn được sinh hoạt đảng.

3. Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

Điều 29. Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng

1. Đối với tổ chức đảng.

1.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

1.2. Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

2. Đối với đảng viên.

2.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó.

2.2. Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên được quyền quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý (ở Trung ương là Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp khi bị tạm giam, truy tố; quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp khi bị khởi tố.

3. Đối với cấp uỷ viên.

3.1. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên đó.

3.2. Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên do chi bộ hoặc cấp uỷ cùng cấp đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì cấp uỷ phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp uỷ có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

Điều 30. Thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng

1. Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhận thấy đảng viên có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức sẽ gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm; đồng thời, giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp uỷ quản lý đảng viên đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền.

2. Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nếu đảng viên đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật về đảng. Nếu đảng viên đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí công tác khác.

3. Trường hợp tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể đối với đảng viên thì thủ trưởng hoặc cấp uỷ, tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo (chậm nhất là 5 ngày) cho uỷ ban kiểm tra cùng cấp đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ hoặc đình chỉ chức vụ về đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.

4. Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, chức vụ; cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao,...);

được đề đạt ý kiến của mình nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp uỷ viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

5. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp; giúp cấp uỷ làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định.

Điều 31. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động

1. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng và đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ là 90 ngày. Trường hợp phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn không quá 180 ngày. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng không quá 90 ngày.

2. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) bị truy tố, bị tạm giam và thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên bị khởi tố được tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

3. Thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố, xét xử đối với công dân là đảng viên, cấp uỷ viên phải chỉ đạo thông báo ngay bằng văn bản (chậm nhất là 3 ngày) các quyết định trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó.

Điều 32. Việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ và tổ chức đảng trở lại hoạt động

1. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chỉ đạo hoặc kiến nghị các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khi đảng viên, kể cả cấp uỷ viên không còn bị tạm giam và không bị truy tố, chậm nhất là 5 ngày, đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật hoặc tổ chức đảng ở các cơ quan pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên

trở lại sinh hoạt đảng và xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng, cấp uỷ.

Điều 33. Thủ tục ra quyết định trở lại sinh hoạt, hoạt động

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động. Uỷ ban kiểm tra giúp cấp uỷ chuẩn bị văn bản, quyết định các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp uỷ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 35. Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể một số nội dung thực hiện Quy định này.

Điều 36. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

QUY ĐỊNH
thi hành Điều lệ Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Xét Tờ trình và Báo cáo của Bộ Chính trị tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII tại Hội nghị lần thứ ba,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUY ĐỊNH THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Điều 1 (Khoản 2): Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng

1.1. Về tuổi đời.

1.1.1. Tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi (tính theo tháng).

1.1.2. Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

1.2. Về trình độ học vấn.

1.2.1. Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

1.2.2. Học vấn của người vào Đảng đang sinh sống ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và những trường hợp cụ thể khác do yêu cầu phát triển đảng mà không bảo đảm được quy định chung thì thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

2. Điều 3: Về quyền của đảng viên

2.1. (Khoản 1): Quyền được thông tin của đảng viên.

Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng thông tin cho đảng viên về tình hình, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; các chủ trương, chính sách của Đảng,

pháp luật của Nhà nước; thời sự trong nước, thế giới... phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. (Khoản 2): Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

Thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2.3. (Khoản 3): Quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo, kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm.

Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp; về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức của đảng viên đó; chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về ý kiến của mình. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời theo thẩm quyền, chậm nhất là 30 ngày làm việc đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, 60 ngày làm việc đối với cấp huyện, tỉnh và tương đương, 90 ngày làm việc đối với cấp Trung ương. Những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định trên thì phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

2.4. Đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp uỷ nơi làm việc và nơi cư trú khi xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; được trình bày ý kiến với tổ chức đảng, cấp uỷ đảng khi xem xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

3. Điều 4: Giới thiệu và kết nạp người vào Đảng

3.1. (Khoản 1): Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở hoặc tập thể chi đoàn cơ sở; Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở xem xét, ra nghị quyết giới thiệu đoàn viên vào Đảng.

3.2. (Khoản 2): Đảng viên giới thiệu người vào Đảng.

3.2.1. Là đảng viên chính thức, cùng công tác, lao động, học tập hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú ít nhất 12 tháng với người được giới thiệu vào Đảng trong cùng một đơn vị thuộc phạm vi lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở.

3.2.2. Nếu đảng viên giới thiệu người vào Đảng chuyển đến đảng bộ, chi bộ cơ sở khác, bị kỷ luật hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng thì chi bộ phân công đảng viên chính thức khác theo dõi, giúp đỡ người vào Đảng (không nhất thiết đảng viên đó cùng công tác, lao động, học tập hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú với người vào Đảng ít nhất 12 tháng).

3.3. (Khoản 3): Vấn đề lịch sử chính trị, chính trị hiện nay và tiêu chuẩn chính trị của người vào Đảng thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

3.4. (Khoản 4): Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ.

3.4.1. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (nơi người vào Đảng công tác, lao động, học tập, cư trú) giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức giúp đỡ người vào Đảng. Khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn thì chi bộ nơi có đảng viên giúp đỡ người vào Đảng đang sinh hoạt làm thủ tục đề nghị kết nạp theo quy định.

3.4.2. Việc kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

3.5. Về kết nạp lại người vào Đảng.

3.5.1. Người được xét kết nạp lại phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của người vào Đảng theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng.

b) Ít nhất là 36 tháng kể từ khi ra khỏi Đảng (riêng người bị án hình sự về tội ít nghiêm trọng thì phải sau 60 tháng kể từ khi được xoá án tích; đảng viên đã bị đưa ra khỏi Đảng do vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình thì thực hiện theo quy định của Ban Bí thư), làm đơn xin kết nạp lại vào Đảng; phải được ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ (hoặc tương đương) đồng ý bằng văn bản, cấp uỷ có thẩm quyền (huyện uỷ và tương đương) xem xét, quyết định.

c) Thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các Khoản 1, 2, 3 Điều 4 Điều lệ Đảng.

3.5.2. Đối tượng không xem xét kết nạp lại.

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: Tự bỏ sinh hoạt đảng; làm đơn xin ra Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị kết án vì tội tham nhũng; bị kết án về tội nghiêm trọng trở lên.

3.5.3. Chỉ kết nạp lại một lần.

3.5.4. Những đảng viên được kết nạp lại phải trải qua thời gian dự bị.

4. Điều 5: Về thời hạn tổ chức lễ kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức, tính tuổi đảng của đảng viên

4.1. (Khoản 1): Thời hạn tổ chức lễ kết nạp.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định kết nạp đảng viên của cấp uỷ có thẩm quyền, chi bộ phải tổ chức lễ kết nạp cho đảng viên. Nếu để quá thời hạn nêu trên phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

4.2. (Khoản 2): Thời điểm công nhận đảng viên chính thức.

4.2.1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày đảng viên hết 12 tháng dự bị, chi bộ phải xét và đề nghị công nhận chính thức cho đảng viên; nếu không đủ điều kiện công nhận là đảng viên chính thức thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên.

4.2.2. Đảng viên dự bị đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức, dù chi bộ họp chậm, cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y chậm, vẫn được công nhận đảng viên chính thức đúng thời điểm hết 12 tháng dự bị.

4.2.3. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới đã qua 3 lần biểu quyết nhưng không đủ hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc cấp uỷ viên tán thành công nhận một đảng viên dự bị là đảng viên chính thức hoặc đề nghị xoá tên trong danh sách đảng viên thì báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.3. (Khoản 3): Thời hạn, thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức.

4.3.1. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị kết nạp; trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị công nhận chính thức, thì cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét, quyết định; trường hợp đặc biệt có thể gia hạn tối đa 30 ngày làm việc. Việc đồng ý hoặc không đồng ý, phải thông báo kết quả cho chi bộ nơi đề nghị kết nạp đảng viên hoặc công nhận đảng viên chính thức biết. Nếu trễ quá thời hạn trên mà không có lý do chính đáng thì phải kiểm điểm trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên.

4.3.2. Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức.

a) Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền kết nạp đảng viên: Do tập thể đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở: Do ban thường vụ xem xét, quyết định.

c) Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương: Do tập thể thường trực cấp uỷ và các đồng chí uỷ viên thường vụ là trưởng các ban đảng cùng cấp xem xét, quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức trong Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an Trung ương: Bộ Chính trị có quy định riêng.

4.4. Trường hợp kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định.

Cấp uỷ cấp trên, qua kiểm tra, xác minh phát hiện việc kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định thì xử lý như sau:

4.4.1. Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức không đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng thì cấp uỷ ban hành quyết định phải huỷ bỏ quyết định của mình và thông báo cho đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt xoá tên trong danh sách đảng viên. Trường hợp tổ chức đảng ban hành quyết định kết nạp đảng viên đã giải thể hoặc bị giải tán thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi đảng viên đang sinh hoạt huỷ bỏ quyết định kết nạp đảng viên không đúng tiêu chuẩn, điều kiện.

4.4.2. Nếu quyết định kết nạp người vào Đảng, công nhận đảng viên chính thức không đúng thẩm quyền, không đúng thủ tục theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Điều lệ Đảng thì phải huỷ bỏ quyết định đó, chỉ đạo cấp uỷ có thẩm quyền làm lại các thủ tục theo quy định và xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp tổ chức đảng đã giải thể hoặc bị giải tán thì cấp uỷ có thẩm quyền nơi đảng viên đang sinh hoạt tiến hành thẩm tra, xác minh và làm lại các thủ tục theo quy định.

4.5. Tính tuổi đảng của đảng viên.

4.5.1. Đảng viên được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định kết nạp, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

Thời gian không tham gia sinh hoạt đảng là: Thời gian bị khai trừ (kể cả khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khoá II), thời gian bị xoá tên, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng.

4.5.2. Đảng viên kết nạp lại được công nhận chính thức thì tuổi đảng tính từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định kết nạp lần đầu đối với đảng viên đó, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng (trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư xem xét, quyết định).

5. Về đảng tịch của đảng viên

5.1. Thẩm quyền giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên (thẩm tra, kết luận về đảng tịch, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xoá tên hoặc cho nổi lại sinh hoạt đảng của đảng viên).

5.1.1. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thì uỷ quyền Ban Tổ chức Trung ương xem xét, giải quyết.

Trường hợp ý kiến của cấp uỷ trực thuộc Trung ương khác với kết luận của Ban Tổ chức Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

5.1.2. Đảng viên là cán bộ thuộc diện tinh uý và tương đương quản lý thì ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xem xét, quyết định.

5.1.3. Đảng viên không thuộc diện nêu trên thì ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xem xét, quyết định.

5.2. Giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên.

5.2.1. Không đặt ra việc xem xét lại đối với những đảng viên có vấn đề về đảng tịch đã được cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, kết luận trước đây mà không phát hiện thêm vấn đề gì mới.

5.2.2. Chỉ xem xét, khôi phục quyền đảng viên và tính tuổi đảng liên tục đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không vi phạm tư cách đảng viên.

5.2.3. Đảng viên được kết nạp trước Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (ngày 05/9/1960) và trước ngày 30/4/1975 (ở các địa phương từ phía Nam sông Bến Hải trở vào) mà lúc kết nạp vào Đảng chưa đủ 18 tuổi thì ngày vào Đảng được giữ nguyên.

5.2.4. Đảng viên được kết nạp vào Đảng trong kháng chiến chống Pháp từ tháng 7/1954 trở về trước và đảng viên được kết nạp trong kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương từ phía Nam sông Bến Hải trở vào (từ tháng 7/1954 đến tháng 12/1973) nếu chỉ có một người giới thiệu vào Đảng thì vẫn được công nhận đảng tịch.

5.2.5. Những đồng chí trước đây đã vào Việt Minh hay một tổ chức quần chúng cách mạng hoạt động bí mật (từ tháng 02/1951 trở về trước), sau đó được tham gia sinh hoạt chi bộ, thì lấy ngày sinh hoạt chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng.

5.2.6. Những đồng chí hoạt động trong kháng chiến chống Pháp (từ tháng 7/1954 trở về trước) và trong kháng chiến chống Mỹ (từ tháng 7/1954 đến ngày 30/4/1975) từ phía Nam sông Bến Hải trở vào, chưa được kết nạp vào Đảng nhưng đã được tổ chức đảng giao nhiệm vụ của người đảng viên như làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc tham gia việc thành lập chi bộ thì lấy ngày chi bộ giao nhiệm vụ làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc ngày tham gia lập chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng. Đối với trường hợp chỉ là quần chúng cảm tình đảng, được tổ chức đảng giao một số việc để thử thách (như giao liên hoặc theo dõi tình hình địch...), chưa được kết nạp vào Đảng, nhưng ngộ nhận mình đã vào Đảng, sau đó được tổ chức đảng cho sinh hoạt, được rèn luyện thử thách, xét có đủ tư cách đảng viên thì được công nhận là đảng viên từ ngày tham gia sinh hoạt đảng.

5.2.7. Những đảng viên có nghi vấn không được tổ chức đảng kết nạp vào Đảng thì phải xem xét kỹ, sau khi thẩm tra thấy có đủ căn cứ kết luận là đã được tổ chức kết nạp vào Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc đúng với quy định tại những điểm nêu trên và từ đó đến nay vẫn tham gia sinh hoạt đảng, giữ gìn được tư cách đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền công nhận là đảng viên. Nếu đủ căn cứ kết luận người đó mạo nhận là đảng viên thì cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên.

5.2.8. Những đảng viên không tham gia sinh hoạt đảng do gián đoạn sinh hoạt đảng, sau khi đã thẩm tra thấy có đủ căn cứ và chứng lý rõ ràng, nếu nội dung vi phạm là do chính bản thân gây ra thì không nối lại sinh hoạt đảng và thông báo xoá tên trong danh sách đảng viên; nếu nội dung vi phạm không phải do chính bản thân gây ra và được chi bộ, cấp uỷ cơ sở nơi công tác hoặc nơi cư trú xác nhận vẫn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giữ gìn được phẩm chất đạo đức trong thời gian không tham gia sinh hoạt đảng thì được xét nối lại sinh hoạt đảng.

6. Điều 6: Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

6.1. Phát thẻ và quản lý, sử dụng thẻ đảng viên.

6.1.1. Thẻ đảng viên được phát cho đảng viên chính thức, chi bộ tổ chức phát thẻ cho đảng viên trong kỳ sinh hoạt chi bộ gần nhất, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

6.1.2. Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ, khi mất hoặc làm hỏng thẻ phải báo cáo ngay với cấp uỷ để xét cấp lại hoặc đổi thẻ đảng viên.

6.1.3. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xem xét, ra quyết định phát thẻ đảng viên và quản lý sổ phát thẻ đảng viên.

6.1.4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát thẻ đảng viên.

6.1.5. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc phát, quản lý thẻ đảng viên trong toàn Đảng.

6.1.6. Sử dụng thẻ đảng viên: Đảng viên sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng các cấp (trừ các trường hợp biểu quyết bằng phiếu kín).

6.2. Quản lý hồ sơ đảng viên.

6.2.1. Cấp uỷ cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên. Cấp uỷ cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý, bảo quản.

6.2.2. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc; quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên đối với đảng viên đi lao động ở nước ngoài.

Đảng uỷ Bộ Ngoại giao quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên và danh sách đảng viên trong Đảng bộ theo quy định của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.2.3. Hằng năm, các cấp uỷ chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên. Đối với đảng viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập từ 12 tháng trở lên, cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên hướng dẫn bổ sung lý lịch khi đảng viên về nước.

6.2.4. Hồ sơ đảng viên là tài liệu mật của Đảng, không được tẩy xoá, tự ý sửa chữa. Tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ hồ sơ đảng viên theo chế độ bảo mật.

6.2.5. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý hồ sơ đảng viên trong toàn Đảng.

6.3. Chuyển sinh hoạt đảng.

6.3.1. Chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

a) Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc, phục viên hoặc thay đổi nơi cư trú lâu dài thì trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc thay đổi nơi cư trú phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

b) Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài đảng bộ huyện, tỉnh (và tương đương) thì cấp uỷ huyện (và tương đương) có đảng viên chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng. Đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc tỉnh uỷ (và tương đương) khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức thì ban tổ chức tỉnh uỷ (và tương đương) làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.

c) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giới thiệu chuyển đi, đảng viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với chi uỷ nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng. Nếu quá thời hạn trên, đảng viên hoặc tổ chức đảng vi phạm phải báo cáo lý do cụ thể để cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

d) Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp uỷ nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với tổ chức đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

đ) Trường hợp đảng viên đang bị thanh tra, kiểm tra hoặc đang xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo thì chưa chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

6.3.2. Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời.

a) Khi đảng viên thay đổi nơi cư trú, nơi công tác trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm; khi được cử đi học tập trung ở các cơ sở đào tạo trong nước từ 3 tháng đến 2 năm, sau đó lại trở về đơn vị cũ thì phải làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ nơi công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới. Trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư quy định.

b) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ở nơi sinh hoạt chính thức thì thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Điều lệ Đảng; ở nơi sinh hoạt tạm thời thì trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử.

- Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời thì đảng viên phải báo cáo với cấp uỷ đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để xin gia hạn, đồng thời báo cáo với tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức.

c) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời không tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời mà tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt chính thức; đóng đảng phí ở chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời.

Cấp uỷ viên khi chuyển sinh hoạt tạm thời thì vẫn là cấp uỷ viên nơi sinh hoạt chính thức.

d) Nếu có từ 3 đảng viên chính thức trở lên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời để học theo lớp, theo khoá ở cơ sở đào tạo hoặc đến công tác biệt phái trong một đơn vị trực thuộc đơn vị cơ sở, thì đảng uỷ nơi tiếp nhận đảng viên ra quyết định thành lập chi bộ sinh hoạt tạm thời và chỉ định chi uỷ, bí thư, phó bí thư của chi bộ đó.

Nhiệm vụ của chi bộ sinh hoạt tạm thời là lãnh đạo đảng viên trong chi bộ thực hiện nghị quyết của cấp uỷ cấp trên, quản lý đảng viên, thu nộp đảng phí và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do cấp uỷ cấp trên giao.

6.3.3. Chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước.

Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng, tổ chức sinh hoạt đảng cho đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo quy định của Ban Bí thư và một số quy định sau đây:

a) Đảng viên dự bị sinh hoạt đơn lẻ ở ngoài nước, khi hết thời hạn dự bị phải làm bản tự kiểm điểm về tư cách đảng viên và việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian sinh hoạt đơn lẻ; cấp uỷ trực tiếp quản lý đảng viên ở

ngoài nước căn cứ vào nhận xét, đánh giá của cấp uỷ nơi đi và kiểm điểm của đảng viên để xét công nhận đảng viên chính thức.

b) Đối với những địa bàn ở ngoài nước có hoàn cảnh đặc biệt, không đủ 3 đảng viên chính thức để lập chi bộ thì có thể được thành lập chi bộ sinh hoạt dự bị (gồm 3 đảng viên trở lên, kể cả đảng viên chính thức và dự bị), cấp uỷ cấp trên chỉ định bí thư chi bộ.

c) Chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo quy định của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.3.4. Chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển giao, thành lập mới, chia tách, sáp nhập chi bộ, đảng bộ.

Khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao, thành lập mới, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ từ đảng bộ này sang đảng bộ khác trong hoặc ngoài đảng bộ tỉnh (và tương đương) thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên; cấp uỷ cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đến có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận tổ chức và sinh hoạt đảng cho đảng viên.

6.3.5. Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, bị giải thể.

Sau khi cấp uỷ có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ thì trong thời hạn 30 ngày làm việc cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

6.3.6. Trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng.

a) Cấp uỷ đảng các cấp có trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên; các cơ quan sau đây được cấp uỷ uỷ nhiệm chuyển sinh hoạt đảng:

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương uỷ nhiệm cho ban tổ chức của cấp mình; các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng thuộc Quân uỷ Trung ương được uỷ nhiệm cho cơ quan chính trị cùng cấp; Đảng uỷ Công an Trung ương được uỷ nhiệm cho cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong việc giới thiệu sinh hoạt đảng.

b) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc giới thiệu sinh hoạt đảng trong toàn Đảng; giới thiệu đảng viên và tổ chức đảng sinh hoạt đảng trong những trường hợp đặc biệt.

7. Điều 7: Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng

7.1. Đảng viên tuổi cao, sức khoẻ yếu không thể tham gia sinh hoạt đảng được, tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng, chi bộ xem xét, quyết định. Chi uỷ hoặc bí thư chi bộ báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp biết.

7.2. Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng có quyền hạn và trách nhiệm sau:

7.2.1. Được dự đại hội đảng viên; được cung cấp thông tin theo quy định tại Mục 2.1 nếu đảng viên đó yêu cầu.

7.2.2. Được xét tặng Huy hiệu Đảng khi có đủ tiêu chuẩn.

7.2.3. Được miễn đánh giá chất lượng đảng viên trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt đảng.

7.2.4. Bản thân phải gương mẫu và vận động gia đình chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, nếu vi phạm kỷ luật đảng thì xử lý kỷ luật như đối với đảng viên đang sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đảng.

8. Điều 8: Xoá tên đảng viên và giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên

8.1. Xoá tên đảng viên.

Chi bộ xem xét, đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên đối với các trường hợp sau: Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự huỷ thẻ đảng viên; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ; đảng viên hai năm liền vi phạm tư cách đảng viên; đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị.

8.2. Giải quyết khiếu nại về xoá tên đảng viên.

8.2.1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xoá tên, đảng viên có quyền khiếu nại với cấp uỷ cấp trên cho đến Ban Bí thư Trung ương Đảng.

8.2.2. Cơ quan tổ chức của cấp uỷ có trách nhiệm tham mưu giúp cấp uỷ giải quyết khiếu nại. Thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định như sau:

Không quá 90 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, huyện và tương đương; không quá 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

8.2.3. Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đảng viên nhận được quyết định xoá tên; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa có quyết định xoá tên của cấp uỷ đảng có thẩm quyền.

8.2.4. Việc giải quyết khiếu nại về xoá tên đối với đảng viên ở ngoài nước có quy định riêng.

9. Điều 9: Một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

9.1. Về quy chế làm việc của cấp uỷ và tổ chức đảng.

9.1.1. Căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và quy chế làm việc của cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ phải xây dựng quy chế làm việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp biết quy chế làm việc của tổ chức mình.

9.1.2. Khi xét thấy cần thiết, cấp uỷ cấp trên ban hành quy chế phối hợp hoạt động, công tác của các cấp uỷ hoặc tổ chức đảng cấp dưới có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

9.1.3. Ban tổ chức cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn cấp uỷ và tổ chức đảng cấp dưới xây dựng quy chế làm việc.

9.2. (Khoản 3): Về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

9.2.1. Hằng năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở và tương đương trở lên, cấp uỷ cấp cơ sở, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể, cấp uỷ viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; có kế hoạch, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

9.2.2. Cuối nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp uỷ viên các cấp, uỷ viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương và của cấp uỷ

các cấp phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

Việc kiểm điểm thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và bảo đảm yêu cầu sau:

- Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ phải lấy ý kiến đóng góp của cấp uỷ cấp dưới trực tiếp, của đảng đoàn, ban cán sự đảng và của lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp, phải có ý kiến của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo kiểm điểm của đảng đoàn, ban cán sự đảng, uỷ ban kiểm tra và lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể phải lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan chuyên môn, đảng uỷ cơ quan và của cấp uỷ cùng cấp.

- Cấp uỷ cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp uỷ của cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ khi kiểm điểm, tự phê bình và phê bình:

+ Đối với cá nhân cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, uỷ viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, uỷ viên uỷ ban kiểm tra phải đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị, mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu) và thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Đối với tập thể cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng phải kiểm điểm về việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai... và các lĩnh vực có liên quan; về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Thường trực cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp uỷ cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, Hội đồng nhân dân cùng cấp, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến xây dựng Đảng của nhân dân.

9.3. (Khoản 5): Quy định "Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành" được cụ thể hoá như sau:

9.3.1. Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội (trừ số cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội không có đại biểu dự khuyết thay thế).

9.3.2. Số thành viên của đại hội đảng viên, hội nghị đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ được triệu tập (trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam, đảng viên chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội có lý do chính đáng được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý).

9.3.3. Số thành viên của hội nghị ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra là tổng số uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam).

9.3.4. Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên đảng viên, khai trừ đảng viên thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng nhất trí đề nghị và được cấp uỷ cấp trên có thẩm quyền quyết định với sự nhất trí của trên một nửa số thành viên.

9.3.5. Trường hợp giải tán tổ chức đảng thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

10. Điều 10, Điều 13, Điều 21: Về hệ thống tổ chức của Đảng

10.1. (Khoản 1, Điều 10): Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

10.2. (Khoản 2, Điều 10): Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định của Bộ Chính trị.

10.3. (Khoản 2, Điều 10); (Khoản 5, Điều 13); (Khoản 3, 4, 5, Điều 21): Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

10.3.1. Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp của các tổ chức này (cụ thể là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và Trung ương) quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ.

10.3.2. Ở Trung ương: Lập các đảng bộ khối trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

a) Đảng bộ khối trực thuộc Trung ương được tổ chức theo các đơn vị cùng ngành hoặc các ngành có quan hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị được giao. Đảng uỷ khối là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội của đảng bộ, có cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và cán bộ chuyên trách giúp việc.

b) Bộ Chính trị quyết định thành lập các đảng bộ trực thuộc Trung ương; căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý về hoạt động, hướng dẫn về tổ chức và biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của các đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

10.3.3. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Việc lập các đảng bộ khối trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

10.3.4. Các tổ chức cơ sở đảng lớn (có đông đảng viên, có nhiều chi bộ trực thuộc), có vị trí quan trọng (về một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng) có thể đặt trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

10.3.5. Điều kiện để lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

a) Cấp trên trực tiếp của đảng bộ được thành lập là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

b) Có những đơn vị thành viên là tổ chức có tư cách pháp nhân.

c) Có các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

d) Đảng bộ có từ 500 đảng viên trở lên.

Việc thành lập đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng do tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định. Đối với những nơi đặc thù, có yêu cầu lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng khác với quy định này phải được sự đồng ý của Ban Bí thư.

10.4. (Khoản 3, Điều 10): Việc giải thể đảng bộ, chi bộ.

10.4.1. Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

10.4.2. Cấp uỷ nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp uỷ đó có thẩm quyền ra quyết định giải thể và báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

10.5. Điều kiện để đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở.

10.5.1. Chỉ giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang (mà cấp trên trực tiếp là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương) khi có đủ các điều kiện sau đây: Có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; có nhiều đơn vị thành viên là tổ chức cơ sở trong cùng một đơn vị chính quyền hoặc cơ quan quản lý; có số lượng từ 400 đảng viên trở lên.

10.5.2. Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương quyết định việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở. Đảng bộ mà đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở có chức năng, nhiệm vụ như chức năng, nhiệm vụ của loại hình cơ sở đó. Căn cứ tình hình cụ thể, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có thể giao thêm cho đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở một số quyền sau:

a) Được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc: Ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan uỷ ban kiểm tra, văn phòng đảng uỷ.

b) Ban thường vụ đảng uỷ được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên, phát thẻ đảng viên, chuyển sinh hoạt cho tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp đến các đảng bộ cấp trên cơ sở.

c) Được quản lý hồ sơ, dữ liệu đảng viên.

d) Ban thường vụ đảng uỷ mỗi tháng họp một lần, đảng uỷ họp thường lệ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần.

đ) Việc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, thực hiện theo quy định của Ban Bí thư và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Sau khi giao quyền, cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, giám sát nếu thấy đảng uỷ cơ sở được giao quyền không thực hiện tốt

nhiệm vụ được giao theo quy định thì cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, thu hồi quyết định đã giao quyền.

11. Điều 11: Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội; số lượng, phân bổ đại biểu; bầu và chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp

11.1. (Khoản 1): Nhiệm vụ của cấp uỷ triệu tập đại hội:

11.1.1. Chuẩn bị dự thảo các báo cáo, các vấn đề về nhân sự đại biểu, đề án nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và kế hoạch tổ chức đại hội.

11.1.2. Tiếp nhận đơn ứng cử vào cấp uỷ của đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

11.1.3. Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày làm việc; thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc; chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định.

11.1.4. Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

11.1.5. Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu.

11.1.6. Chỉ đạo các mặt công tác thường xuyên của đảng bộ cho đến khi bầu được cấp uỷ mới.

11.1.7. Chuẩn bị tài liệu cho cấp uỷ khoá mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp uỷ trong phiên họp thứ nhất.

11.2. (Khoản 2): Về số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp.

11.2.1. Số lượng đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

11.2.2. Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp do cấp uỷ cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp uỷ triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

11.2.3. Đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đang sinh hoạt tại đảng bộ, các đại biểu do đại hội đại biểu đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 11 Điều lệ Đảng.

11.3. (Khoản 4): Chỉ định đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp.

11.3.1. Các đảng bộ, chi bộ đang hoạt động ở ngoài nước; đảng bộ, chi bộ có đa số đảng viên hoạt động phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hoặc vì thiên tai... không tổ chức đại hội được, nếu cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì cấp uỷ triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

11.3.2. Số lượng đại biểu được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu được triệu tập.

11.4. (Khoản 5): Việc đề cử và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

11.4.1. Chỉ được đề cử đại biểu chính thức của đại hội để bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu cử lập một danh sách chung; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa bầu đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không là do đại hội quyết định.

Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần thứ nhất hay không là do đại hội quyết định.

11.4.2. Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp uỷ cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển đại biểu này phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp bằng phiếu nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

11.4.3. Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó vẫn trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội, cấp uỷ nơi có đại biểu chính thức chuyển đi đảng bộ khác không cử đại biểu dự khuyết thay thế; nếu đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp uỷ cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành chính thức để thay thế.

Trường hợp đại biểu chính thức (do bầu cử) xin không tham dự đại hội mà được cấp uỷ triệu tập đại hội đồng ý thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

11.4.4. Không được cử đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu chính thức trong các trường hợp sau:

- a) Đại hội cấp dưới bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ.
- b) Cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.
- c) Đại biểu chính thức bị bác tư cách.

Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội khi tính kết quả bầu cử.

11.4.5. Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp uỷ triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 11 Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

11.4.6. Trường hợp đảng bộ, chi bộ đã tổ chức đại hội bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, đảng bộ, chi bộ đó được chuyển về một đảng bộ mới và đảng bộ mới chưa tiến hành đại hội thì cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của đảng bộ, chi bộ mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội.

12. Điều 11, Điều 12: Các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội

12.1. (Khoản 7, Điều 11), (Khoản 3, Điều 12): Đoàn chủ tịch đại hội.

12.1.1. Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất, đại hội thảo luận, biểu quyết về số lượng và danh sách đoàn chủ tịch, chủ tịch đại hội.

Đại hội chi bộ biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch đại hội.

12.1.2. Đoàn chủ tịch đại hội có nhiệm vụ:

a) Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua; phân công thành viên điều hành nội dung, chương trình các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; chuẩn bị ý kiến giải trình các vấn đề đại biểu còn có ý kiến khác nhau; lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

b) Điều hành việc bầu cử theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

12.2. (Khoản 5, Điều 11): Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội.

12.2.1. Thành viên của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội phải là những đại biểu chính thức của đại hội, am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Cấp uỷ triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết về số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu, cấp uỷ triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đảng viên tham dự đại hội.

12.2.2. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

a) Xem xét báo cáo của cấp uỷ về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

b) Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp uỷ các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức đã được triệu tập.

c) Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

12.3. (Khoản 7, Điều 11): Đoàn thư ký đại hội.

12.3.1. Đoàn thư ký đại hội gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Cấp uỷ triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách đoàn thư ký và trưởng đoàn thư ký. Ở đại hội chi bộ thì chi uỷ hoặc bí thư chi bộ đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết. Trưởng đoàn thư ký có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký.

12.3.2. Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

a) Ghi biên bản, tổng hợp đầy đủ, trung thực ý kiến của các đại biểu tại hội trường và các phiên làm việc tại tổ đại biểu; giúp đoàn chủ tịch chuẩn bị các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội và thông báo của đoàn chủ tịch gửi tới các đoàn đại biểu.

b) Giúp đoàn chủ tịch thực hiện một số nhiệm vụ theo Quy chế bầu cử trong Đảng của Ban Chấp hành Trung ương.

c) Thu nhận, bảo quản hồ sơ, tài liệu sau khi đại hội kết thúc và giúp đoàn chủ tịch giao nộp cấp uỷ khoá mới (qua văn phòng cấp uỷ).

12.4. (Khoản 3, Điều 12): Ban kiểm phiếu.

12.4.1. Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu), đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên) trong đại hội không có tên trong danh sách ứng cử, đề cử tại đại hội. Đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch) đại hội đề xuất, giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng danh sách thành viên ban kiểm phiếu và trưởng ban kiểm phiếu. Trường hợp đặc biệt do đại hội không cử được ban kiểm phiếu thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp cử tổ công tác giúp việc kiểm phiếu.

12.4.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn cách thức ghi phiếu, kiểm tra, niêm phong thùng phiếu, phát phiếu trực tiếp cho đại biểu (hoặc theo đoàn đại biểu), kiểm số phiếu phát ra và số phiếu thu về, báo cáo đại hội, kiểm phiếu bầu.

b) Xem xét và kết luận về các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội (nếu có).

c) Lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo với đoàn chủ tịch và công bố kết quả bầu cử; ký vào biên bản bầu cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội để bàn giao cho cấp uỷ khoá mới lưu trữ theo quy định.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội. Nhân viên kỹ thuật phục vụ việc kiểm phiếu do ban kiểm phiếu trực tiếp điều hành và giám sát.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

12.5. Quy trình, thủ tục đại hội thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

13. Việc bầu cử trong Đảng

Thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

14. Điều 12 (Khoản 2), Điều 20 (Khoản 2): Số lượng cấp uỷ viên, số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp

14.1. Việc quy định số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp, vào số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

14.2. Số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ mỗi cấp không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên.

14.3. Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra chỉ thị, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ mỗi cấp. Trên cơ sở đó, cấp uỷ từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khoá mới trình đại hội đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp uỷ viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Sau khi được bầu, cấp uỷ khoá mới thảo luận và quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

15. Điều 13 (Khoản 1): Cấp uỷ khoá mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu

15.1. Về hội nghị lần thứ nhất của cấp uỷ khoá mới.

15.1.1. Hội nghị lần thứ nhất của cấp uỷ khoá mới do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khoá trước tái cử hoặc đồng chí được cấp uỷ cấp trên uỷ nhiệm (nếu bí thư và phó bí thư khoá trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

15.1.2. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá mới do đồng chí Tổng Bí thư khoá trước (tái cử hoặc không tái cử) làm triệu tập viên khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong Đoàn Chủ tịch Hội nghị.

Trường hợp đồng chí Tổng Bí thư khoá trước không thể làm triệu tập viên thì Đoàn Chủ tịch Đại hội cử triệu tập viên.

15.2. Đồng chí bí thư cấp uỷ và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký các văn bản với chức danh bí thư và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, đồng chí phó bí thư đảng uỷ quân sự cấp tỉnh, cấp huyện được ký các văn bản với chức danh phó bí thư ngay sau khi được bầu.

Trường hợp chưa bầu được chức danh bí thư thì một đồng chí phó bí thư cấp uỷ được cấp uỷ uỷ nhiệm ký các văn bản với chức danh phó bí thư. Cấp uỷ khoá mới nhận bàn giao từ cấp uỷ khoá trước trong vòng 15 ngày làm việc. Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, các đồng chí có chức danh phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra mới được ký chức danh trong các văn bản của đảng bộ.

16. Điều 13, Điều 31: Về báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử; bổ sung, điều động, chỉ định cấp uỷ viên và thôi tham gia cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng

16.1. (Khoản 1, Điều 13): Về báo cáo kết quả đại hội; chuẩn y kết quả bầu cử.

16.1.1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội, cấp uỷ khoá mới phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp: Các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra; danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

16.1.2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp uỷ cấp dưới, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp (ở Trung ương là Bộ Chính trị, nơi có ban thường vụ thì uỷ nhiệm cho ban thường vụ) chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ; các thành viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

16.1.3. Sau đại hội, nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp uỷ cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của cấp uỷ cấp dưới, chỉ đạo tiến hành bầu lại; nếu thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không bảo đảm nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn quy định thì cấp uỷ cấp trên có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

16.2. (Khoản 2, Điều 13): Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.

16.2.1. Khi cần bổ sung cấp uỷ viên thiếu, tập thể cấp uỷ thảo luận, thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên về số lượng, nhân sự cụ thể để cấp uỷ cấp trên ra quyết định. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần, cấp uỷ cấp trên có thể ra quyết định bổ sung số cấp uỷ viên thiếu.

16.2.2. Việc bổ sung cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư là đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, nói chung thực hiện theo quy trình: Chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ; ban chấp hành đảng bộ bầu vào các chức danh cần thiết.

16.2.3. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp có thể chỉ định đích danh đảng viên là cấp uỷ viên cấp trên vào chức danh bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp dưới.

16.2.4. Khi cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp uỷ và giữ các chức vụ uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra.

16.2.5. Việc chỉ định tăng thêm cấp uỷ viên: Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp dưới thảo luận, thống nhất đề nghị cấp uỷ cấp trên chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới. So với số lượng cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định,

số lượng cấp uỷ viên chỉ định tăng thêm không được quá 10% đối với cấp huyện và tương đương trở lên, không quá 20% đối với cấp cơ sở. Các trường hợp cụ thể khác, giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

16.3. (Khoản 3, Điều 13): Việc điều động cấp uỷ viên.

Trường hợp không phải do chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức đảng, khi cùng một lúc phải điều động quá một phần ba số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu thì phải được cấp uỷ cấp trên cách một cấp đồng ý; nếu là cấp uỷ viên của đảng bộ trực thuộc Trung ương thì do Bộ Chính trị quyết định.

16.4. (Khoản 4, Điều 13), (Khoản 2, Điều 42), (Khoản 2, Điều 43): Việc thôi tham gia cấp uỷ và thôi sinh hoạt đảng đoàn, ban cán sự đảng.

16.4.1. Việc thôi tham gia cấp uỷ của các đồng chí cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác hoặc thôi việc:

a) Cấp uỷ viên khi có quyết định nghỉ hưu thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm từ thời điểm nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đã được ghi trong thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu.

Cấp uỷ viên có quyết định thôi làm công tác quản lý hoặc thôi việc thì thôi tham gia cấp uỷ đương nhiệm từ thời điểm quyết định thôi làm công tác quản lý hoặc thôi việc có hiệu lực thi hành.

b) Cấp uỷ viên tham gia nhiều cấp uỷ, khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, có quyết định nghỉ hưu thì thôi tham gia cấp uỷ mà đồng chí đó là thành viên từ thời điểm quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu có hiệu lực thi hành; thời điểm tính theo ngày nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đã được ghi trong thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu; trường hợp chuyển công tác sang đảng bộ khác thì thôi tham gia cấp uỷ trong cùng đảng bộ mà đồng chí đó đã tham gia kể từ khi quyết định có hiệu lực thi hành. Nếu đồng chí đó là thành viên của cấp uỷ cấp trên mà nơi chuyển đến trong cùng đảng bộ thì vẫn là cấp uỷ viên cấp uỷ cấp trên.

16.4.2. Khi có quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển sang công tác khác mà vị trí công tác mới không thuộc cơ cấu đảng đoàn, ban cán sự đảng, thì đồng chí uỷ viên đảng đoàn, ban cán sự đảng thôi tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng từ thời điểm quyết định nghỉ công tác chờ nghỉ hưu có hiệu lực thi hành; thời điểm tính theo ngày nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đã được ghi trong thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu, hoặc thời điểm quyết định chuyển công tác có hiệu lực thi hành; cấp uỷ cùng cấp chỉ định thành viên mới tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng.

16.5. (Khoản 5): Chỉ định cấp uỷ ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập đảng bộ, chi bộ.

Trong nhiệm kỳ của cấp uỷ, nếu có sự thay đổi về tổ chức như: Thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ chính thức, bí thư, phó bí thư, ban thường vụ theo Khoản 5, Điều 13 Điều lệ Đảng; cấp uỷ được chỉ định bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra theo Điều 31 Điều lệ Đảng và Quy chế bầu cử trong Đảng; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của cấp uỷ không nhất thiết là 5 năm. Cách tính nhiệm kỳ đại hội theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

17. Điều 14 (Khoản 1): Lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ

17.1. Các đảng bộ trực thuộc Trung ương.

17.1.1. Cấp uỷ tỉnh, huyện và tương đương được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp mình theo quy định sau:

a) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ quan, đơn vị: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, ban nội chính, trường chính trị và báo của đảng bộ tỉnh, thành phố.

Nơi có yêu cầu lập ban kinh tế tỉnh uỷ, thành uỷ giao Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

b) Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ quan, đơn vị: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm chính trị.

c) Đảng bộ khối, đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng khác trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ có các cơ quan: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo.

17.1.2. Các đảng bộ khối trực thuộc Trung ương được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc bao gồm: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm bồi dưỡng chính trị.

Đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương: Được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc gồm văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan uỷ ban kiểm tra.

Đảng bộ cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương: Các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ hợp nhất với các cơ quan chuyên môn của doanh nghiệp có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để thực hiện công tác kiểm tra, tổ chức, tuyên giáo và văn phòng.

17.1.3. Nơi có yêu cầu lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp khác với quy định trên thì phải báo cáo Ban Bí thư đồng ý mới được lập.

17.1.4. Không thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tổ chức cơ sở đảng. Những đảng bộ cơ sở mà đảng uỷ được giao quyền hoặc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở thực hiện theo Tiết a, Điểm 10.5.2 của Quy định này.

17.1.5. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp nêu trên. Các ban và cơ quan của Đảng ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ địa phương.

17.1.6. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của các cấp uỷ trong Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an theo quy định của Bộ Chính trị.

17.2. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương.

17.3. Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam):

17.3.1. Ở cấp Trung ương do Bộ Chính trị quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và giao Ban Tổ chức Trung ương tham mưu quản lý.

17.3.2. Ở cấp tỉnh, cấp huyện do Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế; ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ quản lý, định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

18. Điều 18 (Khoản 3), Điều 22 (Khoản 3): Về đại hội bất thường ở các cấp

18.1. Khi có trên một nửa số uỷ viên ban chấp hành đảng bộ đồng ý bằng phiếu kín hoặc có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc nhất trí và được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên đồng ý mới triệu tập đại hội bất thường; đối với đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được Bộ Chính trị đồng ý.

18.2. Điều kiện để tổ chức đại hội bất thường là có thay đổi lớn về chủ trương, nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra; có thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt của cấp uỷ; do nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc hầu hết cấp uỷ viên bị xử lý kỷ luật.

19. Điều 21: Việc lập chi bộ cơ sở, lập tổ chức cơ sở đảng trong một số trường hợp cụ thể; cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau

19.1. (Khoản 1): Điều kiện để thành lập chi bộ cơ sở đối với chi bộ trực thuộc đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở.

19.1.1. Ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, chi bộ trực thuộc đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở, được xác định là chi bộ cơ sở phải có các điều kiện sau đây: Có các tổ chức đảng trực thuộc; chính quyền cùng cấp phải là đơn vị cơ sở, có tư cách pháp nhân, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; do đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở quyết định sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

19.1.2. Đối với Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

19.2. (Khoản 2): Về thành lập tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp uỷ cấp huyện.

19.2.1. Ở xã, phường, thị trấn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức cơ sở đảng; cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng là cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

19.2.2. Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở), cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp uỷ cấp trên nào cho phù hợp; nếu chưa đủ 3 đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

19.3. (Khoản 5): Việc lập cơ cấu tổ chức ở các tổ chức đảng có đặc điểm khác nhau.

19.3.1. Ở những đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên (gồm đảng viên chính thức và đảng viên dự bị) nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội ở các cơ quan Trung ương, trường đại học, doanh nghiệp lớn, xã, phường, thị trấn có số dân đông...) thì cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên có thể xem xét, quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

19.3.2. Ở những đơn vị trực thuộc trường đại học, doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường, thị trấn... có hơn 30 đảng viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đồng ý thì đảng uỷ cơ sở ra quyết định thành lập chi bộ trực thuộc. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng.

Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần.

19.3.3. Ở một số tổ chức cơ sở đảng có đông đảng viên có thể được lập đảng bộ bộ phận. Đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở và là cấp trên của các chi bộ, sinh hoạt thường kỳ một tháng một lần, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng uỷ cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của các chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng uỷ cơ sở. Đảng uỷ bộ phận không quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, không có con dấu. Việc lập chi bộ trực thuộc do đảng uỷ bộ phận đề nghị, đảng uỷ cơ sở quyết định. Nhiệm kỳ của đảng uỷ bộ phận như nhiệm kỳ của đảng uỷ cơ sở (quy trình tổ chức đại hội, cơ cấu, số lượng cấp uỷ viên thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư).

Đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

20. (Khoản 6, Điều 22; Khoản 3, Điều 24): Sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở, chi bộ

20.1. Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần vào dịp đánh giá công tác 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần.

20.2. Nội dung sinh hoạt đảng bộ: Báo cáo kết quả hoạt động của đảng bộ, của đảng uỷ trong thời gian qua, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thời sự trong nước và thế giới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của đảng bộ; thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của đảng uỷ đối với các chi bộ, đảng viên; giải đáp ý kiến phê bình, chất vấn của đảng viên và chi bộ.

20.3. Đối với đảng bộ cơ sở có đông đảng viên, hoạt động phân tán, địa bàn rộng, đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cấp uỷ cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức sinh hoạt theo cụm, phân công cấp uỷ viên phụ trách, bảo đảm nội dung sinh hoạt của đảng bộ như đã nêu trên.

20.4. Việc thí điểm sinh hoạt trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

21. Điều 23 (Khoản 5): Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên

21.1. Các đảng bộ cơ sở ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang có trên 100 đảng viên và được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ 3 năm liên tục trở lên có thể được cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định uỷ quyền cho đảng uỷ cơ sở quyền quyết định kết nạp đảng viên, thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

21.2. Sau khi uỷ quyền, cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, nếu thấy đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền không làm tốt nhiệm vụ theo quy định thì thu hồi quyết định đã uỷ quyền.

22. Điều 24 (Khoản 4): Việc bầu chi uỷ, bí thư, phó bí thư chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở)

22.1. Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi uỷ; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 7 chi uỷ viên. Chi bộ trực tiếp bầu chi uỷ trước, sau đó bầu bí thư, bầu một phó bí thư trong số chi uỷ viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu một phó bí thư.

22.2. Trường hợp chi bộ bầu đến lần thứ ba mà không có đồng chí nào đủ số phiếu trúng cử bí thư chi bộ thì cấp uỷ cấp trên căn cứ vào tình hình cụ thể của chi bộ để chỉ định một đồng chí trong số chi uỷ viên hoặc đảng viên (nơi không có chi uỷ) làm bí thư để điều hành hoạt động của chi bộ.

22.3. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định bí thư, phó bí thư, chi uỷ viên.

23. Điều 27: Một số quy định cụ thể về đảng uỷ quân khu, đảng uỷ quân sự địa phương

23.1. (Khoản 1, Khoản 2): Đảng uỷ quân khu.

23.1.1. Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu, các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trên địa bàn quân khu được Bộ Chính trị chỉ định tham gia. Trường hợp thật cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể chỉ định một số đồng chí khác có cơ cấu thích hợp tham gia đảng uỷ quân khu.

23.1.2. Việc chỉ định tham gia đảng uỷ quân khu được thể hiện trong quyết định chuẩn y kết quả bầu cử; quyết định điều động, phân công công tác hoặc có quyết định chỉ định riêng.

23.1.3. Đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và các đồng chí khác được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định tham gia đảng uỷ quân khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên quân khu (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân khu; tham gia đảng uỷ quân khu từ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân khu khi thôi giữ chức vụ tương ứng.

23.1.4. Đảng uỷ quân khu có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền; chỉ đạo, hướng dẫn cấp uỷ địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

23.1.5. Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng uỷ quân khu về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong địa phương mình.

23.2. (Khoản 3): Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương.

23.2.1. Cơ quan chính trị cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

23.2.2. Cơ quan chính trị quân khu phối hợp với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan chính trị thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với cấp uỷ cấp huyện; cơ quan chính trị thuộc ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với đảng uỷ (chi uỷ) xã, phường, thị trấn để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương.

23.3. (Khoản 4): Chỉ định đồng chí bí thư cấp uỷ và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng uỷ quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

23.3.1. Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ cấp tỉnh, đảng bộ cấp huyện, khi cấp uỷ địa phương khoá mới đã kiện toàn và được cấp uỷ cấp trên chuẩn y, các đồng chí cấp uỷ viên là bí thư cấp uỷ, chủ tịch Uỷ ban nhân dân, được ban thường vụ cấp uỷ chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự cùng cấp. Đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp.

Các đồng chí được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định tham gia đảng uỷ quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng uỷ quân sự; tham gia đảng uỷ quân sự từ khi được ban thường vụ cấp uỷ địa phương chỉ định và thôi tham gia đảng uỷ quân sự khi thôi giữ chức vụ bí thư cấp uỷ, chủ tịch Uỷ ban nhân dân.

23.3.2. Tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

a) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh uỷ, thành uỷ, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ bộ đội biên phòng cấp trên.

b) Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng bộ đội biên phòng cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng thuộc cấp uỷ địa phương cùng cấp.

c) Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công một đồng chí phó bí thư phụ trách cấp uỷ bộ đội biên phòng.

24. Điều 28 (Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân

24.1. (Khoản 1): Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ.

24.1.1. Quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với tỉnh uỷ, thành uỷ là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

24.1.2. Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Đảng uỷ Công an Trung ương khi cần thiết mời các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân.

24.2. (Khoản 3, Khoản 4): Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân.

24.2.1. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng thuộc Bộ Công an hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an

Trung ương, tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Đảng bộ Công an Trung ương; tham mưu, giúp Đảng uỷ Công an Trung ương phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

24.2.2. Cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong Công an nhân dân mỗi cấp hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng của cấp trên, sự hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp uỷ địa phương cùng cấp; tham mưu thực hiện công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong công an cấp mình; tham mưu, giúp cấp uỷ công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp uỷ địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

25. Điều 29: Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp; việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp

25.1. (Khoản 1): Nhiệm vụ tham mưu của các đảng uỷ công an đối với cấp uỷ địa phương cùng cấp.

Cấp uỷ đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu, giúp cấp uỷ địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

25.2. (Khoản 2): Việc phân công đồng chí phó bí thư cấp uỷ địa phương phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp.

25.2.1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ; huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ phân công đồng chí phó bí thư là chủ tịch Uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp.

25.2.2. Đồng chí phó bí thư là chủ tịch Uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách đảng uỷ công an địa phương cùng cấp thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của cấp uỷ công an; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ địa phương về hoạt động của cấp uỷ công an; tham gia cùng cấp uỷ địa phương lãnh đạo kiện toàn cấp uỷ công an; trực tiếp tham dự các hội nghị quan trọng của cấp uỷ công an để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ địa phương đối với cấp uỷ công an về những vấn đề có liên quan đến giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

25.2.3. Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, cấp uỷ công an báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí phó bí thư là chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương trước khi báo cáo, xin ý kiến cấp uỷ địa phương.

26. Điều 31: Tổ chức cơ quan uỷ ban kiểm tra

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn về tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

27. Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

27.1. Hình thức khen thưởng trong Đảng.

27.1.1. Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

27.1.2. Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng; tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

27.2. Thẩm quyền khen thưởng.

27.2.1. Chi bộ: Biểu dương tổ đảng và đảng viên trong chi bộ.

27.2.2. Đảng uỷ bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.3. Chi bộ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho đảng viên trong chi bộ. Đảng uỷ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.4. Huyện uỷ (và tương đương): Tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

27.2.5. Tỉnh uỷ (và tương đương): Tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

27.2.6. Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

27.3. Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng.

27.3.1. Tiêu chuẩn, đối tượng tặng Huy hiệu Đảng:

a) Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn được tư cách đảng viên, có đủ 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng trở lên thì được tặng Huy hiệu Đảng.

b) Đảng viên bị bệnh nặng hoặc từ trần có thể được xét tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá một năm; đảng viên 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng trở lên nếu bị bệnh nặng có thể được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng không được quá hai năm theo quy định.

c) Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng thì chưa được xét tặng; sau 6 tháng (đối với kỷ luật khiển trách), 9 tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), 1 năm (đối với kỷ luật cách chức), nếu sửa chữa tốt khuyết điểm, được chi bộ công nhận sẽ được xét tặng Huy hiệu Đảng.

27.3.2. Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ đối với tổ chức đảng; tặng giấy khen, bằng khen đối với đảng viên và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

27.4. Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng.

27.4.1. Tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

27.4.2. Tặng phẩm kèm theo đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất, nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương, ngành hoặc một phần từ tài chính đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.

28. Điều 41: Một số quy định cụ thể về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

28.1. Điều 41 (Khoản 2): Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

28.1.1. Nguyên tắc quản lý cán bộ:

a) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên

trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

b) Tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Khi ý kiến người đứng đầu khác ý kiến của tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

đ) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

e) Mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Ủy viên Trung ương) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

28.1.2. Quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.

b) Đánh giá cán bộ.

c) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm cán bộ.

đ) Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

g) Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ.

28.2. Điều 41 (Khoản 3): Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

28.2.1. Tiêu chuẩn chung của cán bộ.

a) Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Cần kiệm, liên chính, chí công, vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

c) Có trình độ hiểu biết về chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

28.2.2. Phân cấp việc giới thiệu cán bộ để bầu hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

a) Ở Trung ương:

- Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu 3 chức danh: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước và các thành viên Chính phủ.

- Bộ Chính trị giới thiệu các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý để Chính phủ trình Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

- Ban Bí thư giới thiệu các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

b) Ở địa phương:

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Uỷ ban nhân dân để Hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định); tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp uỷ quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định).

- Ban thường vụ cấp uỷ các cấp giới thiệu các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để Uỷ ban nhân dân các cấp xem xét, bổ nhiệm; Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

29. Điều 42 (Khoản 1): Việc lập đảng đoàn trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội

29.1. Ở cấp Trung ương:

29.1.1. Lập Đảng đoàn: Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Đảng đoàn Quốc hội lập tổ đảng ở Thường trực Hội đồng Dân tộc, thường trực các ủy ban của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội; tổ đảng ở đoàn đại biểu Quốc hội (hoạt động tại các kỳ họp của Quốc hội).

29.1.2. Đối với các tổ chức hội quần chúng: Lập đảng đoàn ở Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... Một số hội chính trị - xã hội có quy mô lớn, có vị trí quan trọng được lập đảng đoàn theo quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

29.2. Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Lập đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội (hội liên hiệp phụ nữ, liên đoàn lao động, hội cựu chiến binh, hội nông dân), liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật.

30. Điều 43 (Khoản 1): Việc lập ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp, tư pháp

30.1. Ở cấp Trung ương: Lập Ban cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng bộ, ngành quản lý nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan tư pháp.

30.2. Ở cấp tỉnh: Lập ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân và ban cán sự đảng cơ quan tư pháp tỉnh.

Tổ chức và nhân sự của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

Ngoài các quy định trên đây, nơi nào cần lập đảng đoàn, ban cán sự đảng thì giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

31. Điều 42, Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng; thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng

31.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng.

31.1.1. Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; phương hướng, nhiệm vụ chính trị, tổ chức, cán bộ của ngành, đơn vị; lãnh đạo kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với các cấp uỷ đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về các đề xuất và quyết định của mình.

31.1.2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất được thì xin ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ: Ở Trung ương báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ.

31.1.3. Đảng đoàn, ban cán sự đảng họp định kỳ một tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Các cuộc họp đều phải ghi biên bản, có kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, thực hiện trong nội bộ. Đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ tọa các cuộc họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo với cấp uỷ cùng cấp. Hằng năm, đảng đoàn, ban cán sự đảng báo cáo cấp uỷ cùng cấp (ở Trung ương báo cáo Ban Bí thư, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ) về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể mình.

31.1.4. Đảng đoàn, ban cán sự đảng được sử dụng bộ máy giúp việc chuyên trách của cơ quan, đơn vị để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Nếu xét thấy cần thiết thì tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng có thể quyết định bố trí một số cán bộ chuyên trách giúp việc.

31.2. Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng.

31.2.1. Ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng, để thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng thì cấp uỷ giao trách nhiệm cho cấp uỷ viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể cùng cấp phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng uỷ, chi uỷ trong các cơ quan, đơn vị đó theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

31.2.2. Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận, quyết định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành, đoàn thể và cơ quan thì đảng viên là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan tham gia. Khi cấp uỷ họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng uỷ, chi uỷ mời thủ trưởng tham dự (nếu thủ trưởng không trong cấp uỷ hoặc không phải là đảng viên).

32. Điều 44: Cấp uỷ đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp

Cấp uỷ cùng cấp phân công cấp uỷ viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hàng năm, tập thể ban thường vụ cấp uỷ nghe báo cáo đề lãnh đạo, chỉ đạo về hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

33. Điều 46: Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

33.1. Đảng phí: Đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

33.2. Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

33.2.1. Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tài chính.

33.2.2. Cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

33.2.3. Cấp uỷ các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng; định kỳ báo cáo với cấp uỷ cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

33.2.4. Tài chính, tài sản của Đảng được công khai trong nội bộ từng cấp uỷ đảng và trong từng cơ quan đảng theo năm ngân sách nhà nước. Hàng năm, cơ quan tài chính đảng các cấp có trách nhiệm báo cáo quyết toán ngân sách năm trước và dự toán năm sau với cấp uỷ cấp mình.

33.2.5. Ủy ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

34. Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được quy định một số vấn đề khác theo thẩm quyền.

35. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc nghiên cứu đề hướng dẫn những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành.

Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ
năng động, sáng tạo vì lợi ích chung

Xem xét báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về Đề án "Xây dựng cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung" và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng, Nhà nước ta luôn khuyến khích, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu này khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, tinh thần năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có đóng góp rất quan trọng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, quản lý với bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực tổng kết thực tiễn sắc bén, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Để thực hiện thành công đường lối đổi mới và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, cần đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, quyết tâm đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số chủ trương sau:

2.1. Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng và đồng thuận trong xã hội về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung; khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức vì nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ.

2.2. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, khuyến khích cán bộ có tư duy sáng tạo, cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung.

2.3. Đề xuất đổi mới, sáng tạo của cán bộ phải báo cáo với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị nơi công tác; được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thực hiện hoặc thực hiện thí điểm, bảo đảm không trái với Hiến pháp và Điều lệ Đảng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quan tâm hỗ trợ nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ triển khai thực hiện.

2.4. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện thí điểm các đề xuất đổi mới, sáng tạo. Chủ động phát hiện những vấn đề nảy sinh, kịp thời động viên, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc xem xét, điều chỉnh, cơ quyết định phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện sớm và kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh sai sót, vi phạm.

Khi cán bộ thực hiện thí điểm mà kết quả không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại thì cấp có thẩm quyền phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá công tâm để xem xét, xử lý phù hợp, nếu thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

Xử lý nghiêm việc lợi dụng chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ để thực hiện hoặc bao che hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2.5. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đẩy mạnh tuyên truyền; nhân rộng những mô hình, giải pháp thí điểm, đổi mới, sáng tạo có hiệu quả; kịp thời xem xét, nghiên cứu để thể chế hoá thành quy định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để nhân rộng các mô hình, giải pháp đó. Đồng thời biểu dương, khen thưởng xứng đáng; ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ có tư duy đổi mới, cách làm đột phá, sáng tạo, hiệu quả cao.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương nghiên cứu, lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá Kết luận.

3.2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Kết luận này có hiệu lực từ thời điểm ban hành và được phổ biến tới chi bộ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thường

HƯỚNG DẪN
một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII,

Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng như sau:

1. Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng ở một số trường hợp đặc biệt

1.1. Về tuổi đời

Chỉ xem xét kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi khi đủ các điều kiện: Có sức khoẻ và uy tín; đang công tác, cư trú ở cơ sở chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên hoặc do yêu cầu đặc biệt; được ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản trước khi cấp uỷ có thẩm quyền ra quyết định kết nạp.

1.2. Về trình độ học vấn

a) Người vào Đảng đang sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo, nếu không bảo đảm theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII thì phải có trình độ học vấn tối thiểu hoàn thành chương trình bậc tiểu học.

b) Trình độ học vấn của người vào Đảng là già làng, trưởng bản, người có uy tín, đang sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo tối thiểu phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ và được ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản trước khi cấp uỷ có thẩm quyền ra quyết định kết nạp.

2. Đảng viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

2.1. Nhiệm vụ được giao bao gồm:

- Nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định.

- Nhiệm vụ do tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phân công.

2.2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao là hoàn thành có chất lượng, hiệu quả và bảo đảm thời gian theo quy định.

2.3. Phân công công tác cho đảng viên là việc giao cho đảng viên những nhiệm vụ thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ như: Xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; phát triển đảng viên; xây dựng chính quyền, đoàn thể vững mạnh; xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội... Chi bộ có trách nhiệm giúp đỡ, kiểm tra, giám sát đảng viên thực hiện, đưa vào nội dung đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm. Đảng viên được phân công có trách nhiệm báo cáo với chi bộ theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu. Cấp uỷ cấp trên thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và rút kinh nghiệm.

2.4. Việc đánh giá kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao căn cứ vào kiểm điểm công tác theo định kỳ hằng năm của đảng viên ở chi bộ; nhận xét của cấp uỷ, chính quyền hoặc cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành đoàn thể chính trị - xã hội (nơi đảng viên là thành viên tham gia các tổ chức đó) thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ.

3. Thủ tục xem xét kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại)

3.1. Bồi dưỡng nhận thức về Đảng

Người vào Đảng phải học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, có giấy chứng nhận do trung tâm chính trị cấp huyện hoặc tương đương cấp; nơi không có trung tâm chính trị thì do cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên cấp.

3.2. Đơn xin vào Đảng

Người vào Đảng phải tự làm đơn, trình bày rõ những nhận thức của mình về mục đích, lý tưởng của Đảng, về động cơ xin vào Đảng.

3.3. Lý lịch của người vào Đảng

a) Người vào Đảng tự khai lý lịch, đầy đủ, rõ ràng, trung thực theo quy định, chịu trách nhiệm về nội dung đã khai; nếu có vấn đề nào không hiểu và không nhớ chính xác thì phải báo cáo với chi bộ.

b) Lý lịch phải được cấp uỷ cơ sở thẩm tra, kết luận trước khi ghi nội dung chứng nhận, ký tên, đóng dấu.

3.4. Thẩm tra lý lịch của người vào Đảng

a) Những người cần thẩm tra về lý lịch gồm:

- Người vào Đảng.

- Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng) hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bản thân; vợ hoặc chồng, con đẻ của người vào Đảng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (sau đây gọi chung là người thân).

b) Nội dung thẩm tra, xác minh

- Đối với người vào Đảng: Làm rõ những vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay; về chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

- Đối với người thân: Làm rõ những vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay; việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Phương pháp thẩm tra, xác minh

- Nếu người vào Đảng có một trong các trường hợp sau đây đang là đảng viên: Cha, mẹ đẻ, anh, chị, em ruột, con đẻ và trong lý lịch người vào Đảng đã khai đầy đủ, rõ ràng, trung thực theo quy định, thì không phải thẩm tra, xác minh.

- Nếu vợ (chồng) người vào Đảng đang là đảng viên hoặc có một trong các trường hợp sau đây đang là đảng viên: Cha, mẹ đẻ, anh, chị, em ruột và trong lý lịch của người vào Đảng đã khai đầy đủ, rõ ràng, trung thực theo quy định, thì không phải thẩm tra, xác minh bên vợ (chồng).

- Nội dung nào chưa rõ thì thẩm tra, xác minh nội dung đó; khi cấp uỷ cơ sở (ở quê quán hoặc nơi cư trú, nơi làm việc) đã xác nhận, nếu có nội dung nào chưa rõ thì đến ban tổ chức cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng để thẩm tra làm rõ.

- Những nội dung đã biết rõ trong lý lịch của người vào Đảng và những người thân đều sinh sống, làm việc tại quê quán trong cùng một tổ chức cơ sở đảng (xã, phường, thị trấn...) từ đời ông, bà nội đến nay thì chi uỷ báo cáo với chi bộ, chi bộ kết luận, cấp uỷ cơ sở kiểm tra và ghi ý kiến chứng nhận, ký tên, đóng dấu vào lý lịch, không cần thẩm tra riêng.

- Việc thẩm tra lý lịch của người vào Đảng trong lực lượng vũ trang được đối chiếu với lý lịch của người đó khai khi nhập ngũ hoặc khi được tuyển sinh, tuyển dụng. Nếu có nội dung nào chưa rõ phải tiến hành thẩm tra, xác minh để làm rõ.

- Người vào Đảng đang ở ngoài nước thì đối chiếu với lý lịch của người đó do cơ quan có thẩm quyền ở trong nước đang quản lý hoặc lấy xác nhận của cấp uỷ cơ sở nơi quê quán hoặc nơi cư trú, nơi làm việc của người đó ở trong nước.

- Người thân của người vào Đảng đang ở ngoài nước, thì cấp uỷ nơi người vào Đảng làm văn bản nêu rõ nội dung đề nghị cấp uỷ hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở ngoài nước (qua Đảng uỷ Bộ Ngoại giao) để lấy xác nhận; trường hợp chưa rõ về chính trị thì đến cơ quan an ninh có trách nhiệm quản lý, theo dõi tổ chức đó để thẩm tra.

- Người vào Đảng và người thân của người vào Đảng đang làm việc tại cơ quan đại diện, tổ chức phi chính phủ của nước ngoài và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, thì đại diện cấp uỷ cơ sở đến nơi làm việc và cơ quan an ninh có trách nhiệm quản lý, theo dõi các tổ chức đó để thẩm tra những vấn đề có liên quan đến chính trị của những người này.

d) Trách nhiệm của các cấp uỷ và đảng viên

- Trách nhiệm của chi bộ và cấp uỷ cơ sở nơi có người vào Đảng:

+ Kiểm tra, đóng dấu giáp lai vào các trang trong lý lịch của người vào Đảng (chi uỷ chưa nhận xét và cấp uỷ cơ sở chưa chứng nhận, ký tên, đóng dấu vào lý lịch).

+ Gửi công văn đề nghị thẩm tra và lý lịch người xin vào Đảng đến cấp uỷ cơ sở hoặc cơ quan có trách nhiệm để thẩm tra; trường hợp cần thiết thì chi bộ cử đảng viên đi thẩm tra. Đảng viên đi thẩm tra có trách nhiệm báo cáo cấp uỷ những nội dung được giao bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước Đảng về nội dung đó.

+ Tổng hợp kết quả thẩm tra, ghi nội dung chứng nhận, ký tên, đóng dấu vào lý lịch của người vào Đảng.

- Trách nhiệm của cấp uỷ cơ sở và cơ quan nơi được yêu cầu xác nhận lý lịch:

+ Chỉ đạo chi uỷ hoặc bí thư chi bộ (nơi chưa có chi uỷ) và cơ quan trực thuộc có liên quan xác nhận vào lý lịch người xin vào Đảng.

+ Cấp uỷ cơ sở nơi đến thăm tra: Thẩm định, ghi nội dung cần thiết về lý lịch của người xin vào Đảng do cấp uỷ nơi có người xin vào Đảng yêu cầu đã đúng, hay chưa đúng hoặc chưa đủ với nội dung người xin vào Đảng đã khai trong lý lịch; tập thể cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ thống nhất nội dung ghi vào mục "Nhận xét của cấp uỷ, tổ chức đảng..." ở phần cuối bản "Lý lịch của người xin vào Đảng". Người thay mặt cấp uỷ xác nhận, ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu vào lý lịch và gửi cho cấp uỷ cơ sở có yêu cầu; nếu gửi theo đường công văn thì không để chậm quá 30 ngày làm việc (ở trong nước), 90 ngày làm việc (ở ngoài nước) kể từ khi nhận được công văn đề nghị thăm tra lý lịch.

+ Tập thể lãnh đạo ban tổ chức cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi được yêu cầu thăm tra lý lịch thống nhất về nội dung trước khi xác nhận vào lý lịch của người xin vào Đảng.

đ) Kinh phí chi cho việc đi thăm tra lý lịch của người vào Đảng ở các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, cước gửi công văn thăm tra, công tác phí cho đảng viên đi thăm tra được thanh toán theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước; ở các đơn vị khác nếu có khó khăn về kinh phí thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng cấp kinh phí.

3.5. Lấy ý kiến nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi uỷ nơi người vào Đảng cư trú

Chi uỷ hoặc bí thư chi bộ (nơi chưa có chi uỷ) lấy ý kiến của đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội mà người vào Đảng là thành viên; lấy ý kiến nhận xét của chi uỷ hoặc chi bộ (nơi chưa có chi uỷ) nơi cư trú của người vào Đảng; tổng hợp thành văn bản báo cáo chi bộ.

Trường hợp đặc biệt không phải lấy ý kiến nhận xét của chi uỷ hoặc chi bộ nơi cư trú đối với người vào Đảng thực hiện theo quy định của Ban Bí thư.

3.6. Nghị quyết của chi bộ và cấp uỷ cơ sở xét kết nạp người vào Đảng

a) Chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở) xem xét: Đơn xin vào Đảng; lý lịch của người vào Đảng; văn bản giới thiệu của đảng viên chính thức; nghị quyết giới thiệu đoàn viên của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở (hoặc tập thể chi đoàn cơ sở) hoặc nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn của ban chấp hành công đoàn cơ sở; bản tổng hợp ý kiến nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi uỷ hoặc chi bộ nơi cư trú.

b) Nếu được hai phần ba số đảng viên chính thức trở lên đồng ý kết nạp người vào Đảng thì chi bộ ra nghị quyết đề nghị cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

Nghị quyết nêu rõ kết luận của chi bộ về lý lịch; ý thức giác ngộ chính trị; ưu, khuyết điểm về phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác; quan hệ quần chúng của người vào Đảng; số đảng viên chính thức tán thành, không tán thành.

Ở những nơi có đảng uỷ bộ phận thì đảng uỷ bộ phận thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, báo cáo cấp uỷ cơ sở.

c) Tập thể đảng uỷ cơ sở thảo luận, biểu quyết, nếu được hai phần ba số cấp uỷ viên trở lên đồng ý thì ra nghị quyết đề nghị cấp uỷ cấp trên xét kết nạp.

Nếu đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì do đảng uỷ cơ sở đó ra nghị quyết và quyết định kết nạp.

3.7. Quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên

a) Sau khi nhận được nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của cấp uỷ cơ sở, ban tổ chức của cấp uỷ có thẩm quyền tiến hành thẩm định lại, trích lục tài liệu gửi các đồng chí uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ nghiên cứu.

Ban thường vụ cấp uỷ họp xét, nếu được trên một nửa số thành viên ban thường vụ đồng ý thì ra quyết định kết nạp đảng viên. Đối với đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì phải được ít nhất hai phần ba cấp uỷ viên đồng ý mới được ra quyết định kết nạp đảng viên.

b) Đối với tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương không được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì cấp uỷ cơ sở gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị lên ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương để thẩm định, báo cáo thường trực cấp uỷ; thường trực cấp uỷ chủ trì cùng với các đồng chí uỷ viên ban thường vụ là trưởng các ban đảng xem xét, nếu được trên một nửa số thành viên đồng ý thì ra quyết định kết nạp đảng viên.

Đối với các cấp uỷ cơ sở trực thuộc Đảng uỷ Công an Trung ương không được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị để Cục Công tác đảng và công tác chính trị thẩm định, báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương xét, nếu được trên một nửa số thành viên đồng ý thì ra quyết định kết nạp đảng viên.

c) Trường hợp người vào Đảng có vấn đề liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay, nếu thuộc thẩm quyền quyết định của cấp uỷ thì cấp uỷ chỉ đạo xem xét, kết luận trước khi xét kết nạp; nếu không thuộc thẩm quyền quyết định của cấp uỷ (theo quy định của Bộ Chính trị) thì báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc đảng uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, nếu được sự đồng ý bằng văn bản thì cấp uỷ có thẩm quyền mới ra quyết định kết nạp.

3.8. Tổ chức lễ kết nạp đảng viên

a) Lễ kết nạp đảng viên phải được tổ chức trang nghiêm; tiến hành kết nạp từng người một (nếu kết nạp từ hai người trở lên trong cùng một buổi lễ).

b) Trang trí lễ kết nạp (nhìn từ dưới lên): Trên cùng là khẩu hiệu "Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm"; cờ Đảng, cờ Tổ quốc, tượng hoặc ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh (bên trái), ảnh Mác - Lênin (bên phải), tiêu đề: "Lễ kết nạp đảng viên".

c) Chương trình buổi lễ kết nạp

- Chào cờ (hát Quốc ca, Quốc tế ca).
- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- Bí thư chi bộ hoặc đại diện chi uỷ đọc quyết định kết nạp đảng viên của cấp uỷ có thẩm quyền.
- Đảng viên mới đọc lời tuyên thệ.
- Đại diện chi uỷ nói rõ nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên, nhiệm vụ của chi bộ và phân công đảng viên chính thức giúp đỡ đảng viên dự bị.
- Đại diện cấp uỷ cấp trên phát biểu ý kiến (nếu có).
- Bế mạc (hát Quốc ca, Quốc tế ca).

3.9. Việc xem xét, kết nạp đảng viên đối với người vào Đảng khi thay đổi đơn vị công tác hoặc nơi cư trú:

a) Người vào Đảng đang trong thời gian được tổ chức đảng xem xét, kết nạp mà chuyển sang đơn vị công tác hoặc nơi cư trú mới.

Cấp uỷ cơ sở nơi chuyển đi làm giấy chứng nhận người đó đang được tổ chức đảng giúp đỡ, xem xét kết nạp; cấp uỷ cơ sở nơi đến giao cho chi bộ tiếp tục phân công đảng viên chính thức (không lệ thuộc vào thời gian đảng viên chính thức cùng công tác với người vào Đảng) theo dõi, giúp đỡ.

b) Người vào Đảng chưa có quyết định kết nạp

Người vào Đảng đã được chi bộ, đảng uỷ cơ sở xét, ra nghị quyết đề nghị kết nạp đảng nhưng chưa gửi hồ sơ kết nạp lên cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên (đảng uỷ được uỷ quyền, ban thường vụ đảng uỷ được giao quyền, ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện và tương đương) thì cấp uỷ cơ sở nơi chuyển đi làm công văn gửi kèm hồ sơ đề nghị kết nạp đảng viên đến cấp uỷ có thẩm quyền

kết nạp đảng viên nơi chuyển đến. Cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên nơi chuyển đến chỉ đạo cấp uỷ trực thuộc phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ và xem xét để kết nạp.

Người vào Đảng đã được cấp uỷ cơ sở gửi nghị quyết và hồ sơ kết nạp đảng viên lên cấp có thẩm quyền, nhưng chưa có quyết định kết nạp mà chuyển đơn vị công tác, học tập hoặc chuyển đến nơi cư trú mới thì trong thời hạn 15 ngày làm việc cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên làm công văn gửi kèm theo hồ sơ đề nghị kết nạp đến cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên. Cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, nơi chuyển đến xem xét nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kết nạp, ban hành quyết định kết nạp; nếu quá thời hạn trên mà không ban hành quyết định kết nạp thì cấp uỷ phải báo cáo cấp uỷ cấp trên.

c) Người vào Đảng đã được cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, ban hành quyết định kết nạp

- Người vào Đảng chuyển đến đơn vị công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới thuộc phạm vi lãnh đạo của cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên (trong cùng đảng bộ cấp huyện và tương đương) thì cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, xem xét và thông báo đến cấp uỷ cơ sở nơi chuyển đi, đồng thời chuyển quyết định kết nạp đến cấp uỷ cơ sở nơi người vào Đảng chuyển đến để tổ chức lễ kết nạp.

- Người vào Đảng chuyển đến đơn vị công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới ngoài phạm vi lãnh đạo của cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên.

+ Trường hợp cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, nơi chuyển đi ban hành quyết định kết nạp người vào Đảng trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày người được vào Đảng có quyết định chuyển đến đơn vị hoặc nơi cư trú mới thì cấp uỷ nơi chuyển đi gửi công văn kèm theo quyết định và hồ sơ kết nạp đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi người vào Đảng chuyển đến để chỉ đạo chi bộ tổ chức kết nạp đảng viên. Không tổ chức kết nạp ở nơi đã chuyển đi.

+ Trường hợp cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, đã ban hành quyết định kết nạp sau 30 ngày làm việc, kể từ ngày người vào Đảng có quyết định chuyển đến đơn vị hoặc nơi cư trú mới thì cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên nơi chuyển đi huỷ quyết định kết nạp của mình và làm công văn gửi kèm theo hồ sơ đề nghị kết nạp đến cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên nơi chuyển đến để xem xét, quyết định kết nạp.

Đối với các trường hợp nêu trên, cấp uỷ cơ sở nơi chuyển đến kiểm tra hồ sơ, thủ tục trước khi tổ chức kết nạp; nếu chưa bảo đảm nguyên tắc, thủ tục thì đề nghị cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên nơi ban hành quyết định kết nạp xem xét lại. Thời gian xem xét lại không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cấp uỷ nơi người vào Đảng chuyển đến.

3.10. Việc phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị

- Đảng viên dự bị chuyển sinh hoạt đảng (chính thức hoặc tạm thời) đến nơi làm việc, học tập hoặc nơi cư trú mới thì chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi đảng viên chuyển đi nhận xét vào bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị và gửi kèm bản nhận xét về đảng viên dự bị của đảng viên chính thức được phân công giúp đỡ để đảng viên báo cáo cấp uỷ, chi bộ nơi chuyển đến phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ.

- Đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị trước khi chuyển sinh hoạt đảng đến tổ chức cơ sở đảng khác có trách nhiệm gửi bản nhận xét về đảng viên dự bị. Chi bộ phân công đảng viên chính thức khác tiếp tục theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị.

4. Hồ sơ, thủ tục xét công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức (kể cả kết nạp lại), gồm có:

4.1. Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng đảng viên mới

Đảng viên dự bị phải học lớp bồi dưỡng đảng viên mới, được trung tâm chính trị cấp huyện hoặc cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên cấp giấy chứng nhận theo mẫu của Ban Tổ chức Trung ương.

4.2. Bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị

Sau 12 tháng, kể từ ngày chi bộ kết nạp, đảng viên dự bị viết bản tự kiểm điểm nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm về thực hiện nhiệm vụ đảng viên và biện pháp khắc phục khuyết điểm, tồn tại; đề nghị chi bộ xét, công nhận đảng viên chính thức.

4.3. Bản nhận xét về đảng viên dự bị của đảng viên chính thức được phân công giúp đỡ

Đảng viên được phân công giúp đỡ viết bản nhận xét đảng viên dự bị nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm, lập trường tư tưởng, nhận thức về Đảng, đạo đức, lối sống và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của đảng viên dự bị; báo cáo chi bộ.

4.4. Bản nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú

Chi uỷ có đảng viên dự bị tổng hợp ý kiến nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội mà người đó là thành viên; ý kiến nhận xét của chi uỷ hoặc chi bộ (nơi chưa có chi uỷ) nơi cư trú đối với đảng viên dự bị để báo cáo chi bộ.

Trường hợp đặc biệt không phải lấy ý kiến nhận xét của chi uỷ hoặc chi bộ nơi cư trú đối với đảng viên dự bị thực hiện theo quy định của Ban Bí thư.

4.5. Nghị quyết của chi bộ, đảng uỷ cơ sở và quyết định công nhận đảng viên chính thức của cấp uỷ có thẩm quyền

a) Nội dung và cách tiến hành của chi bộ, đảng uỷ bộ phận (nếu có), đảng uỷ cơ sở, cấp có thẩm quyền xét, quyết định công nhận đảng viên chính thức thực hiện theo Điểm 3.6 và 3.7, Mục 3 của Hướng dẫn này.

b) Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận đảng viên chính thức, chi uỷ công bố quyết định trong kỳ sinh hoạt chi bộ gần nhất.

4.6. Thủ tục xoá tên đảng viên dự bị vi phạm tư cách

a) Chi bộ xem xét, nếu có hai phần ba đảng viên chính thức trở lên biểu quyết đồng ý xoá tên đảng viên dự bị thì ra nghị quyết, báo cáo cấp uỷ cấp trên.

b) Đảng uỷ cơ sở xem xét, nếu có hai phần ba đảng uỷ viên trở lên biểu quyết đồng ý xoá tên đảng viên dự bị thì ra nghị quyết, báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền.

c) Ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên xem xét, nếu có trên một nửa số thành viên biểu quyết đồng ý xoá tên thì ra quyết định xoá tên.

d) Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên ra quyết định xoá tên đảng viên dự bị nếu được sự đồng ý của ít nhất hai phần ba đảng uỷ viên đương nhiệm.

5. Một số vấn đề liên quan đến kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức

5.1. Hình thức biểu quyết để quyết định hoặc đề nghị kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên trong danh sách đảng viên

Việc biểu quyết để ban hành nghị quyết hoặc quyết định đề nghị kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên trong danh sách đảng viên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng thẻ đảng viên, do hội nghị chi bộ và hội nghị của cấp uỷ quyết định. Trường hợp biểu quyết không đủ tỉ lệ theo quy định để ban hành nghị quyết hoặc quyết định thì phải báo cáo đầy đủ kết quả biểu quyết lên cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5.2. Trách nhiệm của chi bộ nơi sinh hoạt tạm thời đối với người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức

a) Kết nạp đảng viên

- Người đang trong thời gian xem xét kết nạp được cấp uỷ đảng nơi làm việc chính thức giới thiệu đến, chi bộ cơ quan, đơn vị nơi sinh hoạt tạm thời của người vào Đảng cử đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ. Khi đủ điều kiện, chi bộ gửi nhận xét về chi bộ nơi người xin vào Đảng công tác chính thức để xem xét kết nạp vào Đảng theo quy định.

- Sau khi có quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên, chi bộ nơi ban hành nghị quyết đề nghị kết nạp tổ chức kết nạp đảng viên và làm thủ tục giới thiệu đảng viên đến sinh hoạt đảng tạm thời tại chi bộ nơi học tập, làm việc.

b) Công nhận đảng viên chính thức

- Khi đảng viên hết thời gian dự bị, chi bộ nơi sinh hoạt tạm thời của đảng viên dự bị thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điểm 4 của Hướng dẫn này gửi về chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức để xem xét công nhận đảng viên chính thức.

- Khi có quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền công nhận đảng viên chính thức, chi uỷ nơi đảng viên sinh hoạt đảng chính thức công bố quyết định trong kỳ sinh hoạt chi bộ gần nhất; thông báo cho tổ chức đảng nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời biết.

5.3. Thủ tục và cách tính tuổi đảng cho đảng viên

- Tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định kết nạp đảng viên, nếu không có quyết định kết nạp hoặc không còn lưu giữ được quyết định kết nạp thì lấy ngày vào Đảng ghi trong thẻ đảng viên (trường hợp người đã ra khỏi Đảng mà trước đó đã được xác nhận tuổi đảng thì không được tính lại tuổi đảng theo quy định này).

Đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan, sai và từ khi đưa ra khỏi Đảng đến nay không vi phạm tư cách đảng viên được khôi phục quyền đảng viên thì tuổi đảng được tính liên tục. Đảng viên có trách nhiệm truy nộp đủ số đảng phí cho chi bộ trong thời gian gián đoạn sinh hoạt đảng theo mức đóng đảng phí quy định trong thời gian đó.

Đảng viên được kết nạp lại phải làm bản kê khai về tuổi đảng của mình, báo cáo chi bộ; chi bộ thẩm tra, báo cáo đảng uỷ cơ sở; đảng uỷ cơ sở thẩm định, báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp. Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét,

ra quyết định tính lại tuổi đảng cho đảng viên (việc tính lại tuổi đảng đối với đảng viên bị khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khoá II, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng thực hiện theo quy định này).

5.4. Thời hạn sử dụng văn bản trong hồ sơ xét kết nạp người vào Đảng

a) Quá 12 tháng, kể từ khi lập hồ sơ đề nghị xét kết nạp người vào Đảng mà chi bộ chưa xem xét đề nghị kết nạp được thì phải làm lại các tài liệu sau:

- Văn bản giới thiệu của đảng viên chính thức được phân công giúp đỡ người vào Đảng.

- Nghị quyết giới thiệu đoàn viên vào Đảng của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cơ sở hoặc tập thể chi đoàn cơ sở; ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Văn bản thẩm tra bổ sung lý lịch của người vào Đảng nếu có thay đổi so với thời điểm thẩm tra lần trước.

- Ý kiến nhận xét bổ sung của đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi uỷ hoặc chi bộ nơi cư trú đối với người xin vào Đảng.

b) Quá 60 tháng, kể từ ngày người xin vào Đảng được cấp giấy chứng nhận đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng mà chi bộ chưa xem xét đề nghị kết nạp, thì chi bộ phải giới thiệu người vào Đảng học lại để được cấp giấy chứng nhận mới trước khi xem xét, kết nạp.

6. Kết nạp đảng viên trong một số trường hợp cụ thể

6.1. Kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo; người có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài; người có quốc tịch Việt Nam nhưng gốc là người nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

6.2. Một số trường hợp cụ thể khác

a) Người đang học tập trung ở cơ sở đào tạo từ 12 tháng trở lên: Do tổ chức đảng ở cơ sở đào tạo xem xét kết nạp. Người đang công tác biệt phái từ 12 tháng trở lên, do tổ chức đảng nơi công tác biệt phái xem xét, kết nạp.

Tổ chức đảng đơn vị cử đi học, đi công tác biệt phái và tổ chức đảng ở địa phương nơi người vào Đảng cư trú có văn bản nhận xét về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; quan hệ xã hội; việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gửi về cấp uỷ cơ sở đào tạo hoặc cấp uỷ nơi người vào Đảng công tác biệt phái để có cơ sở xem xét.

b) Người đã tốt nghiệp ra trường về địa phương chờ việc làm thì tổ chức đảng ở địa phương xem xét kết nạp.

c) Người đang làm hợp đồng tại cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp:

- Nếu làm hợp đồng có thời hạn, thời gian thực tế làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp dưới 12 tháng thì tổ chức đảng nơi cư trú xem xét kết nạp; trước khi làm thủ tục xem xét kết nạp phải có nhận xét của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp nơi người vào Đảng đang làm việc.

- Nếu làm hợp đồng liên tục từ đủ 12 tháng trở lên thì tổ chức đảng của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp nơi người đó làm việc xem xét kết nạp; nơi không có tổ chức đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

7. Phát và quản lý thẻ đảng viên

7.1. Phát và quản lý thẻ đảng viên

a) Thẻ đảng viên là chứng nhận quan trọng của đảng viên, được phát khi đảng viên đã được công nhận đảng viên chính thức.

Đảng viên được công nhận chính thức tại tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Bộ Ngoại giao thì do Đảng ủy Bộ Ngoại giao xét, làm thẻ đảng viên.

Đảng ủy Bộ Ngoại giao có trách nhiệm quản lý thẻ đảng khi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước và trao lại thẻ đảng cho đảng viên khi đảng viên trở về nước.

b) Đảng viên từ trần thì gia đình của đảng viên đó được giữ lại thẻ đảng viên.

c) Đảng viên bị khai trừ, xoá tên và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác thì chi bộ có trách nhiệm thu lại thẻ đảng nộp lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

d) Đảng viên hoặc tổ chức đảng phát hiện việc sử dụng thẻ đảng viên sai quy định, thẻ đảng bị thất lạc, mất hoặc làm giả thì phải kịp thời báo cáo cấp uỷ.

đ) Việc kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

7.2. Trách nhiệm của các cấp uỷ trong việc phát và quản lý thẻ đảng viên

a) Cấp uỷ cơ sở: Lập danh sách đảng viên được đề nghị cấp thẻ, xét và làm thủ tục đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp xét phát thẻ đảng viên, cấp lại thẻ đảng viên bị mất hoặc bị hỏng. Sau khi có quyết định phát thẻ của cấp uỷ có thẩm quyền, chi bộ tổ chức phát thẻ đảng viên tại cuộc họp chi bộ; định kỳ hằng năm chi bộ kiểm tra thẻ của đảng viên trong chi bộ.

b) Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Xét, ra quyết định phát thẻ đảng viên, cấp lại thẻ đảng viên bị mất hoặc bị hỏng; lập danh sách đảng viên được phát thẻ trong đảng bộ; viết thẻ đảng viên và quản lý sổ phát thẻ đảng viên.

c) Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ cấp dưới thực hiện việc phát và quản lý thẻ đảng viên; hằng năm báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

8. Quản lý hồ sơ đảng viên

Việc quản lý hồ sơ đảng viên thực hiện theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII, cụ thể như sau:

8.1. Hồ sơ đảng viên

a) Khi được kết nạp vào Đảng

- + Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.
- + Đơn xin vào Đảng.
- + Lý lịch của người vào Đảng và các văn bản thẩm tra kèm theo.
- + Giấy giới thiệu của đảng viên chính thức được phân công giúp đỡ.
- + Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc của công đoàn cơ sở.
- + Tổng hợp ý kiến nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội nơi làm việc và chi uỷ (hoặc chi bộ) nơi cư trú đối với người vào Đảng.

- + Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ.
- + Báo cáo thẩm định của đảng uỷ bộ phận (nếu có).
- + Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên của đảng uỷ cơ sở.
- + Quyết định kết nạp đảng viên của cấp uỷ có thẩm quyền.
- + Lý lịch đảng viên.
- + Phiếu đảng viên.

b) Khi đảng viên đã được công nhận chính thức có thêm các tài liệu sau:

- + Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng đảng viên mới.
- + Bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị.
- + Bản nhận xét đảng viên dự bị của đảng viên được phân công giúp đỡ.

+ Tổng hợp ý kiến nhận xét của đoàn thể chính trị - xã hội nơi làm việc và chi uỷ (hoặc chi bộ) nơi cư trú đối với đảng viên dự bị.

+ Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức của chi bộ.

+ Báo cáo thẩm định của đảng uỷ bộ phận (nếu có).

+ Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức của đảng uỷ cơ sở.

+ Quyết định công nhận đảng viên chính thức của cấp uỷ có thẩm quyền.

+ Các bản bổ sung hồ sơ đảng viên hằng năm.

+ Các bản thẩm tra, kết luận về lý lịch đảng viên (nếu có).

+ Các quyết định của cấp có thẩm quyền về điều động, bổ nhiệm, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ, kỷ luật, khen thưởng; bản sao các văn bằng chứng chỉ về chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học...

+ Hệ thống giấy giới thiệu sinh hoạt đảng từ khi vào Đảng.

+ Các bản tự kiểm điểm hằng năm (của 3 năm gần nhất) và khi chuyển sinh hoạt đảng của đảng viên.

- Ngoài những tài liệu trên, những tài liệu khác kèm theo trong hồ sơ đảng viên đều là tài liệu tham khảo.

- Các tài liệu trong hồ sơ đảng viên (trừ phiếu đảng viên được sắp xếp, quản lý theo quy định riêng) được ghi vào bản mục lục tài liệu và sắp xếp theo trình tự như trên, đưa vào túi hồ sơ để quản lý; bản mục lục các tài liệu trong hồ sơ đảng viên phải được cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên kiểm tra, xác nhận, ký và đóng dấu cấp uỷ.

c) Bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đảng viên

- Đối với đảng viên được kết nạp vào Đảng từ khi thực hiện Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 02/6/1997 của Bộ Chính trị khoá VIII đến nay, trong hồ sơ đảng viên phải có đủ các tài liệu như quy định tại Điểm a, b nêu trên.

- Đối với những đảng viên được kết nạp vào Đảng trước khi có Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 02/6/1997 của Bộ Chính trị khoá VIII thì các cấp uỷ được giao quản lý hồ sơ đảng viên tổ chức kiểm tra, sưu tầm, thu thập bổ sung các tài liệu còn thiếu trong hồ sơ đảng viên để hoàn thiện hồ sơ đảng viên, sắp xếp, quản lý theo quy định.

Trường hợp đã sưu tầm, thu thập tài liệu nhưng vẫn không đủ các tài liệu trong hồ sơ đảng viên theo quy định thì cấp uỷ nơi quản lý hồ sơ đảng viên xác nhận, ký tên, đóng dấu vào bản mục lục các tài liệu có trong hồ sơ đảng viên đang quản lý, làm cơ sở cho việc quản lý đảng viên và chuyển sinh hoạt đảng chính thức của đảng viên.

- Bổ sung hồ sơ đảng viên hằng năm và khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức:

+ Định kỳ hằng năm và khi đảng viên chuyển sinh hoạt chính thức, đảng viên phải ghi bổ sung những thay đổi về: Trình độ (lý luận chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính...), đơn vị, chức vụ công tác, nghề nghiệp, khen thưởng, kỷ luật, hoàn cảnh gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, các con...) để tổ chức đảng bổ sung vào hồ sơ đảng viên và đóng dấu của cấp uỷ vào chỗ đã bổ sung.

+ Chi uỷ, chi bộ hướng dẫn, thu nhận, kiểm tra, xác nhận phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, viết bổ sung những thay đổi vào danh sách đảng viên của chi bộ và chuyển phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên lên đảng uỷ cơ sở (nếu là chi bộ cơ sở thì chi uỷ xác nhận vào mục của cấp uỷ cơ sở).

+ Cấp uỷ cơ sở ghi bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chuyển phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

+ Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng bổ sung vào phiếu đảng viên, lý lịch đảng viên, danh sách đảng viên và cơ sở dữ liệu đảng viên; lưu giữ phiếu bổ sung cùng với hồ sơ đảng viên, nếu cấp uỷ cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên thì chuyển phiếu cho cấp uỷ cơ sở.

8.2. Yêu cầu quản lý hồ sơ đảng viên

a) Hồ sơ đảng viên phải được tổ chức đảng quản lý chặt chẽ theo chế độ bảo mật, không được tẩy xoá, tự ý sửa chữa. Khi có đủ căn cứ pháp lý, được cấp uỷ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản thì cấp uỷ được giao quản lý hồ sơ mới được sửa chữa vào hồ sơ đảng viên và đóng dấu của cấp uỷ vào chỗ sửa chữa.

b) Hồ sơ đảng viên do cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức quản lý, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý. Cấp uỷ cơ sở không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý, bảo quản.

c) Quản lý hồ sơ khi chuyển sinh hoạt đảng:

- Khi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng, cấp uỷ nơi đảng viên chuyển đi làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với cấp uỷ nơi đảng viên chuyển đến; trường hợp đặc biệt thì tổ chức đảng chuyển hồ sơ.

- Tổ chức đảng tiếp nhận đảng viên phải kiểm tra chặt chẽ hồ sơ đảng viên theo danh mục các tài liệu có trong hồ sơ, vào sổ theo dõi, sắp xếp, quản lý; nếu chưa có xác nhận của cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên (nơi đảng viên chuyển đi) trong danh mục hồ sơ đảng viên thì chưa tiếp nhận sinh hoạt đảng.

d) Quản lý hồ sơ đảng viên khi tổ chức đảng bị giải tán, giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách:

Hồ sơ của đảng viên ở những tổ chức đảng bị giải tán, giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách do cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó kiểm tra, thu nhận, quản lý và xử lý theo quy định.

đ) Hồ sơ của đảng viên từ trần hoặc bị đưa ra khỏi Đảng thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý.

e) Nghiên cứu, khai thác hồ sơ đảng viên:

- Cán bộ, đảng viên muốn nghiên cứu hồ sơ đảng viên phải được sự đồng ý của cấp uỷ quản lý hồ sơ và phải thực hiện đúng hướng dẫn của cán bộ quản lý hồ sơ đảng viên. Việc nghiên cứu hồ sơ đảng viên được tiến hành tại phòng hồ sơ. Trường hợp cần sao chụp hồ sơ đảng viên để nghiên cứu thì phải được cấp uỷ quản lý hồ sơ đồng ý.

- Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ đảng viên tuyệt đối không được tẩy xoá, sửa chữa, ghi thêm, đưa thêm hoặc rút bớt tài liệu trong hồ sơ.

- Khi đảng viên xem hồ sơ của mình, nếu thấy có vấn đề gì chưa đồng tình thì phải báo cáo với cấp uỷ quản lý hồ sơ xem xét, giải quyết.

- Cán bộ được giao quản lý hồ sơ đảng viên phải lưu giấy giới thiệu, có sổ theo dõi, ghi rõ ngày tháng năm, họ tên, đơn vị của người đến nghiên cứu hồ sơ. Người được cấp uỷ cho mượn hồ sơ để nghiên cứu phải ký mượn vào sổ theo dõi và trả lại hồ sơ đúng thời gian.

g) Quản lý, sử dụng phiếu đảng viên:

- Phiếu đảng viên do cấp uỷ huyện và tương đương quản lý (thay cho sơ yếu lý lịch đảng viên M2) theo thứ tự trong danh sách đảng viên của từng tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Sơ yếu lý lịch M2 được chuyển về lưu giữ cùng với hồ sơ đảng viên, không được thanh lý.

- Khi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra khỏi đảng bộ huyện và tương đương thì không phải khai lại phiếu đảng viên, mà phiếu đảng viên được chuyển giao cùng với hồ sơ đảng viên đến đảng bộ mới để quản lý.

h) Tổ chức quản lý hồ sơ đảng viên:

- Hệ thống sổ theo dõi, quản lý hồ sơ đảng viên gồm: Sổ danh sách đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ (cả đảng viên chính thức và dự bị); sổ đảng viên đã ra khỏi Đảng (xin ra, xoá tên, khai trừ); sổ đảng viên đã từ trần; sổ theo dõi giao nhận hồ sơ đảng viên và mượn đọc hồ sơ đảng viên.

- Hồ sơ đảng viên được sắp xếp theo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy và dễ bảo quản theo từng loại hồ sơ đảng viên ở mỗi cấp quản lý.

- Nơi lưu giữ hồ sơ đảng viên phải có phương tiện chống mối mọt, ẩm ướt, phòng hoả, lũ lụt; thực hiện đúng chế độ bảo mật.

Định kỳ 6 tháng phải đối chiếu danh sách đảng viên với số lượng hồ sơ đảng viên, kịp thời phát hiện những tài liệu trong hồ sơ đảng viên bị hư hỏng để xử lý ngay. Khi thay đổi cán bộ quản lý phải có biên bản giao nhận chặt chẽ, đúng quy định.

8.3. Trách nhiệm của đảng viên và cấp uỷ về xây dựng và quản lý hồ sơ đảng viên

a) Đối với đảng viên:

- Phải tự khai lý lịch, phiếu đảng viên của mình một cách đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực theo quy định.

- Định kỳ hằng năm hoặc khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức phải ghi đầy đủ những thay đổi của mình vào phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, báo cáo chi uỷ, chi bộ.

- Bảo quản, giữ gìn cẩn thận hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng, không làm hỏng, không cho người khác mượn; nếu để mất, làm hỏng hồ sơ đảng viên phải báo cáo cấp uỷ rõ lý do để mất, làm hỏng, kèm theo bản xác nhận của cấp uỷ hoặc công an xã, phường,... nơi bị mất, làm hỏng hồ sơ đảng viên để được xem xét, làm lại hồ sơ đảng viên.

b) Đối với cấp cơ sở:

- Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận (nếu có) quản lý sổ danh sách đảng viên.

- Cấp uỷ cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và sổ danh sách đảng viên theo đúng quy định về sử dụng, bảo quản hồ sơ đảng viên; hướng dẫn, kiểm tra, thu nhận phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, ghi bổ sung vào lý lịch đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở, chuyển phiếu bổ sung hồ sơ lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp; định kỳ (3 tháng 1 lần) kiểm tra phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng để theo dõi số đảng viên chuyển đến báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xử lý đảng viên quá 3 tháng không nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng mà không có lý do chính đáng; kiểm tra, bổ sung danh sách đảng viên; viết phiếu báo đảng viên đã từ trần và phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng chuyển giao cùng hồ sơ đảng viên đã từ trần, hồ sơ đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi lập phiếu báo; xét, lập hồ sơ của đảng viên bị mất, bị hỏng và báo cáo cấp uỷ cấp trên.

c) Đối với cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương về quản lý hồ sơ đảng viên ở các tổ chức đảng trực thuộc. Chỉ giao hồ sơ đảng viên cho cấp uỷ cơ sở quản lý khi có đủ điều kiện về phương tiện bảo quản và có cán bộ thực hiện việc quản lý; khi bàn giao phải có biên bản giao nhận chặt chẽ.

- Quản lý phiếu đảng viên, sổ danh sách đảng viên của các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; hồ sơ kết nạp của đảng viên dự bị và hồ sơ của đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng chưa được giao quản lý.

- Định kỳ hằng năm kiểm tra danh sách đảng viên ở các cấp uỷ cơ sở trực thuộc và báo cáo lên ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương về các biến động của đội ngũ đảng viên theo các mẫu biểu báo cáo đã quy định.

d) Đối với ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ và tương đương:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương về quản lý hồ sơ đảng viên ở các cấp uỷ cấp dưới; bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm nghiệp vụ quản lý hồ sơ đảng viên ở các cấp uỷ trực thuộc.

- Hằng năm tổ chức đối khớp và rút kinh nghiệm về công tác quản lý hồ sơ đảng viên và báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

9. Giải quyết việc thay đổi họ tên và ngày tháng năm sinh

9.1. Trường hợp đảng viên cần thay đổi họ, tên khác với đã khai trong lý lịch đảng viên thì thực hiện như sau:

- Đảng viên gửi đến cấp uỷ cơ sở đơn đề nghị và văn bản chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép được thay đổi họ, tên.

- Cấp uỷ cơ sở xem xét và đề nghị cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Khi có quyết định của cấp uỷ có thẩm quyền cho thay đổi họ, tên thì tổ chức đảng quản lý hồ sơ thực hiện chỉnh sửa đồng bộ họ, tên trong các tài liệu và cơ sở dữ liệu đảng viên do cấp uỷ các cấp quản lý.

9.2. Kể từ ngày 18/8/2016, không xem xét điều chỉnh ngày tháng năm sinh của đảng viên; thống nhất xác định tuổi của đảng viên theo ngày tháng năm sinh khai trong hồ sơ lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng.

10. Chuyển sinh hoạt đảng

Việc chuyển sinh hoạt đảng thực hiện theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII, cụ thể là:

10.1. Trách nhiệm của đảng viên và cấp uỷ về chuyển sinh hoạt đảng

a) Đối với đảng viên:

- Đảng viên phải xuất trình quyết định hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền cho chuyển công tác, thay đổi nơi cư trú và bản tự kiểm điểm về ưu, khuyết điểm thực hiện nhiệm vụ đảng viên trong một năm trước thời điểm chuyển sinh hoạt đảng, báo cáo chi uỷ, chi bộ làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức hoặc sinh hoạt đảng tạm thời đến đảng bộ mới.

- Đảng viên phải bảo quản hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng, nếu để mất giấy giới thiệu sinh hoạt đảng và hồ sơ thì phải báo cáo ngay với cấp uỷ nơi đã làm thủ tục trước đó (tường trình rõ lý do bị mất và bản xác nhận của công an xã, phường hoặc huyện, quận... nơi bị mất hồ sơ chuyển sinh hoạt) để cấp uỷ xem xét và giới thiệu với cấp uỷ cơ sở nơi chuyển đi xét, lập lại hồ sơ đảng viên và làm lại thủ tục chuyển sinh hoạt đảng.

b) Đối với cấp uỷ cơ sở:

- Chi uỷ, chi bộ trực tiếp làm thủ tục giới thiệu, ghi nhận xét vào bản kiểm điểm của đảng viên và giao cho bí thư hoặc phó bí thư của cấp uỷ ký giấy giới thiệu sinh hoạt đảng.

- Đảng uỷ cơ sở, chi uỷ, chi bộ cơ sở trực tiếp làm thủ tục giới thiệu; nhận xét, đóng dấu chứng nhận vào bản kiểm điểm đảng viên; xét cấp lại và chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên bị mất hồ sơ; quản lý sổ giới thiệu sinh hoạt đảng, bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ của cấp uỷ ký giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.

c) Đối với cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương về giới thiệu sinh hoạt đảng ở các cấp uỷ trực thuộc; xử lý các trường hợp đảng viên chậm nộp hồ sơ hoặc không nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng; đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, trưởng ban tổ chức của cấp uỷ ký giấy giới thiệu sinh hoạt đảng và đóng dấu của cấp uỷ.

- Các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng (cấp uỷ sư đoàn, quân khu, quân, binh chủng...) trong Đảng bộ Quân đội do đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ ký và đóng dấu của cấp uỷ, hoặc lãnh đạo cơ quan chính trị, cơ quan tổ chức trong Quân đội ký và đóng dấu của cơ quan chính trị. Cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Công an do đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ ký và đóng dấu của cấp uỷ; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ký, đóng dấu; nếu ký thừa lệnh ban thường vụ cấp uỷ thì đóng dấu cấp uỷ.

- Đảng uỷ Bộ Ngoại giao do bí thư, phó bí thư ký hoặc uỷ quyền cho lãnh đạo Ban Tổ chức ký thừa lệnh và đóng dấu của cấp uỷ.

- Chỉ đạo ban tổ chức cấp uỷ thực hiện thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng, viết phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng và sử dụng, quản lý sổ giới thiệu sinh hoạt đảng.

d) Đối với tỉnh uỷ và tương đương:

Chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc thực hiện quy định của Trung ương về giới thiệu sinh hoạt đảng. Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương được uỷ nhiệm cho ban tổ chức của cấp mình; Quân uỷ Trung ương được uỷ nhiệm cho Tổng cục Chính trị hoặc Cục Tổ chức; Đảng uỷ Công an Trung ương được uỷ nhiệm cho Cục Công tác đảng và công tác chính trị làm nhiệm vụ giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên.

- Các cơ quan của cấp uỷ được giao nhiệm vụ nêu trên có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nguyên tắc, thủ tục về giới thiệu sinh hoạt đảng ở cấp uỷ cấp dưới; bồi dưỡng cán bộ làm nghiệp vụ; hằng năm rút kinh nghiệm về công tác giới thiệu sinh hoạt đảng, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

- Thẩm quyền ký giấy giới thiệu sinh hoạt đảng:

+ Ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương do trưởng ban, phó trưởng ban ký và đóng dấu.

+ Cục Công tác đảng và công tác chính trị, Bộ Công an, do lãnh đạo Cục ký và đóng dấu của Cục.

+ Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam do lãnh đạo Tổng cục ký, đóng dấu của Tổng cục Chính trị. Nếu uỷ quyền cho lãnh đạo Cục Tổ chức ký thì đóng dấu của Cục Tổ chức.

Các đồng chí được ký giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng phải bảo đảm các nguyên tắc, thủ tục chuyển sinh hoạt đảng và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

đ) Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức hoặc tạm thời từ tổ chức đảng ở trong nước ra tổ chức đảng ở ngoài nước và đảng viên ở ngoài nước trở về nước, thực hiện theo hướng dẫn của Đảng uỷ Bộ Ngoại giao.

10.2. Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

10.2.1. Chuyển sinh hoạt đảng chính thức

a) Ở trong nước:

- Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang đơn vị khác, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, phục viên hoặc thay đổi nơi cư trú lâu dài; đảng viên đi công tác biệt phái, tăng cường cho cấp xã nơi biên giới, hải đảo (đối với bộ đội biên phòng) hoặc đến làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và hội quần chúng thì giải quyết việc chuyển sinh hoạt đảng như sau:

+ Ở những nơi có tổ chức đảng: Chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên đến làm việc hoặc nơi cư trú lâu dài.

+ Ở những nơi chưa có tổ chức đảng: Nếu cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp... ở quá xa nơi đảng viên thường trú thì được chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ nơi đảng viên tạm trú. Trường hợp đảng viên đến làm việc ở gần nơi thường trú thì đảng viên vẫn sinh hoạt ở đảng bộ cũ.

- Đảng viên là học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường ở trong nước mà chưa có nơi nhận làm việc hoặc nơi làm việc chưa có tổ chức đảng thì đảng uỷ nhà trường có thể để đảng viên sinh hoạt ở đảng bộ nhà trường trong 12 tháng (hoặc chuyển sinh hoạt đảng về tổ chức đảng nơi cư trú theo đề nghị của đảng viên), quá thời hạn này thì giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên về đảng bộ nơi cư trú.

b) Ra ngoài nước và từ ngoài nước về:

Đảng viên được cử đi công tác, học tập, lao động, được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho đi thăm người thân... ở ngoài nước từ 12 tháng trở lên, nếu ở đó chưa có tổ chức đảng thì giải quyết việc chuyển sinh hoạt đảng như sau:

+ Đảng viên đi đơn lẻ thì Đảng uỷ Bộ Ngoại giao trực tiếp hướng dẫn sinh hoạt đảng. Khi đảng viên ở ngoài nước trở về thì phải có bản tự kiểm điểm trong thời gian ở ngoài nước (về giữ gìn tư cách đảng viên, thực hiện nhiệm vụ được giao...), có xác nhận của tổ chức đảng hoặc cơ quan đại diện của ta ở nước sở tại; các trường hợp khác thực hiện theo hướng dẫn của Đảng uỷ Bộ Ngoại giao.

+ Đảng viên ra nước ngoài lập đoàn có từ 3 đảng viên chính thức trở lên thì Đảng uỷ Bộ Ngoại giao ra quyết định thành lập chi bộ đảng, chỉ định chi uỷ, bí thư, phó bí thư và giao nhiệm vụ cho chi bộ trong thời gian ở ngoài nước. Khi đảng viên trở về, chi uỷ nhận xét vào bản kiểm điểm của đảng viên để Đảng uỷ Bộ Ngoại giao xem xét, giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên về sinh hoạt đảng ở trong nước.

10.2.2. Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời

Việc chuyển sinh hoạt đảng tạm thời được thực hiện đối với các trường hợp sau:

a) Ở trong nước:

Đảng viên đi công tác, học tập, làm việc (kể cả công tác biệt phái), làm hợp đồng, thay đổi nơi cư trú ở trong nước; đảng viên là cán bộ, công nhân viên ở các doanh nghiệp, là xã viên các hợp tác xã vì không có việc làm phải về nơi cư trú nghỉ chờ việc làm... trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 12 tháng; đảng viên được cử đi học ở các cơ sở đào tạo trong nước từ 3 tháng đến 24 tháng, sau đó lại trở về đơn vị cũ.

b) Ra ngoài nước:

Đảng viên đi công tác, học tập, lao động, chữa bệnh, đi thăm người thân ở nước ngoài... (được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép) từ 3 tháng đến dưới 12 tháng, sau đó lại trở về nước thì Đảng uỷ Bộ Ngoại giao hướng dẫn thủ tục chuyển sinh hoạt đảng tạm thời.

10.3. Việc quản lý sinh hoạt đảng và chuyển sinh hoạt đảng trong một số trường hợp cụ thể

a) Việc quản lý sinh hoạt đảng của đảng viên hoạt động ở xa nơi cư trú, làm việc lưu động, không ổn định hoặc ở nơi chưa có tổ chức đảng:

Đảng viên đi làm việc lưu động ở các địa phương trong nước, việc làm không ổn định hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện trở về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định của Điều lệ Đảng thì đảng viên phải làm đơn báo cáo chi bộ xem xét cho tạm miễn sinh hoạt.

Nếu đảng viên đi ra ngoài địa phương nơi cư trú (vì việc làm hoặc vì việc riêng) có lý do chính đáng và thời gian dưới 12 tháng thì chi bộ xét, đề nghị đảng uỷ cơ sở cho đảng viên được tạm miễn sinh hoạt đảng và công tác trong

thời gian đó. Đảng viên phải đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương nơi đến và giữ gìn tư cách đảng viên, đóng đảng phí theo quy định; hết thời gian phải có nhận xét của cơ quan, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị...) ở nơi đến để chi bộ bố trí sinh hoạt đảng trở lại. Nếu ở nơi đến, đảng viên không thực hiện được việc đăng ký tạm trú, hết thời gian trên phải làm bản tự kiểm điểm về việc giữ gìn tư cách đảng viên, báo cáo chi bộ để chi bộ xét cho sinh hoạt đảng trở lại.

Trường hợp đảng viên cần tiếp tục đi thêm đợt mới thì phải có đơn báo cáo với chi bộ để chi bộ xem xét, quyết định.

b) Việc chuyển sinh hoạt đảng đối với đảng viên nghỉ chờ làm thủ tục nghỉ hưu theo chế độ:

Trong thời gian đảng viên nghỉ công tác chờ làm thủ tục nghỉ hưu thì được chuyển sinh hoạt đảng tạm thời về đảng bộ nơi đảng viên cư trú; nếu đảng viên có đơn đề nghị thì chi bộ xét cho miễn sinh hoạt đảng. Sau khi cấp có thẩm quyền làm xong thủ tục nghỉ hưu (cấp sổ hưu trí), tổ chức đảng chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên về đảng bộ nơi cư trú.

c) Việc chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên do yêu cầu công tác phải chuyển tiếp hoặc do tổ chức đảng nơi đảng viên chuyển đi giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng sai địa chỉ:

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng đến làm công văn riêng kèm theo hồ sơ đảng viên để giới thiệu đảng viên đến cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng sẽ chuyển đến.

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên chuyển đến căn cứ công văn và hồ sơ đảng viên xem xét, làm thủ tục tiếp nhận sinh hoạt đảng cho đảng viên theo quy định.

d) Chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ở tổ chức đảng bị giải tán hoặc giải thể:

- Đảng viên ở chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở bị giải tán thì cấp uỷ cơ sở làm thủ tục giới thiệu đảng viên đến nơi sinh hoạt mới.

- Đảng viên ở đảng bộ, chi bộ cơ sở bị giải tán thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng căn cứ hồ sơ đảng viên giới thiệu đảng viên đến đảng bộ mới theo trình tự, thủ tục quy định để được tham gia sinh hoạt đảng.

- Tổ chức đảng bị giải thể thì thực hiện việc chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên sau khi có quyết định giải thể.

đ) Việc giới thiệu và quản lý đảng viên đang công tác tại các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú:

- Việc giới thiệu đảng viên đang công tác về nơi cư trú thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và một số điểm như sau:

+ Cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên đang công tác giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ với cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên cư trú (không phân biệt nơi cư trú của đảng viên ở trong hay ngoài phạm vi của đảng bộ tỉnh, thành phố).

+ Cấp uỷ cơ sở nơi cư trú của đảng viên tiếp nhận đảng viên, vào sổ theo dõi và thông báo cho chi uỷ chi bộ nơi cư trú của đảng viên theo dõi, quản lý, giúp đỡ đảng viên hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Bộ Chính trị.

- Theo dõi, quản lý đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi uỷ, đảng uỷ nơi cư trú như sau:

+ Cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên đang làm việc lập sổ theo dõi việc giới thiệu đảng viên về nơi cư trú, tập hợp ý kiến nhận xét đảng viên của chi uỷ, đảng uỷ cơ sở nơi cư trú và chỉ đạo chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt xem xét, xử lý những vấn đề có liên quan đến đảng viên.

+ Cấp uỷ cơ sở nơi cư trú của đảng viên chỉ đạo chi bộ trực thuộc theo dõi, quản lý đảng viên; định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu thông báo với cấp uỷ, chi bộ nơi đảng viên đang làm việc về việc đảng viên thực hiện nhiệm vụ ở nơi cư trú (trực tiếp hoặc bằng văn bản) theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

10.4. Sử dụng, bảo quản giấy giới thiệu sinh hoạt đảng

Thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

10.5. Thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập

a) Việc chuyển giao tổ chức đảng giữa đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng uỷ khối ở Trung ương phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Sau khi cấp uỷ có thẩm quyền quyết định thành lập mới, chia tách hoặc sáp nhập tổ chức đảng thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp tiến hành làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên trong mỗi cấp như sau:

- Việc chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên trong phạm vi nội bộ đảng bộ cơ sở, đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ trực thuộc Trung ương thì cấp uỷ cơ sở, cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, cấp uỷ trực thuộc Trung ương ra quyết định chuyển giao và tổ chức thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng và đảng viên.

- Việc chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên ngoài phạm vi đảng bộ cơ sở, đảng bộ cấp trên trực tiếp, đảng bộ trực thuộc Trung ương thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng nơi chuyển giao ra quyết định chuyển giao; cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng nơi tiếp nhận ra quyết định tiếp nhận. Sau đó tiến hành thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên.

- Ban tổ chức cấp uỷ nơi giao, nơi nhận giúp cấp uỷ hoàn thiện thủ tục, hồ sơ bàn giao.

11. Xoá tên đảng viên trong danh sách đảng viên và đảng viên xin ra khỏi Đảng

11.1. Việc xoá tên đảng viên trong danh sách đảng viên

a) Đảng viên làm bản tự kiểm điểm và kiểm điểm trước chi bộ. Trường hợp chi uỷ đã yêu cầu đến lần thứ 3 nhưng đảng viên đó không làm bản kiểm điểm hoặc không đến dự họp để kiểm điểm thì chi bộ vẫn xem xét, xử lý đối với đảng viên đó.

Trường hợp đảng viên cố tình không làm bản kiểm điểm theo yêu cầu của chi bộ thì chi bộ thực hiện ngay quy trình đề nghị xoá tên đảng viên.

b) Chi bộ, đảng uỷ bộ phận (nếu có), đảng uỷ cơ sở, cấp có thẩm quyền xem xét xoá tên đảng viên, thực hiện thủ tục xem xét theo hướng dẫn tại Điểm 4.6, Mục 4 của Hướng dẫn này.

c) Giải quyết khiếu nại xoá tên đảng viên:

Thực hiện theo Quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

11.2. Đảng viên xin ra khỏi Đảng

a) Đối tượng và thủ tục

- Chỉ xem xét cho ra khỏi Đảng đối với những đảng viên chưa vi phạm về tư cách. Nếu vi phạm tư cách đảng viên thì phải xử lý kỷ luật về Đảng, sau đó mới xét cho ra khỏi Đảng.

- Đảng viên xin ra khỏi Đảng phải làm đơn, nói rõ lý do xin ra khỏi Đảng, báo cáo chi bộ.

- Chi bộ, đảng uỷ bộ phận (nếu có), đảng uỷ cơ sở xem xét, báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xét, quyết định cho ra khỏi Đảng và làm thủ tục xoá tên trong danh sách đảng viên.

- Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền kết nạp đảng viên, khai trừ đảng viên thì ra quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên.

b) Đảng viên đã được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định cho ra khỏi Đảng, nếu có nhu cầu được cấp giấy xác nhận tuổi đảng thì cấp uỷ có thẩm quyền xét, cấp "Giấy xác nhận tuổi đảng" cho những người đó.

12. Về tên gọi và cách tính nhiệm kỳ đại hội đảng bộ

12.1. Đối với đại hội đảng bộ, chi bộ tiến hành theo nhiệm kỳ, thực hiện đầy đủ các nội dung mà Điều lệ Đảng quy định thì nhiệm kỳ được tính theo thời điểm tiến hành đại hội. Số thứ tự đại hội tiếp nối theo thứ tự các nhiệm kỳ trước.

12.2. Những đảng bộ, chi bộ do chia tách, sáp nhập thì cách tính số thứ tự nhiệm kỳ đại hội là: Số thứ tự đại hội qua các thời kỳ lịch sử (kể cả thời gian chia tách, sáp nhập) cộng thêm nhiệm kỳ hiện tại; đảng bộ, chi bộ được thành lập mới thì tính theo nhiệm kỳ mới.

- Một đảng bộ, chi bộ được tách làm hai thì hai đảng bộ, chi bộ mới được tính nhiệm kỳ liên tiếp như nhau.

- Một đảng bộ, chi bộ được thành lập mới, hoặc được thành lập từ nhiều đơn vị khác nhau thì tính nhiệm kỳ đầu tiên.

- Trường hợp đặc biệt cần phải tính khác thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

12.3. Nhiệm kỳ của đảng bộ bộ phận như nhiệm kỳ của đảng bộ cơ sở; số lượng cấp uỷ viên của đảng uỷ bộ phận không quá 7 cấp uỷ viên.

13. Về đại biểu ở đại hội đại biểu và đảng viên ở đại hội đảng viên

13.1. Đại biểu đã được bầu dự đại hội đảng bộ cấp trên, khi thay đổi công tác sang đảng bộ khác nhưng cùng trực thuộc đảng bộ cấp trên thì tham gia đoàn đại biểu đảng bộ cũ; nếu được cử làm trưởng đoàn cần sinh hoạt với đoàn đại biểu đảng bộ mới thì chuyển đại biểu về sinh hoạt tại đoàn đại biểu mới; đảng bộ cũ không cử đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu đó.

13.2. Việc đảng viên được miễn công tác, miễn sinh hoạt và đảng viên chuyển sinh hoạt tạm thời đến đảng bộ khác về dự đại hội:

Cấp uỷ cấp triệu tập đại hội phải thông báo và triệu tập số đảng viên được miễn công tác, miễn sinh hoạt và đảng viên đã chuyển sinh hoạt tạm thời đến đảng bộ khác về dự đại hội. Nếu về dự đại hội thì số đảng viên này được tính vào tổng số đảng viên dự đại hội, nếu không về dự đại hội thì không tính vào tổng số đảng viên dự đại hội để tính kết quả bầu cử trong đại hội.

13.3. Việc tham gia cấp uỷ nơi sinh hoạt chính thức của cấp uỷ viên được cử đi học:

Cấp uỷ viên được cử đi học, đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đến cơ sở đào tạo thì đồng chí đó vẫn tính trong đảng số của đảng bộ và vẫn là cấp uỷ viên của đảng bộ nơi sinh hoạt chính thức, cấp uỷ viên đi học dài hạn, đã chuyển sinh hoạt chính thức đến cơ sở đào tạo thì thôi tham gia cấp uỷ; nếu cần giới thiệu để bầu vào cấp uỷ khoá mới thì đồng chí đó phải chuyển sinh hoạt chính thức về đảng bộ nơi cử đi học và thực hiện các thủ tục để giới thiệu tham gia cấp uỷ hoặc được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên như các đảng viên khác.

14. Quy trình tổ chức đại hội

Đại hội đảng bộ có thể tiến hành hai phiên: Phiên trừ bị và phiên chính thức.

14.1. Phiên trừ bị thực hiện các nội dung: Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, thông qua nội quy, chương trình làm việc của đại hội, quy chế bầu cử, quy chế làm việc, hướng dẫn sinh hoạt của đại biểu, có thể thảo luận văn kiện của cấp trên.

14.2. Phiên chính thức thực hiện những nội dung quy định tại các Điều 15, 18, 22, 24 của Điều lệ Đảng, phù hợp với mỗi cấp.

14.3. Trang trí trong đại hội

- Trên cùng là khẩu hiệu "Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm"; cờ Đảng, cờ Tổ quốc, tượng hoặc ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh (bên trái), ảnh Mác - Lênin (bên phải).

- Các khẩu hiệu hành động của đảng bộ.

Dưới là tiêu đề đại hội:

Đảng bộ A...

Đại hội (đại biểu) lần thứ...

Nhiệm kỳ...

14.4. Các bước tiến hành đại hội

- Chào cờ (hát Quốc ca, Quốc tế ca).

- Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu (nếu đã bầu ở phiên trừ bị thì mời lên làm việc).

- Diễn văn khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

- Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu (ở đại hội đảng viên báo cáo tình hình đảng viên tham dự đại hội).

- Đọc báo cáo chính trị.

- Đọc báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành trong nhiệm kỳ.

- Thảo luận báo cáo chính trị và văn kiện của cấp trên.

- Phát biểu của đại diện cấp uỷ cấp trên (tùy điều kiện cụ thể để bố trí trình tự cho phù hợp).

- Thực hiện việc bầu cử (bầu ban kiểm phiếu và thực hiện các công việc theo quy trình bầu cử).

- Thông qua nghị quyết đại hội.

- Bế mạc (hát Quốc ca, Quốc tế ca).

15. Việc chỉ định bổ sung hoặc tăng thêm cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ

Một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

15.1. Đối với đảng uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn, đại hội đảng bộ quyết định bầu từ 9 cấp uỷ viên trở lên, nhưng khi bầu không đủ 9 cấp uỷ viên thì cấp uỷ cấp trên chỉ đạo củng cố, xem xét chỉ định bổ sung cấp uỷ viên để có đủ điều kiện bầu ban thường vụ cấp uỷ.

15.2. Khi thật cần thiết, do không bầu được bí thư, cấp uỷ cấp trên có thể chỉ định đảng viên trong hoặc ngoài đảng bộ, chỉ bộ tham gia cấp uỷ và làm bí thư.

15.3. Những đồng chí đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp uỷ, ban thường vụ nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét bổ sung vào cấp uỷ, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng, đồng thời phải được ít nhất trên một nửa số cấp uỷ viên đương nhiệm đồng ý.

15.4. Những nơi đại hội bầu thiếu trên một nửa cấp uỷ viên so với số lượng đại hội quyết định thì việc chỉ định bổ sung phải được xem xét thực hiện từng bước để bảo đảm chất lượng.

15.5. Việc chỉ định tăng thêm cấp uỷ viên ở đảng bộ cấp trên cơ sở quá 10%; cấp cơ sở quá 20% so với số lượng cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định thì cấp uỷ trực thuộc Trung ương đề nghị, Ban Tổ chức Trung ương trả lời bằng văn bản.

16. Về thành lập đảng bộ khối trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

Việc thành lập, giải thể đảng bộ khối trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định sau khi được Ban Bí thư đồng ý.

17. Việc lập cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ; việc bố trí cán bộ chuyên trách đảng

17.1. Tổ chức cơ sở đảng không thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, cấp uỷ phân công cấp uỷ viên phụ trách các mặt công tác văn phòng, tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, dân vận; các thành viên đều kiêm nhiệm.

Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập có dưới 200 đảng viên không bố trí cán bộ chuyên trách; có từ 200 đảng viên trở lên có thể được bố trí cán bộ chuyên trách, do tổ chức đảng của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp quyết định cụ thể.

17.2. Đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được bố trí không quá 15 cán bộ chuyên trách.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính được tự quyết định số lượng cán bộ chuyên trách công tác đảng cho phù hợp với điều kiện thực tế.

17.3. Đảng uỷ được giao quyền cấp trên cơ sở được lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, bố trí cán bộ chuyên trách. Đối với đảng bộ có dưới 1.000 đảng viên, số cán bộ chuyên trách ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ được bố trí không quá 3 người; đảng bộ có trên 1.000 đảng viên không quá 5 người; số lượng cán bộ chuyên trách cụ thể do cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

Trường hợp cần bố trí số lượng chuyên trách công tác đảng nhiều hơn thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

17.4. Số lượng chuyên trách công tác đảng của tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị nhà nước nằm trong tổng số biên chế của cơ quan, đơn vị đó.

Kinh phí hoạt động phục vụ cho công tác đảng nằm trong kế hoạch kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị đó.

17.5. Số lượng chuyên trách công tác đảng ở doanh nghiệp do lãnh đạo doanh nghiệp quyết định và doanh nghiệp tự trả lương.

18. Tặng Huy hiệu Đảng

18.1. Đảng viên có đủ 30, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90 năm tuổi đảng được xét tặng Huy hiệu Đảng.

Đảng viên bị bệnh nặng được xét tặng Huy hiệu 30, 40, 45, 50, 55, 60, 65 năm tuổi đảng sớm, nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá 12 tháng so với thời gian quy định; được xét tặng Huy hiệu 70, 75, 80, 85, 90 năm tuổi đảng sớm, nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá 24 tháng so với thời gian quy định.

18.2. Đảng viên từ trần được xét truy tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng thời gian xét truy tặng sớm không được quá 12 tháng so với thời gian quy định.

18.3. Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư và Hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

18.4. Trao tặng, sử dụng, quản lý Huy hiệu Đảng

- Việc trao tặng Huy hiệu Đảng được tổ chức kịp thời vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn 3/2; 19/5; 2/9; 7/11 và các dịp kỷ niệm quan trọng khác tại tổ chức cơ sở đảng. Trường hợp đặc biệt ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Đảng viên sử dụng Huy hiệu Đảng trong các ngày lễ của Đảng, của dân tộc, trong đại hội, hội nghị của Đảng và kỷ niệm ngày vào Đảng của bản thân.

- Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng khi từ trần thì gia đình đảng viên được giữ Huy hiệu Đảng để làm lưu niệm.

- Đảng viên để mất Huy hiệu Đảng, nếu có lý do chính đáng thì được xét cấp lại Huy hiệu Đảng.

- Đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng phải giao lại Huy hiệu Đảng cho tổ chức đảng.

18.5. Trách nhiệm của cấp uỷ về xét tặng Huy hiệu Đảng

- Cấp uỷ cơ sở:

+ Làm thủ tục đề nghị cấp uỷ cấp trên xét, quyết định tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng cho đảng viên bị mất và truy tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên hy sinh, từ trần có đủ tiêu chuẩn.

+ Tổ chức trao tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

+ Thu hồi Huy hiệu Đảng của đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng, xoá tên gửi lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cơ sở:

+ Xét và lập danh sách đảng viên đề nghị ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét, quyết định tặng Huy hiệu Đảng, cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất và truy tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên có đủ tiêu chuẩn.

+ Quản lý sổ tặng Huy hiệu Đảng của đảng bộ.

- Tỉnh uỷ và tương đương:

+ Xét, quyết định tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp uỷ cấp dưới thực hiện quy định của Trung ương về tặng Huy hiệu Đảng.

+ Quản lý Huy hiệu Đảng do cấp dưới đã thu hồi.

+ Hằng năm sơ kết công tác xét tặng Huy hiệu Đảng để rút kinh nghiệm và báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

19. Khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên

19.1. Khen thưởng đối với tổ chức đảng

a) Tổ chức đảng có thành tích được xét khen thưởng gồm: Đảng bộ huyện và tương đương; tổ chức cơ sở đảng; đảng bộ bộ phận; chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở; chi bộ trực thuộc đảng uỷ bộ phận; tổ đảng trực thuộc chi bộ; các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của Đảng.

Các cấp uỷ có thẩm quyền xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên theo định kỳ hằng năm, gắn với việc tổng kết năm của đảng bộ, chi bộ; theo nhiệm kỳ đại hội 5 năm/lần đối với đảng bộ cấp huyện và tương đương; khen thưởng không theo định kỳ đối với tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc.

b) Xét khen thưởng chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở theo định kỳ:

- Đảng uỷ cơ sở xét tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu trong năm.

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xét tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền.

Chi bộ đạt "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu là chi bộ được đảng uỷ cơ sở xem xét, công nhận khi đánh giá chất lượng chi bộ trong năm.

c) Xét khen thưởng tổ chức cơ sở đảng theo định kỳ

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xét tặng giấy khen cho tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu trong năm.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen cho tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng cờ cho những tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền.

d) Xét khen thưởng đảng bộ huyện và tương đương theo định kỳ:

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen, tặng cờ cho những đảng bộ huyện và tương đương có thành tích trong nhiệm kỳ.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen cho đảng bộ huyện và tương đương đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu trong năm.

đ) Khen thưởng tổ chức đảng không theo định kỳ:

Ngoài việc xét khen thưởng cho tổ chức đảng theo định kỳ, cấp uỷ đảng cấp trên cần xét khen thưởng kịp thời những tổ chức đảng cấp dưới có thành tích đặc biệt xuất sắc, là điển hình tốt trong đảng bộ về từng lĩnh vực bằng những hình thức khen thưởng thích hợp.

e) Khen thưởng các cơ quan tham mưu giúp việc và đơn vị sự nghiệp của Đảng:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương căn cứ Điều lệ Đảng, Quy định của Trung ương và Luật Thi đua, khen thưởng để ban hành hướng dẫn khen thưởng thống nhất trong hệ thống các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của các cấp uỷ đảng.

g) Tiêu chuẩn chi bộ trực thuộc đảng uỷ bộ phận, chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở, đảng bộ bộ phận, tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ huyện và tương đương "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

19.2. Khen thưởng đối với đảng viên

a) Khen thưởng đảng viên theo định kỳ:

- Đảng uỷ cơ sở, chi bộ cơ sở xét tặng giấy khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong năm.

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xét tặng giấy khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền.

Tiêu chuẩn đảng viên "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Khen thưởng đảng viên không theo định kỳ:

Ngoài việc xét khen thưởng đảng viên theo định kỳ, cấp uỷ đảng cấp trên cần xét, khen thưởng kịp thời đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu trong từng lĩnh vực, trong thực hiện nhiệm vụ được giao như trong lao động sản xuất, học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, thể dục, thể thao, quốc phòng, an ninh... được cấp có thẩm quyền trao giải thưởng hoặc có hành động dũng cảm trong chiến đấu, lao động, phòng, chống thiên tai, chống tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội, được Nhà nước xét tặng các danh hiệu anh hùng, chiến sĩ thi đua...

- Ban thường vụ huyện uỷ và tương đương xét tặng giấy khen cho đảng viên có thành tích xuất sắc, được Nhà nước trao giải thưởng trong các kỳ thi tuyển, thi đấu quốc gia; là chiến sĩ thi đua tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ và tương đương xét tặng bằng khen cho đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc, được các tổ chức quốc tế trao giải thưởng; được Nhà nước xét tặng danh hiệu anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc, đoạt giải nhất trong các kỳ thi tuyển, thi đấu quốc gia.

19.3. Tiền thưởng, kinh phí khen thưởng

a) Tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng và Nhà nước thực hiện theo quy định của Ban Bí thư, nghị định của Chính phủ, hướng dẫn của cơ quan tài chính đảng và nhà nước.

b) Định kỳ hằng năm (vào cuối quý III), cơ quan tổ chức của cấp uỷ lập dự trù kinh phí khen thưởng năm sau của đảng bộ, báo cáo ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành, bộ, ngành để chuyển cho cơ quan nhà nước, cơ quan tài chính các cấp tổng hợp thành kinh phí khen thưởng chung của các cấp uỷ, ban, bộ, ngành và địa phương.

Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII; được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì các cấp uỷ báo cáo để Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Võ Văn Thường

KẾT LUẬN**HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ****BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII**

**về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị;
kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên
suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,
biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"**

Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt, thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng Đảng (gọi tắt là Nghị quyết Trung ương 4) đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, toàn diện, đồng bộ, thống nhất, thực sự đi vào cuộc sống, có nhiều bước đột phá quan trọng, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được nâng lên; nhận diện sâu sắc, đầy đủ hơn các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; kết hợp hài hoà giữa "xây" và "chống". Nhiều tấm gương điển hình, tiên tiến được nhân rộng, lan toả trong đời sống xã hội, đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh, khách quan những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và xã hội, có tác dụng cảnh báo, răn đe, phòng ngừa chung. Huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 không chỉ nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đảng viên mà còn góp phần rất quan trọng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 vẫn còn hạn chế, khuyết điểm: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo,

quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tự phê bình và phê bình, công tác kiểm tra, giám sát của nhiều tổ chức đảng còn hạn chế. Cơ chế kiểm soát quyền lực và chế tài xử lý vi phạm ở nhiều lĩnh vực chưa có hoặc có nhưng chưa cụ thể, hiệu quả thực thi thấp. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên chưa hiệu quả; chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch...

Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, khuyết điểm là do một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", thậm chí còn cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất, thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bốn nguy cơ¹ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang hiện hữu, có mặt còn gay gắt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" còn diễn biến phức tạp. Vì vậy, đòi hỏi phải đặc biệt coi trọng và đưa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng lên tầm cao mới, gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Ban Chấp hành Trung ương quyết định đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

¹ Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu, nguy cơ "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

I- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa "xây" và "chống", xây là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, chống là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên. Tạo bước phát triển mới của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, thực sự là đạo đức, là văn minh, ngày càng gắn bó mật thiết với nhân dân, ngày càng được nhân dân tin tưởng; đủ uy tín và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình

Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu của cá nhân; xây dựng chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị định kỳ, thường xuyên đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cấp uỷ, thường vụ cấp uỷ, đề cao và thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, "dĩ hoà vi quý". Kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Tiến hành đồng thời việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng, của hệ thống chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên; học tập và "làm theo" Bác bằng những hành động cụ thể, hằng ngày, bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tạo sự lan toả tích cực trong Đảng và toàn xã hội.

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu phát triển, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp thực tiễn Việt Nam. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tham khảo kinh nghiệm quốc tế xây dựng cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoạch định, thực thi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí và nhân dân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nâng cao chất lượng công tác dư luận xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân; chủ động dự báo tình hình, kịp thời xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội. Tiếp tục thực hiện đồng bộ quy hoạch phát triển, quản lý báo chí, xuất bản; tăng cường định hướng và đề cao sứ mệnh, trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, quản lý chặt chẽ các trang tin điện tử, nhất là mạng xã hội; tăng cường định hướng thông tin, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân lợi dụng Internet, mạng xã hội để xuyên tạc sự thật, kích động, gây rối, chia rẽ đoàn kết nội bộ. Quản lý và đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc lập và sử dụng mạng xã hội trên Internet.

Chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp; thực hiện nghiêm các quy định nêu gương của Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, cán bộ giữ cương vị càng cao càng phải tiên phong, gương mẫu. Nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của đảng viên, đạo đức công vụ, chuẩn mực, giá trị con người Việt Nam phù hợp với truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên, đội ngũ công chức, viên chức rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mình trước Đảng và nhân dân. Kiên quyết chống biểu hiện bè phái, cục bộ địa phương, "lợi ích nhóm".

2.2. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, quán triệt sâu sắc vai trò của công tác cán bộ là "then chốt của then chốt", có ý nghĩa quyết định mọi thành công của cách mạng nước ta cả trước mắt và lâu dài. Công tác cán bộ gắn với việc thực hiện chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, giữ vững vị thế

cầm quyền và bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có lý tưởng cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ dù ở vị trí nào cũng phải luôn ý thức đầy đủ về trách nhiệm, "đúng vai, thuộc bài", thật sự chuyên nghiệp, làm tốt nhiệm vụ được giao, phải gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ gắn với tăng cường trách nhiệm của cấp uỷ và người đứng đầu trong công tác cán bộ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ; không để lọt người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ.

Thực hiện thí điểm một số chủ trương như: Người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình, bí thư cấp uỷ giới thiệu để bầu uỷ viên ban thường vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tổng kết việc thí điểm thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng...

Nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn đánh giá cá nhân với tập thể, với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ. Chủ động phát hiện nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ

cấp chiến lược nhiệm kỳ 2025 - 2030 và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tiếp theo, bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm số lượng và cơ cấu hợp lý. Công tác luân chuyển phải phù hợp với chức danh quy hoạch; bảo đảm cân đối, hài hoà giữa luân chuyển cán bộ với phát triển nguồn cán bộ tại chỗ, luân chuyển ngang và dọc, luân chuyển cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sang các lĩnh vực khác và ngược lại; tăng cường cán bộ có bản lĩnh, trình độ, năng lực cho địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp; khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương bố trí chức danh lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương.

2.3. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách

Tập trung rà soát, thể chế hoá kịp thời chủ trương của Đảng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế hiện có, bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Khẩn trương hoàn thiện các cơ chế về phân cấp quản lý cán bộ, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ nhân sự; đánh giá, lấy phiếu tín nhiệm, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú ý quản lý cán bộ, đảng viên làm việc trong lĩnh vực đặc thù, nghiên cứu, học tập, lao động, công tác ở nước ngoài; kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền; xây dựng cơ chế phát hiện, lựa chọn, trọng dụng nhân tài, cán bộ có năng lực nổi trội, cán bộ trẻ để đào tạo, bổ sung cán bộ cho Đảng; thu hút và khuyến khích cán bộ làm việc trong các cơ quan, lĩnh vực, địa bàn đặc thù, phức tạp, trọng yếu.

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xử lý tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; cơ chế bảo vệ, khuyến khích nhân dân phản ánh, tố giác cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, đề cao thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác của người đứng đầu đối với cán bộ cấp dưới để kiểm tra, xử lý khi có dấu hiệu vi phạm.

Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch. Đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật, không để bị chi phối, tác động bởi các hành vi không lành mạnh của bất cứ tổ chức, cá nhân nào, không để xảy ra tình trạng lồng ghép "lợi ích nhóm", lợi ích cục bộ của cơ quan quản lý nhà nước trong văn bản pháp luật.

Phát huy vai trò và nâng cao chất lượng phản biện xã hội của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác xây dựng pháp luật và giám sát việc thực hiện pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, như: Công tác cán bộ, tài chính, ngân sách, tài sản công, đất đai, tài nguyên, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, hải quan, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...

2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và có nhiều khiếu kiện, khiếu kiện kéo dài; đồng thời, quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, sai phạm lớn.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tập trung vào phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực tại địa phương, cơ sở. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát người đứng đầu thực hiện trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát chuyên đề, tập trung giám sát cán bộ, đảng viên có lời nói, việc làm biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Uỷ ban kiểm tra các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát và kiên quyết xử lý, kỷ luật nghiêm minh đối với cán bộ, đảng viên suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" ngay tại cơ sở, chi bộ, không để kéo dài hoặc "đùn đẩy" lên cấp trên. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tự phê bình và phê bình, thực hiện trách nhiệm nêu gương và khắc phục khuyết điểm của tập thể, cá nhân.

Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Chủ động phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực; kiên quyết thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc liên quan đến tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, nhất là những vụ án, vụ việc do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Tăng cường phối hợp đồng bộ, tạo sự chuyển biến rõ nét trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương đến cơ sở. Tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trước hết là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán có bản lĩnh vững vàng, liêm chính, trung thực, có dũng khí đấu tranh, có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực.

2.5. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trực tiếp phản ánh, góp ý với cấp uỷ đảng về công tác cán bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; của báo chí. Chú trọng giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Hoàn thiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở để thực hiện có hiệu quả phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*".

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của chính quyền các cấp. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp phải tăng cường trách nhiệm giải trình, thực hiện nghiêm quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp, đối thoại với công dân; tiếp nhận và

kip thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề nhân dân phản ánh, khiếu kiện, nhất là những vấn đề liên quan đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những điển hình nêu gương sáng, có sức lan toả lớn trong Đảng và xã hội.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận này, tổ chức Hội nghị toàn quốc để quán triệt đến cán bộ chủ chốt; chỉ đạo mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng và hệ thống chính trị để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII và Kết luận này.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức nghiên cứu học tập, quán triệt, chủ động xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể của tổ chức, địa phương, đơn vị mình để thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và Kế hoạch thực hiện của Bộ Chính trị.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thể chế hoá nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII và Kết luận này, nhất là những vấn đề về kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế có liên quan, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

QUY ĐỊNH
về những điều đảng viên không được làm

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Để tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng và giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng,

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; cùng với việc gương mẫu chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, quyết định của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội mà mình là thành viên, phải chấp hành nghiêm những quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm.

I- Những điều đảng viên không được làm

Điều 1. Nói, viết, làm trái hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, quyết định của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép.

Điều 2. Không chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép.

Điều 3. Phản bác, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không thực hiện trách nhiệm nêu gương; chủ nghĩa cá nhân,

ơ hội, vụ lợi; "tư duy nhiệm kỳ", đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng.

Điều 4. Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tàng trữ, tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những thông tin, quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 5. Viết bài hoặc cung cấp tài liệu cho người khác viết, nói, cho đăng tải tin, bài sai sự thật, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định. Sáng tác, sản xuất, tàng trữ, tán phát các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật không lành mạnh, trái thuần phong mỹ tục Việt Nam, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội; tán phát bài viết, bài nói, phỏng vấn, hồi ký, phim, ảnh không đúng quy định.

Điều 6. Tố cáo có nội dung mang tính bịa đặt; cùng người khác viết, ký tên trong đơn tố cáo; viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên. Gửi hoặc tán phát đơn khiếu nại, tố cáo dưới mọi hình thức đến nơi không có thẩm quyền giải quyết.

Đe dọa, trù dập, trả thù người khiếu nại, tố cáo; không thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về bảo vệ người tố cáo, phê bình, góp ý; kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu nại, tố cáo.

Điều 7. Tổ chức, tham gia các tổ chức, hội trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; biểu tình, tụ tập đông người gây mất trật tự, an ninh.

Điều 8. Tổ chức, xúi giục, tham gia các hoạt động bè phái, cục bộ gây mất đoàn kết nội bộ. Lợi dụng việc phản ánh, góp ý kiến đối với Đảng, Nhà nước để đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện đối với tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Báo cáo, lập hồ sơ, kê khai lý lịch, kê khai tài sản, thu nhập không trung thực. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả, không hợp pháp; nhập quốc tịch, chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài trái quy định.

Điều 10. Chủ trì, tham mưu ban hành văn bản có nội dung trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện không đúng quy định trong quản lý đầu tư, xây dựng, sử dụng nhà, đất, tài nguyên, tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước.

Điều 11. Vi phạm đạo đức công vụ, bao che, báo cáo sai sự thật khi thực hiện nhiệm vụ; thiếu trách nhiệm để cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân do mình trực tiếp quản lý xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các vi phạm khác.

- Không báo cáo, không xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Can thiệp, tác động hoặc để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng) và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi.

- Lợi dụng chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung để thực hiện hoặc bao che hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 12. Có hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động dưới mọi hình thức đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyên dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định.

Điều 13. Can thiệp, tác động vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo để bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tác động, ép buộc, mua chuộc tổ chức, cá nhân để giảm trách nhiệm, hình phạt cho người khác.

Điều 14. Tham ô, đưa, nhận, môi giới hối lộ hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới, hối lộ dưới mọi hình thức; tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hoạt động rửa tiền, đi vay, cho vay trái quy định của pháp luật.

Điều 15. Tặng, nhận quà dưới mọi hình thức để tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm dẫn đến việc quyết định sai, có lợi riêng cho bản thân hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 16. Không thực hành tiết kiệm, để xảy ra thất thoát, lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công trái quy định.

Điều 17. Can thiệp, tác động để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng), bản thân và người khác đi du lịch, học tập, chữa bệnh bằng nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngành, lĩnh vực theo dõi, quản lý.

Điều 18. Tổ chức, tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức; sử dụng các chất ma túy; sử dụng rượu, bia không đúng quy định hoặc đến mức bê tha và các tệ nạn xã hội khác.

Tổ chức việc cưới, việc tang và các sự kiện khác của cá nhân, gia đình xa hoa, lãng phí hoặc nhằm mục đích vụ lợi.

Thờ ơ, vô cảm với các hành vi sai trái trong xã hội; có hành vi bạo lực trong gia đình; vi phạm chính sách dân số; sống chung với người khác như vợ chồng; vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài.

Điều 19. Mê tín, hoạt động mê tín; ủng hộ hoặc tham gia các tôn giáo bất hợp pháp hoặc lợi dụng các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng để trục lợi.

II- Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này và giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các cấp uỷ đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy định và định kỳ hằng năm báo cáo với cấp uỷ cấp trên tình hình thực hiện Quy định qua uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề thấy cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

2. Đảng viên vi phạm Quy định này phải được xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Quy định này thay thế Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về những điều đảng viên không được làm, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**



Nguyễn Phú Trọng

Điều 9. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.
2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 10. Việc bố trí công tác đối với cán bộ sau khi từ chức

1. Cán bộ sau khi từ chức nếu có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền có thể căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.
2. Cán bộ đã từ chức và bố trí công tác khác, nếu được cấp có thẩm quyền đánh giá tốt, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và khắc phục được những yếu kém, sai phạm, khuyết điểm thì có thể được xem xét để quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quy định này; chỉ đạo cụ thể hoá phù hợp với từng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và không trái với Quy định này.
2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan.
3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 260-QĐ/TW, ngày 02/10/2009 của Bộ Chính trị và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thường

Điều 6. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.
2. Đê cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.
3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 7. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận đê cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi đê cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.
2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đê dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm đê xem xét cho từ chức.
3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi đê cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Chương III

QUY TRÌNH XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC VÀ BỐ TRÍ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ SAU KHI TỪ CHỨC

Điều 8. Quy trình xem xét miễn nhiệm, từ chức

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, từ chức, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.
3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu nêu cao trách nhiệm trong việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 4. Thẩm quyền

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét cho cán bộ miễn nhiệm, từ chức.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất việc cho miễn nhiệm, từ chức.

3. Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Chương II

CĂN CỨ XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giám sát không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.

2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.

3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

QUY ĐỊNH
về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về công tác cán bộ,

Bộ Chính trị quy định về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, căn cứ, quy trình xem xét việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị (sau đây gọi chung là cán bộ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Miễn nhiệm* là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức.

2. *Từ chức* là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. *Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng* là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

4. *Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng* là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

**KẾ HOẠCH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị;
kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên
suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,
biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"**

Thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" (sau đây gọi là *Kết luận*), Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhận thức sâu sắc tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình hiện nay; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên trong việc thực hiện Kết luận; tạo bước chuyển biến rõ rệt, hiệu quả, thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Kết luận. Quá trình thực hiện Kết luận phải tạo sự đồng bộ, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy định về những điều đảng viên không được làm, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại; giữ vững ổn định chính trị, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Kết luận phải kế thừa kết quả, kinh nghiệm trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tuyệt đối không được hình thức, chiếu lệ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Kết luận.

II- CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT KẾT LUẬN VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc để quán triệt Kết luận và triển khai Kế hoạch thực hiện (*đầu tháng 12/2021*).

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt Kết luận và Kế hoạch thực hiện ở các cấp, các ngành (*tháng 12/2021*); chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền nội dung Kết luận, Bài phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai Kết luận và các quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bí thư các tỉnh ủy, thành ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và lãnh đạo các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Kết luận và triển khai Kế hoạch tại địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách (*tháng 12/2021 - 01/2022*).

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở căn cứ vào nội dung Kết luận, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn quốc về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII (*hoàn thành trong quý I/2022*).

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị; bổ sung, lồng ghép nội dung thực hiện Kết luận vào Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (*tháng 12/2021*); kiểm tra, giám sát việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh những nơi làm chưa tốt để thực hiện nghiêm Kết luận của Bộ Chính trị (*thực hiện hằng năm từ năm 2022*).

3. Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu

của cá nhân; xây dựng chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị định kỳ, thường xuyên đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý (*thực hiện thường xuyên*).

4. Thực hiện nghiêm việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, gắn với việc tu dưỡng, rèn luyện, nêu gương của cán bộ, đảng viên. Những nơi có biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, biểu hiện lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực, dư luận bức xúc, có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", thì cấp uỷ cấp trên phải kịp thời xem xét, gợi ý, chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm, xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; đồng thời, chú trọng kiểm tra, giám sát việc sửa chữa, khắc phục khuyết điểm của cấp uỷ cấp dưới và tổ chức, cá nhân liên quan (*thực hiện hằng năm, từ năm 2021*).

5. Tiếp tục thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với thành viên lãnh đạo cấp uỷ và cán bộ lãnh đạo theo quy định, nhất là việc lấy phiếu tín nhiệm trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư; trong Quốc hội khoá XV đối với các chức danh do Quốc hội bầu và phê chuẩn (*năm thứ 3, nhiệm kỳ Đại hội Đảng, nhiệm kỳ Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp*).

6. Giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tính chiến đấu trong sinh hoạt cấp uỷ, thường vụ cấp uỷ và tổ chức đảng; khắc phục tình trạng chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, mất đoàn kết, nể nang, né tránh, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, lợi ích nhóm (*thực hiện thường xuyên*).

7. Kịp thời sơ kết, tổng kết, rà soát, sửa đổi các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến các nội dung của công tác cán bộ, tổ chức bộ máy và trách nhiệm người đứng đầu; công tác cải cách hành chính; kiểm soát quyền lực và phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ. Thực hiện có hiệu quả chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; chủ trương bố trí chức danh lãnh đạo chủ chốt không phải là người địa phương (*từ năm 2022*).

8. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tập trung xử lý dứt điểm những vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, gây thất thoát, lãng phí lớn ngân sách, tài sản nhà nước, những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội quan tâm; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm, khắc phục hậu quả, thu hồi tài sản thất thoát; thực hiện có hiệu quả kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (*thực hiện thường xuyên*).

9. Tăng cường hoạt động của uỷ ban kiểm tra các cấp, chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị; xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước (*thực hiện thường xuyên*).

10. Tập trung rà soát hoàn thiện pháp luật, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là của người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật, không để bị chi phối, tác động, hướng lái; không để xảy ra tình trạng lồng ghép "lợi ích nhóm", lợi ích cục bộ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong văn bản pháp luật (*thực hiện thường xuyên*).

11. Tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị; giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên (*thực hiện thường xuyên*).

IV- NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG, TỈNH ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG; CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. Đảng đoàn Quốc hội

- Thể chế hoá, cụ thể hoá nội dung Kết luận thành quy định trong các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, hoàn thành tốt chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 19-KL/TW, ngày 14/10/2021 về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, thực hiện kiến nghị sau giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội đối với hoạt động của bộ máy nhà nước.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ

- Thể chế hoá các nội dung trong Kết luận theo thẩm quyền. Nâng cao hiệu quả việc thực thi pháp luật và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; chống chạy chức, chạy quyền; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; nghiên cứu, đề xuất với Quốc hội sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư công, xây dựng, đất đai, tài nguyên, ngân sách, ngân hàng, tài sản công, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, hải quan, thuế,... để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực và tạo sự thống nhất, khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Trước mắt, thực hiện tốt các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; tập trung khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

- Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân và sự phát triển đất nước. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực thi đạo đức, văn hoá công vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nhất là những lĩnh vực liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, nhũng nhiễu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm pháp luật. Hằng năm, đánh giá và công bố các chỉ số cải cách hành chính, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tập trung đông người; xử lý có hiệu quả những vụ việc tồn đọng, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước.

- Chỉ đạo tổng kết việc thí điểm thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước; sơ kết việc thực hiện Đề án văn hoá công vụ (theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Ban cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao và Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn tổ chức cán bộ, bộ máy và hoạt động của hệ thống toà án, viện kiểm sát các cấp theo nội dung Kết luận, bảo đảm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, góp phần xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với công bằng, công lý.

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành "Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án". Trên cơ sở đó, từng cơ quan ban hành quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ của cơ quan mình (năm 2022).

- Quan tâm đào tạo, giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có đạo đức cách mạng, bản lĩnh, liêm, chính, chí công, vô tư, tính chiến đấu cao, trọng danh dự, tâm huyết; giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp công tác khoa học, sâu sát, thận trọng. Đồng thời, kiên quyết xử lý những cán bộ vi phạm pháp luật, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

- Tăng cường phối hợp giữa toà án, viện kiểm sát các cấp với các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp để giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Đẩy mạnh công tác vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia phản ánh, đóng góp ý kiến cho cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị các cấp, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; khuyến khích, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Phối hợp tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phối hợp đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên (năm 2023).

5. Ban Tổ chức Trung ương

- Tham mưu sơ kết, tổng kết, ban hành các văn bản của Đảng liên quan đến công tác cán bộ: Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; đánh giá, quy hoạch,

luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; bảo vệ chính trị nội bộ; miễn nhiệm, từ chức; phân cấp quản lý cán bộ (năm 2021, 2022).

- Tổng kết Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tham mưu, đề xuất tổng biên chế trong hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026. Đánh giá kết quả 2 năm thực hiện và một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; kết quả 2 năm thực hiện Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền (năm 2022).

- Hướng dẫn việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; chủ trì tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo nội dung gợi ý kiểm điểm hằng năm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền.

- Hướng dẫn, kiểm tra ban tổ chức cấp uỷ các cấp trong việc thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị (từ năm 2021).

- Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách phát hiện, lựa chọn, trọng dụng, bố trí, sắp xếp cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội, cán bộ trẻ vào vị trí lãnh đạo, quản lý các cấp; chính sách đối với cán bộ làm việc trong lĩnh vực, địa bàn đặc thù, phức tạp, trọng yếu; cơ chế sinh hoạt, quản lý đối với cán bộ, đảng viên đi nghiên cứu, học tập, lao động, công tác ở nước ngoài; quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ; thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng (từ năm 2022).

- Nghiên cứu, tham mưu thực hiện thí điểm chủ trương người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp uỷ giới thiệu để bầu uỷ viên ban thường vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình (từ năm 2023).

6. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương

- Tham mưu ban hành quy định về xử lý vi phạm kỷ luật của Đảng, xử lý tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" (năm 2021).

- Tham mưu quy định về những việc tổ chức đảng không được làm, cụ thể hoá các biểu hiện suy thoái để làm căn cứ xử lý tổ chức đảng vi phạm (năm 2022).

- Chủ trì, phối hợp với Ban Nội chính Trung ương tham mưu quy định liên quan đến việc bảo vệ người tố cáo theo hướng cụ thể, đồng bộ, có chế tài xử lý nghiêm khắc, chú trọng các biện pháp phòng ngừa; làm rõ những biểu hiện hành vi trả thù, trù dập người tố cáo để làm cơ sở nhận diện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý theo Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (năm 2022).

- Tham mưu cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (năm 2022, 2023). Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực và thực hiện Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm.

- Chỉ đạo, hướng dẫn uỷ ban kiểm tra cấp dưới tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" ngay tại cơ sở, chi bộ.

- Chủ trì sơ kết 5 năm thực hiện Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ (năm 2024).

- Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên chấp hành quy định về những điều đảng viên không được làm; tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực; những nơi mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; những nơi có nhiều vụ, việc khiếu kiện, phức tạp, kéo dài, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Nghiên cứu, tham mưu Bộ Chính trị ban hành "Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán" (năm 2022).

7. Ban Tuyên giáo Trung ương

- Hướng dẫn đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn quốc về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị (tháng 12/2021).

- Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, quán triệt Kết luận và Kế hoạch thực hiện ở các cấp, các ngành (tháng 6/2022); hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp để tuyên truyền sâu rộng Kết luận và Kế hoạch thực hiện trong cán bộ, đảng viên và nhân dân (năm 2021).

- Chỉ đạo, nâng cao hiệu quả việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Kết luận. Tham mưu tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (năm 2026).

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu nội dung chuẩn mực đạo đức cách mạng làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên phấn đấu rèn luyện (năm 2022).

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; tham mưu sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư (năm 2023). Tham mưu, xây dựng quy định về chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị định kỳ, thường xuyên đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên, công chức, viên chức; hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên (năm 2022).

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản tăng cường công tác tuyên truyền nội dung Kết luận và kết quả thực hiện; mở chuyên mục trao đổi, góp ý kiến xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phát hiện, giới thiệu các điển hình, cách làm hay trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; phê phán những hành vi tham nhũng, tiêu cực; kịp thời thông tin kết quả xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật Nhà nước, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" theo quy định.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm Kết luận số 23-KL/TW, ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; tham mưu sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 23-KL/TW, ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư (năm 2023). Thường xuyên định hướng thông tin và chỉ đạo thực hiện đồng bộ quy hoạch phát triển, quản lý hoạt động báo chí, xuất bản, nhất là trang tin điện tử, mạng xã hội theo đúng chủ trương, đường lối, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kế hoạch chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xử lý nghiêm cơ quan báo chí, phóng viên vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; phối hợp tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo 35; tham mưu sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (năm 2023). Kịp thời tham mưu, chỉ đạo gặp gỡ, trao đổi với những cá nhân có ý kiến trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

8. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị; chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng, chống tiêu cực, trọng tâm là suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống liên quan đến tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp mà dư luận xã hội quan tâm.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, tố cáo về tham nhũng, tiêu cực, nhất là liên quan đến suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức (năm 2022).

9. Ban Nội chính Trung ương

- Khẩn trương tham mưu ban hành quy định về kiểm soát quyền lực của các cơ quan nội chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị; hướng dẫn việc xác định những vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm làm cơ sở cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng áp dụng thống nhất.

- Tham mưu sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

10. Ban Dân vận Trung ương

- Tham mưu sơ kết 5 năm thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư về hướng dẫn khung để cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ (năm 2022).

- Tham mưu tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; sơ kết 5 năm thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên (năm 2023).

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Công tác quần chúng Trung ương, Ban Chỉ đạo Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

11. Ban Kinh tế Trung ương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về kinh tế - xã hội; kịp thời phát hiện, báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề mới, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị xem xét, xử lý kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân vi phạm.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định các đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan Trung ương trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Xây dựng hướng dẫn tinh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương trong công tác thẩm định các đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

12. Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương

- Quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong toàn lực lượng về yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện nghiêm Kết luận, xây dựng tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động phát hiện, xử lý các đối tượng chống đối, phản tử cơ hội, bất mãn chính trị; xử lý nghiêm những đối tượng lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền, xuyên tạc; có hành vi nói, viết, lưu trữ, phát tán tài liệu sai trái.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật đảng, kỷ luật quân đội, kỷ luật công an, vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, nhất là các vụ, việc nghiêm trọng, phức tạp mà dư luận xã hội quan tâm.

- Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương nghiên cứu, ban hành quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

13. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đổi mới, nâng cao hiệu quả nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức định kỳ, thường xuyên cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; nội dung, chương trình học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên; quan tâm bồi dưỡng kiến thức, phương pháp, kỹ năng quản trị, kinh nghiệm xử lý tình huống cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong cả hệ thống chính trị.

14. Hội đồng Lý luận Trung ương

Thực hiện tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; tăng cường tổ chức xây dựng luận cứ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mặt trận lý luận; nghiên cứu, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định, thực thi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

15. Văn phòng Trung ương Đảng

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tham mưu tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch của Bộ

Chính trị thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII, Quy định số 37-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm.

- Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

16. Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp

Tham mưu về xây dựng, hoàn thiện pháp luật, kiểm soát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, tránh sơ hở, chông chéo, trái luật...

17. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan, tổ chức có liên quan khác ở Trung ương

- Xây dựng Kế hoạch quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thực hiện nghiêm Kết luận trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên thuộc cơ quan, tổ chức. Tích cực thực hiện các giải pháp đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp hướng dẫn các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

18. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương

- Ngay sau Hội nghị cán bộ toàn quốc, khẩn trương tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Kết luận và Kế hoạch thực hiện đến các cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thuộc phạm vi phụ trách.

- Nghiên cứu, cụ thể hoá Kết luận, Kế hoạch thực hiện bằng các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, tổ chức và bổ sung vào Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tự phê bình và phê bình, các quy định về công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc của Đảng, quy định của Nhà nước; có giải pháp mạnh mẽ, cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả cao công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

- Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm quy định tiếp dân và xử lý kịp thời, có hiệu quả những kiến nghị, phản ánh, khiếu kiện của nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát cấp dưới và đánh giá kết quả trong việc triển khai thực hiện Kết luận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những nơi có cách làm hiệu quả và xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước từ cơ sở, chi bộ.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch của Bộ Chính trị.

- Các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chủ trì, chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch của Bộ Chính trị.

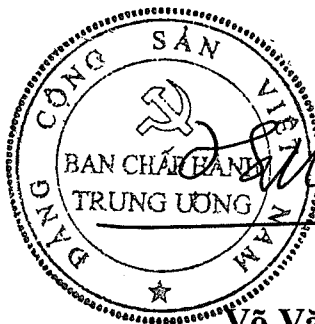
- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII và Kế hoạch này, các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở khẩn trương quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm, định kỳ hằng năm báo cáo cấp có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thưởng

HƯỚNG DẪN

thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII;
- Căn cứ Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm;

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định như sau:

I. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

Điều 1. Nói, viết, làm trái hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, quyết định của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép.

Đảng viên không được:

1. Phát ngôn, trả lời phỏng vấn, viết bài cho báo chí, trang thông tin điện tử (kể cả báo chí nước ngoài), sử dụng không gian mạng để đăng tải, bình luận, chia sẻ thông tin những nội dung trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ hoặc không chỉ đạo, triển khai thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận của Đảng, của tổ chức đảng cấp trên và cấp mình.

3. Làm những việc pháp luật cấm hoặc pháp luật chưa quy định khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Không chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép.

Đảng viên không được:

1. Không chấp hành hoặc chấp hành không đúng, không đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

2. Tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử người khác vào các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ mà theo quy định phải do cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu.

Điều 3. Phản bác, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không thực hiện trách nhiệm nêu gương; chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi; "tư duy nhiệm kỳ", đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng.

Đảng viên không được:

1. Phản bác, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận của Đảng. Phai nhạt lý tưởng cách mạng, dao động, hoài nghi; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái, đòi thực hiện "tam quyền phân lập", "xã hội dân sự", "đa nguyên, đa đảng", đòi "phi chính trị hóa lực lượng vũ trang"...; giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm, không đầy đủ trách nhiệm nêu gương theo quy định của Đảng. Thâu tóm quyền lực, lấy danh nghĩa tập thể để áp đặt, hợp thức hóa quyết định sai trái của cá nhân. Cơ hội, vụ lợi, đặt lợi ích của cá nhân lên trên lợi ích của tập thể. Chạy theo mục tiêu trước mắt, trong ngắn hạn để thu vén lợi ích cho bản thân, gia đình, cho nhóm lợi ích mà bỏ qua những mục tiêu, lợi ích dài hạn của tập thể, cộng đồng và đất nước.

3. Đoàn kết xuôi chiều, nê nang, né tránh, ngại va chạm, im lặng, không đấu tranh hoặc phụ họa theo ý kiến, quan điểm sai trái, lệch lạc; bao che, giấu diếm vi phạm, khuyết điểm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; không bảo vệ nhân tố tích cực, cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

4. Độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ, không tôn trọng ý kiến của tập thể. Quan liêu, xa rời thực tế, không sâu sát công việc, không nắm chắc tình hình trong cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị. Không gần gũi, tôn trọng, lắng nghe ý kiến góp ý của đồng nghiệp tại cơ quan, đơn vị và của quần chúng nhân dân; không giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Điều 4. Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố; tàng trữ, tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những thông tin, quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đảng viên không được:

1. Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, chia sẻ, đăng những thông tin, tài liệu mật được quy định tại danh mục bí mật của Đảng và Nhà nước; những việc chưa được phép công bố theo quy định, làm tổn hại đến Đảng, lợi ích quốc gia (gồm: những thông tin, tài liệu, dữ liệu thuộc về chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận của Đảng, Nhà nước đang trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép công bố; các tài liệu lưu hành nội bộ hoặc hạn chế lưu hành. Các tài liệu, thông tin về những vụ việc liên quan đến tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đang trong quá trình thẩm tra, xác minh hoặc đã được tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, kết luận nhưng chưa được phép công bố...).

2. Tàng trữ, tuyên truyền, tán phát hoặc ủng hộ, bao che, tiếp tay, tổ chức, lôi kéo, xúi giục, ép buộc người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu trên không gian mạng, tờ rơi, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài dưới mọi hình thức để truyền bá những thông tin, quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 5. Viết bài hoặc cung cấp tài liệu cho người khác viết, nói, cho đăng tải tin, bài sai sự thật, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định. Sáng tác, sản xuất, tàng trữ, tán phát các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật không lành mạnh, trái thuần phong mỹ tục Việt Nam, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội; tán phát bài viết, bài nói, phỏng vấn, hội ký, phim, ảnh không đúng quy định.

Đảng viên không được:

1. Viết bài hoặc cung cấp tài liệu cho người khác viết, nói, cho đăng tải tin, chia sẻ tin bài, hình ảnh sai sự thật, không đúng thực tế hoặc không đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vu cáo, bịa đặt những nội dung liên quan đến vụ án hoặc tùy tiện quy kết về tội danh, mức án trước khi tòa án ra phán quyết; đăng tin sai nhưng không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định.

2. Sáng tác, sản xuất, tàng trữ, tán phát, chia sẻ trên mạng xã hội các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật, bài viết, bài nói, bài phỏng vấn, hội ký, tranh, phim, ảnh và các ấn phẩm không lành mạnh, không đúng sự thật dưới mọi hình thức có nội dung và tính chất sau đây:

a) Kích động chống Đảng, chống Nhà nước, chống chế độ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

b) Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, chiến tranh tâm lý, gây hận thù giữa các dân tộc, các tôn giáo, gây hoài nghi, hoang mang trong nhân dân; truyền bá lối sống cơ hội, thực dụng, trái đạo lý.

c) Xuyên tạc lịch sử, độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, phản ánh không đúng sự thật về Đảng, Nhà nước, dân tộc Việt Nam, các tổ chức, cá nhân; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và công lao của cá nhân lãnh tụ đối với sự nghiệp cách mạng; xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư của cá nhân.

d) Phản ánh những vấn đề về lịch sử của Đảng, Nhà nước sai sự thật hoặc chưa được cấp có thẩm quyền cho phép công khai hoặc công bố.

đ) Truyền bá văn hóa phẩm phản động, đòi truy, có tính chất mê tín, dị đoan, trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam (diễn thuyết, mua, bán, in, sao, tàng trữ, tán phát, tuyên truyền bằng sách, ấn phẩm, băng, đĩa, phim, ảnh và các loại thiết bị khác).

Điều 6. Tố cáo có nội dung mang tính bịa đặt; cùng người khác viết, ký tên trong đơn tố cáo; viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên. Gửi, tán phát đơn khiếu nại, tố cáo dưới mọi hình thức đến nơi không có thẩm quyền giải quyết.

Đe dọa, trù dập, trả thù người khiếu nại, tố cáo; không thực hiện các quy định của Đảng và pháp luật về bảo vệ người tố cáo, phê bình, góp ý; kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu nại, tố cáo.

Đảng viên không được:

1. Tố cáo có nội dung mang tính bịa đặt làm mất, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân, như: Tạo dựng sự việc không có thật hoặc xuyên tạc sự việc; tố cáo dưới dạng tờ rơi, sử dụng mạng xã hội để nói xấu, bình luận, đăng tải thông tin, hình ảnh sai sự thật, lan truyền tin nhắn làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân. Viết đơn khiếu nại, tố cáo giấu tên, mạo tên (ký tên người khác hoặc ký tên người không có hoặc không đúng với địa chỉ), viết đơn đưa cho người khác ký tên.

2. Tổ chức, tham gia, ủng hộ vật chất, cổ vũ tinh thần hoặc kích động, xúi giục, mua chuộc, lôi kéo, cưỡng ép tổ chức, cá nhân tố cáo, khiếu nại dưới mọi hình thức.

3. Cố ý gửi hoặc tán phát đơn khiếu nại, tố cáo dưới mọi hình thức đến những nơi không có thẩm quyền giải quyết hoặc nơi không có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết theo quy định.

4. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định của Đảng và pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo, phê bình, góp ý.

5. Có hành vi mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm đối với người đã phát hiện, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực (gồm cả các thành viên trong gia đình, người thân) hoặc người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 7. Tổ chức, tham gia các tổ chức, hội trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; biểu tình, tụ tập đông người gây mất trật tự, an ninh.

Đảng viên không được:

1. Tổ chức, tham gia hoặc ủng hộ, vận động, xúi giục, ép buộc người khác tham gia các tổ chức, hội, nhóm, câu lạc bộ, diễn đàn,... không đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tổ chức, tham gia hoặc xúi giục, kích động, lôi kéo, tuyên truyền, vận động, tiếp tay, ép buộc người khác tham gia biểu tình, tụ tập đông người trái quy định của pháp luật, gây mất an ninh, trật tự.

Điều 8. Tổ chức, xúi giục, tham gia các hoạt động bè phái, cục bộ gây mất đoàn kết nội bộ. Lợi dụng việc phản ánh, góp ý kiến đối với Đảng, Nhà nước để đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện đối với tổ chức, cá nhân.

Đảng viên không được:

1. Tổ chức, tham gia, xúi giục, vận động, mua chuộc, đe dọa, lôi kéo, tập hợp đảng viên, quần chúng mang tính chất cục bộ địa phương, bè phái, dòng họ, nhóm lợi ích nhằm tranh giành lợi ích kinh tế, chính trị, vị trí công tác, chức vụ trong bầu cử, lấy phiếu tín nhiệm, bổ nhiệm, sắp xếp, bố trí cán bộ của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp một cách không chính đáng hoặc làm mất uy tín của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng quyền phê bình, tự do ngôn luận, báo chí, diễn đàn, câu lạc bộ... để phát ngôn hoặc nhân danh việc phản ánh, góp ý kiến đối với Đảng, Nhà nước để nhận xét, bình luận, đánh giá mang tính đả kích, vu cáo, xúc phạm đối với tổ chức và cá nhân.

Điều 9. Báo cáo, lập hồ sơ, kê khai lý lịch, kê khai tài sản, thu nhập không trung thực. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả, không hợp pháp; nhập quốc tịch, chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài trái quy định.

Đảng viên không được:

1. Báo cáo, lập hồ sơ, kê khai lý lịch, lịch sử bản thân không đúng, không đầy đủ, không cụ thể, không rõ ràng; che giấu, tẩy xoá, thêm bớt, thay đổi tài liệu, thông tin trong hồ sơ, hoặc kê khai không đúng quy định về nội dung, thời gian, thời điểm, người và nơi quản lý hoặc thủ tục xác nhận.

2. Kê khai tài sản, thu nhập không đúng, không đầy đủ theo quy định của pháp luật về số lượng, chủng loại, giá trị và biến động của tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc thu nhập, tài sản tăng thêm không đúng, không đầy đủ.

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập không đúng quy định về nội dung, thời gian; tổng hợp báo cáo kết

quả về xác minh tài sản, thu nhập không chính xác, không đúng thời hạn theo quy định, yêu cầu của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3. Sử dụng hoặc có hành vi bao che, giúp đỡ cho người khác kê khai, sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả, không hợp pháp để dự thi tuyển, xét tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, thi/xét nâng ngạch, thi/xét nâng hạng chức danh nghề nghiệp để được bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, bầu cử vào các vị trí, chức danh cao hơn, phong tặng hoặc công nhận các danh hiệu của Đảng và Nhà nước.

4. Nhập quốc tịch nước ngoài, chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài, mở tài khoản và mua bán tài sản ở nước ngoài không báo cáo, kê khai với tổ chức đảng quản lý trực tiếp, không đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Chủ trì, tham mưu ban hành văn bản có nội dung trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện không đúng quy định trong quản lý đầu tư, xây dựng, sử dụng nhà, đất, tài nguyên, tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước.

Đảng viên không được:

1. Chủ trì, tham mưu, thẩm định, đề xuất, phê duyệt, tham gia ban hành các cơ chế, chính sách, quyết định của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, quy định của pháp luật.

2. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước hoặc quy định của cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên trong quản lý đầu tư, xây dựng, sử dụng nhà, đất, tài nguyên, tài chính, tài sản, về:

a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, quản lý hồ sơ địa chính, ra quyết định hành chính trong quản lý đất đai; mua bán trái phép, sử dụng không đúng mục đích đất được giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các quy định khác về quản lý, sử dụng đất.

b) Quản lý nhà, trụ sở làm việc, tài sản, vốn (cổ phần hóa, thoái vốn, góp vốn liên doanh, liên kết, huy động vốn và thực hiện hoạt động cho vay vốn tín dụng...), tài chính của Đảng và Nhà nước.

c) Tham mưu, thẩm định, phê duyệt, quyết định danh mục đầu tư, chủ trương đầu tư, dự án, đấu thầu dự án, cấp phát, thanh toán vốn,... và những nội dung quản

lý nhà nước khác về đầu tư công, đầu tư có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, kinh doanh bất động sản.

d) Tham mưu, thẩm định, phê duyệt, quyết định quy hoạch xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng công trình, giấy phép xây dựng,...; về quản lý, sử dụng nhà ở và các nội dung quản lý nhà nước khác về xây dựng, nhà ở.

đ) Quyết định, cho phép nghiên cứu, thăm dò, khai thác,... tài nguyên, khoáng sản, khai thác hoặc tham gia các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản; đánh giá tác động môi trường... và các nội dung quản lý nhà nước khác về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

e) Quy hoạch rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, giao rừng, giao đất trồng rừng; quản lý, bảo vệ rừng, thu hồi rừng, đất trồng rừng,...; vận chuyển, tiêu thụ, nuôi nhốt, sử dụng làm thức ăn hoặc có hành vi gây hại đến động, thực vật quý hiếm thuộc danh mục cấm của Nhà nước và các nội dung quản lý nhà nước khác về lâm nghiệp.

g) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, ủng hộ, hỗ trợ, từ thiện, an sinh xã hội; hoạt động cứu trợ, cứu nạn.

Điều 11. Vi phạm đạo đức công vụ, bao che, báo cáo sai sự thật khi thực hiện nhiệm vụ; thiếu trách nhiệm để cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân do mình trực tiếp quản lý xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các vi phạm khác.

- Không báo cáo, không xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Can thiệp, tác động hoặc để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng) và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi.

- Lợi dụng chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung để thực hiện hoặc bao che hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đảng viên không được:

1. Vi phạm các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; quy tắc, chuẩn mực đạo đức của ngành, nghề mình đang làm việc, công tác. Không chấp hành sự phân công của tổ chức, kén chọn chức danh, vị trí công tác, chọn việc dễ, né tránh hoặc bỏ việc khó; làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; gây khó khăn, phiền hà, vôi vãnh, kéo dài thời gian xử lý công việc để trục lợi; không khách quan trong việc sử dụng các nguồn lực, đánh giá các vấn đề thuộc quyền quản lý.

2. Là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị nhưng thiếu trách

nhiệm, không nắm chắc, nắm rõ tình hình nội bộ; không giao hoặc giao việc cho cấp dưới không cụ thể rõ ràng; thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công; không có các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể xảy ra.

3. Biết mà không báo cáo hoặc cố tình báo cáo, phản ánh không đúng, không đầy đủ, không khách quan, không kịp thời các vi phạm; để xảy ra mất đoàn kết tại cơ quan, đơn vị, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách; không xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bao che, dung túng, tiếp tay cho cấp dưới vi phạm.

4. Có hành vi can thiệp, tác động, đe dọa, gây sức ép... để giúp bố, mẹ, vợ (chồng), con (con đẻ, con nuôi), anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng) và người khác được tham gia, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, kinh doanh và các ưu đãi không đúng quy định (thuế, thủ tục sản xuất, kinh doanh, mua bán cổ phần...).

5. Lợi dụng chủ trương của Đảng về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung để tham mưu, đề xuất, quyết định, thực hiện thí điểm các đề án nhằm mục đích tham nhũng, tiêu cực hoặc bao che cho việc làm sai trái của tổ chức, cá nhân.

Điều 12. Có hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động dưới mọi hình thức đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định.

Đảng viên không được:

1. Có hành vi chạy chức, chạy quyền, can thiệp, tác động, gây sức ép; dùng vật chất hoặc các hình thức khác để tác động đến cá nhân, tổ chức có trách nhiệm giải quyết công việc để bản thân hoặc người khác được tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, được bầu, chỉ định, bổ nhiệm, thăng cấp bậc hàm, phong tặng danh hiệu, chức danh, học hàm, học vị, đề cử, ứng cử, khen thưởng, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chính sách cán bộ trái quy định.

2. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ nguyên tắc, thủ tục, quy trình về công tác cán bộ; làm sai lệch hoặc tự ý sửa chữa tài liệu, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nhận xét, đánh giá cán bộ không có căn cứ, thiếu trung thực, không khách quan. Không xử lý hoặc xử lý không đúng quy định cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi công tác, học tập.

Điều 13. Can thiệp, tác động vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo để bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tác động, ép buộc, mua chuộc tổ chức, cá nhân để giảm trách nhiệm, hình phạt cho người khác.

Đảng viên không được:

1. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ các quy định (quy trình, thủ tục, phương pháp nghiệp vụ) để làm thay đổi, sai lệch kết luận, kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Tham mưu, đề xuất, quyết định giảm trách nhiệm, giảm án, giảm tội, bỏ lọt tội phạm, giảm hình phạt, mức phạt, mức bồi thường vật chất, thời gian thi hành, chấp hành án, xét ân xá... cho người khác không đúng quy định.

3. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ các quy định của pháp luật trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam, tha...) trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Thay đổi, kéo dài thời hạn, thời gian kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xử lý vi phạm mà không có lý do chính đáng; sử dụng kết luận, biên bản và các thông tin có liên quan không có trong quy trình, quy định để gây áp lực, vùi vĩnh tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức. Tạm giữ tiền, tài sản không đúng quy định.

5. Chậm giải quyết hoặc không giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, tin báo tố giác tội phạm theo quy định của pháp luật; bao che, tiếp tay, dung túng hoặc không xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình hoặc không yêu cầu khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định của pháp luật.

6. Có hành vi chống đối, cản trở, mua chuộc, trả thù, trù dập, không chế, vu khống người làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 14. Tham ô, đưa, nhận, môi giới hối lộ hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới, hối lộ dưới mọi hình thức; tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hoạt động rửa tiền, đi vay, cho vay trái quy định của pháp luật.

Đảng viên không được:

1. Chiếm đoạt tài sản của Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế mà mình được giao phụ trách, quản lý.

2. Nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ dưới mọi hình thức; tiếp tay, bao che, dung túng cho việc đưa, nhận, môi giới hối lộ; gợi ý, đòi hỏi tổ chức, cá nhân đưa chi phí ngoài quy định trong giải quyết các thủ tục hành chính, dịch vụ công.

3. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện cho việc chuyển đổi các khoản lợi nhuận hoặc tài sản khác có được từ hành vi vi phạm pháp luật trở thành tiền và các tài sản có nguồn gốc hợp pháp.

4. Tổ chức, tham gia việc huy động vốn, tài sản và cho vay trái quy định của pháp luật.

Điều 15. Tặng, nhận quà dưới mọi hình thức để tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm dẫn đến việc quyết định sai, có lợi riêng cho bản thân hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

Đảng viên không được:

Tặng, nhận quà dưới mọi hình thức để tác động đến tổ chức, người có trách nhiệm quyết định sai, có lợi riêng cho bản thân hoặc cá nhân, tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp trong những việc sau:

1. Ban hành chính sách, chế độ; phê duyệt dự án; bổ nhiệm, đề bạt chức vụ, thăng quân hàm, chuyển đổi vị trí công tác, thay đổi tội danh, mức án, hình thức kỷ luật; quyết định cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy phép, khen thưởng, công nhận hoặc xác nhận học hàm, học vị, danh hiệu, sửa điểm, nâng điểm các kỳ thi...

2. Quyết định, biểu quyết trong việc thông qua, phân bổ các nguồn lực như ngân sách, tài nguyên, nhân lực, vốn đầu tư; nâng cấp, mở rộng cơ sở, quy mô, chỉ tiêu đào tạo, dạy nghề...

3. Quyết định thay đổi quy hoạch, dự án, đề án; chuyển đổi mục đích và quyền sử dụng đất, rừng; cấp giấy phép khai thác tài nguyên, khoáng sản; thay đổi mục đích sử dụng công trình, vốn đầu tư, sản xuất, kinh doanh...

Điều 16. Không thực hành tiết kiệm; để xảy ra thất thoát, lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công trái quy định.

Đảng viên không được:

1. Dùng tiền ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, quỹ khen thưởng, phúc lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước, nguồn hỗ trợ, tài trợ để:

a) Chi tiêu không đúng nội dung, mục đích, yêu cầu.

b) Thăm viếng, tiếp khách, thưởng, biếu, tặng, cho, chiếm giữ, cho vay dưới mọi hình thức trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Chiếm hữu, định đoạt, sử dụng trái phép tài sản công (vào mục đích cá nhân, cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản công...), hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

4. Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Không thực hiện đấu thầu, đấu giá với các trường hợp đầu tư xây dựng, mua sắm, cho thuê, bán tài sản công mà theo quy định phải thực hiện đấu thầu, đấu giá.

5. Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản không đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm thay đổi, kéo dài thời gian thi công, xây dựng, mua sắm gây thất thoát, lãng phí.

Điều 17. Can thiệp, tác động để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng), bản thân và người khác đi du lịch, học tập, chữa bệnh bằng nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngành, lĩnh vực theo dõi, quản lý.

Đảng viên không được:

1. Can thiệp, tác động gây sức ép, gây ảnh hưởng để bản thân hoặc tạo điều kiện để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh chị em ruột mình, bên vợ (chồng) và người khác đi du lịch, học tập, hội thảo, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, chữa bệnh ở trong nước và nước ngoài bằng nguồn tài trợ của tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi, quản lý.

2. Lợi dụng uy tín của tổ chức, sự ảnh hưởng của cá nhân là lãnh đạo trong các tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị, xã hội; người có quyền giải quyết về tài chính, tài sản, cấp giấy phép, xét duyệt dự án về công tác cán bộ, chế độ, chính sách, an sinh xã hội; biết mà không ngăn cản để vợ (chồng), con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột mình, bên vợ (chồng) tác động để trục lợi cho mình, người thân hoặc cho người khác.

Điều 18. Tổ chức, tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức; sử dụng các chất ma túy; sử dụng rượu, bia không đúng quy định hoặc đến mức bê tha và các tệ nạn xã hội khác.

Tổ chức việc cưới, việc tang và các sự kiện khác của cá nhân, gia đình xa hoa, lãng phí hoặc nhằm mục đích vụ lợi.

Thờ ơ, vô cảm với các hành vi sai trái trong xã hội; có hành vi bạo lực trong gia đình; vi phạm chính sách dân số; sống chung với người khác như vợ chồng; vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài.

Đảng viên không được:

1. Tổ chức, tham gia đánh bạc, lôi kéo, xúi giục, kích động người khác tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

2. Sử dụng các chất ma túy, các chất gây nghiện, chất hướng thần khác (trừ trường hợp được bác sỹ chỉ định để chữa bệnh).

3. Uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc; trong sinh hoạt hàng ngày tới mức bê tha, mất tư cách; không làm chủ được hành vi ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông hoặc có hành vi thiếu văn hoá.

4. Có lối sống trụy lạc, sa đọa, suy đồi đạo đức hoặc có hành vi trái với chuẩn mực đạo đức tác động xấu đến cá nhân, gia đình và xã hội.

5. Tổ chức việc cưới, việc tang và các sự kiện khác của cá nhân, gia đình (ngày lễ, tết, sinh nhật, lên chức, mừng nhà mới, mừng thọ, chuyển công tác,...) một cách phô trương hình thức, lãng phí gây phản cảm, bức xúc trong xã hội. Lợi dụng việc cưới, việc tang và các sự kiện khác để vụ lợi hoặc đem lại lợi ích riêng cho bản thân, gia đình hoặc cho người khác.

6. Im lặng, bàng quan để sự việc xấu xảy ra miễn là không đụng chạm đến lợi ích của bản thân, gia đình, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh.

7. Có hành vi bạo lực hoặc che giấu, dung túng, cản trở việc ngăn chặn các hành vi bạo lực về thể chất và tinh thần (đánh đập, hành hạ, ngược đãi, xua đuổi, ngăn cản,...) đối với người thân trong gia đình.

8. Vi phạm chính sách dân số; sống chung với người khác (không phải vợ, chồng mình) như vợ chồng.

9. Kết hôn hoặc có con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực với tổ chức đảng quản lý trực tiếp và chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Mê tín, hoạt động mê tín; ủng hộ hoặc tham gia các tôn giáo bất hợp pháp hoặc lợi dụng các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng để trục lợi.

Đảng viên không được:

1. Có hành vi mê tín dị đoan, rải, đốt đồ mã (tiền, vàng, bạc, phương tiện, vật dụng, hình người, động vật,...) với số lượng lớn, gây lãng phí, ô nhiễm môi trường, cháy, nổ...

2. Bao che, tiếp tay cho các hoạt động mê tín, dị đoan. Xem số, xem bói, yểm bùa, trừ tà và những việc mê tín dị đoan khác (tin vào thân linh, ma quỷ, những việc không có thật do tin đồn nhảm nhí mà có); hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói.

3. Tổ chức, tham gia hoặc vận động, ủng hộ cho cá nhân, tổ chức lập mới và xây dựng đền, chùa, miếu thờ, điện thờ, nơi thờ tự của các tôn giáo khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ủng hộ hoặc tham gia tôn giáo bất hợp pháp; tham gia các tổ chức do tôn giáo lập ra khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

a) Trực tiếp ủng hộ hoặc vận động tổ chức, cá nhân khác ủng hộ dưới mọi hình thức cho các hoạt động tôn giáo trái quy định. Lợi dụng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ.

b) Tổ chức, vận động, lôi kéo, xúi giục, mua chuộc, ép buộc người khác tham gia tôn giáo bất hợp pháp; tham gia các tổ chức do tôn giáo lập ra hoặc các hoạt động do các tôn giáo tổ chức khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp:

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Quy định của Ban Chấp hành Trung ương và Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

1.2. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh Quy định và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (sơ kết hằng năm, tổng kết 5 năm) gửi cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên.

2. Đảng viên có trách nhiệm gương mẫu chấp hành quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định, Hướng dẫn về những điều đảng viên không được làm. Đối với nội dung chưa được hướng dẫn trong Quy định này thì căn cứ vào các quy định của Trung ương để thực hiện.

3. Đảng viên vi phạm Quy định về những điều đảng viên không được làm phải xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định. *12*

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các ban đảng, BCSD, đảng đoàn trực thuộc TW,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp TW,
- UBKT các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đồng chí Thành viên Ủy ban,
- Các đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan,
- Lưu: VT,LT-CNTT, Vụ NC (15b).

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM



Trần Cẩm Tú

1994